

# DUỠNG CHƠN TẬP

## MỤC LỤC

Tiểu sử dịch giả Nguyễn Minh Thiện . . . .	4	16 Mạch . . . . .	65
Tựa mới ( <i>của dịch giả</i> ) . . . . .	6	17 Trần thế . . . . .	70
Tựa cũ ( <i>của Dưỡng Chơn Tập</i> ) . . . . .	7	18 Danh lợi . . . . .	72
Tựa Quán Thông Tam Giáo . . . . .	8	19 Sắc . . . . .	74
1 Đạo . . . . .	12	20 Sự (việc) . . . . .	77
2 Lý . . . . .	16	21 Vật . . . . .	79
3 Thiên địa (trời đất) . . . . .	20	22 Ngã . . . . .	84
4 Nhơn sanh (con người) . . . . .	23	23 Giả . . . . .	87
5 Lão (già) . . . . .	27	24 Ma . . . . .	90
6 Bệnh (đau) . . . . .	31	25 Cảnh . . . . .	93
7 Tử (chết) . . . . .	36	26 Thức . . . . .	96
8 Khổ (cực nhọc, đau đớn) . . . . .	38	27 Quá . . . . .	98
9 Tánh mạng . . . . .	41	28 Thiện (lành) . . . . .	100
10 Tâm . . . . .	46	29 Mộng (chiêm bao) . . . . .	103
11 Tình . . . . .	49	30 Quỉ . . . . .	106
12 Tư (suy nghĩ) . . . . .	52	31 Thần . . . . .	108
13 Niệm (tưởng) . . . . .	55	32 Khí . . . . .	110
14 Háo (ưa) . . . . .	59	33 Tinh . . . . .	115
15 Thân . . . . .	61	34 Giáo . . . . .	118
		35 Học . . . . .	120
		36 Tri (biết) . . . . .	122
		37 Hành (làm) . . . . .	124
		38 Ngôn (lời nói) . . . . .	128

39	Tĩnh sát (xem xét) . . . . .	130
40	Kính (dè dặt) . . . . .	132
41	Khắc trị (trừ lỗi) . . . . .	136
42	Chỉ . . . . .	137
43	Quán . . . . .	139
44	Tồn dưỡng . . . . .	142
45	Giới (răn cấm) . . . . .	144
46	Định (yên nơi) . . . . .	146
47	Huệ (trí sáng) . . . . .	148
48	Thành (chơn thiết) . . . . .	150
49	Hiếu (thảo) . . . . .	154
50	Đức . . . . .	156
51	Nhân . . . . .	157
52	Tịnh . . . . .	160
53	Lạc . . . . .	163
54	Thái cực . . . . .	165
55	Trung. . . . .	168
56	Học Thánh . . . . .	170
57	Khảm Ly . . . . .	174
58	Khai quan (mở cửa ải) . . . . .	177
59	Tự chánh . . . . .	179
60	Phụ giải về chữ nhân (của dịch giả) . . . . .	182

## **TIỂU SỬ DỊCH GIẢ NGUYỄN MINH THIỆN (1897-1972)**

Nguyễn Minh Thiện là bút danh mà các môn sanh, đạo hữu Minh Lý khi nói đến ông Nguyễn Văn Miết, với tên thật là Tôn Văn Khuê. Ông thân Ngài là Tôn Văn Thi ở tại làng Lợi Bình Nhơn, thị xã Long An, tỉnh Tân An<sup>(1)</sup>, nhưng khi đi học phải làm khai sanh thì vị chánh lục bộ hỏi đặt tên gì thì ông nói cứ lấy tên Mít cho dễ, nhưng vị chánh lục bộ biên vào sổ Nguyễn Văn Miết, chữ Mít thành ra chữ Miết.

Ông Nguyễn Minh Thiện (1966-1972) là vị cố Định Pháp Tổng Lý đầu tiên của Minh Lý Thánh Hội, sau khi đã thông qua các chức vụ Phó, Chánh Hội Trưởng rồi Chủ Trì Tam Tông Miếu Minh Lý Đạo suốt đời hành đạo của Ngài. Ngài là vị đạo trưởng tôn kính của chư môn sanh nam nữ trong đạo vốn đã từng là học viên trong các lớp Tam Giáo do Ngài tận tình hướng dẫn, giảng dạy tại Chùa.

Sanh ra trong một gia đình Nho Giáo nên Ngài đã từ nhỏ học qua chữ Nho rồi lên đến các trường lớp trung học Việt Pháp và đã có bằng cấp Thành Chung (đệ tứ Trung Học, 1916). Nhờ vậy mà các bộ kinh,

<sup>(1)</sup> Do Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 24-8-2009 của Chính Phủ, xã Lợi Bình Nhơn thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An.

sách do Ngài biên soạn, phiên dịch gồm đủ cả Hán văn đến Pháp văn. Trong thời gian 1916 đến 1941 tuy vẫn hoàn thành phận sự là một công chức hành chánh trong các văn phòng chánh quyền khắp nơi, từ thành phố đến các tỉnh xa xôi; ngoài ra khi rảnh rỗi, Ngài không ngừng viết hoặc dịch kinh sách chữ Nho và chữ Pháp để ấn tống. Vì vậy nên đã phát hành khoảng 50 đầu sách và còn nhiều đầu sách đang biên soạn chưa xong.

Với đức tính luôn tận tâm phục vụ nên khi còn từng sự các nơi, Ngài đã được thăng thưởng chức vụ lần đến phẩm Huyện. Ngày 9-9-1941, vâng theo lệnh Ôn Trên Ngài làm đơn xin về hưu trước hạn tuổi và khi được chính thức cho nghỉ hưu vào đầu năm 1942 Ngài lại được ân thưởng Phủ hàm. Và từ đó Ngài đã để hết tâm trí lo phục vụ Đạo Pháp.

Ngài qui vị vào ngày 16-11 Nhâm Tý (21-12-1972) trùng vào ngày vía Đức A Di Đà Phật, được Tam Giáo Tổ Sư ân phong thánh vị là BÁC NHÃ THIÊN SƯ TAM TÔNG PHÁP CHỦ và đến năm 1995 Ngài đã được Ôn Trên gia phong NGUYỄN QUÂN BỒ TÁT<sup>(2)</sup>.

## Tổng Lý TUỜNG ĐỊNH

---

<sup>(2)</sup> Để hiểu thêm về Ngài Minh Thiện, thỉnh quý vị xem cuốn sách “*Ngài Minh Thiện – Cuộc đời và Đạo nghiệp*” đã được xuất bản năm 2010, có sẵn tại Thánh sở Tam Tông Miếu.

## TỰA MỜI (của Dịch giả)

*Cuốn **Dương Chơn Tập** này có ít chỗ không hợp với đời khoa học bây giờ, như nói: qua biển là việc khó làm (bây giờ đi tàu dễ như chơi), mặt trời lặn xuống đất (kỳ thiết trái đất quay chung quanh mặt trời), ... Nhưng đó là những lời nói theo lối xưa, nay có người vì quen miệng mà nói luôn, thì cố chấp mà làm chi!*

*Chỗ nên chú ý là trong sách này có nhiều bài giải phân rành rẽ, rất có ích cho thế đạo, nhơn tâm. Bởi vậy, tôi chẳng nệ tài sơ trí thiểu, dịch ra để cống hiến cho đồng bào tuồng lành.*

*Người làm sách, tuy phần nhiều rút lời Thánh Hiền trong sách Nho để xiển minh chánh giáo, nhưng cũng có luận qua lý Thích giáo và Đạo giáo. Cho nên sau này có bài tựa Quán Thông Tam Giáo (thông suốt cả ba Đạo) của Bạch Tản Lão Nhơn, là người tóm tắt ý kiến của tác giả và ghi lời phê bình sau mỗi bài.*

*Theo bốn chữ Nho thì cuốn **Dương Chơn Tập** phân ra làm hai quyển: quyển thượng và quyển hạ. Mỗi quyển dịch ra cũng khá nhiều. Trước kia muốn cho tiện bề phổ thông, nên xuất bản làm bốn tập nhỏ. Nay tái bản xin hiệp chung vào một quyển đủ trọn bộ.*

Năm Đinh Dậu, tháng sáu, ngày 26  
(23 Juillet 1957)

**NGUYỄN MINH THIÊN** kính đề

## TỰA CŨ (của Dương Chơn Tập)

*Tháng Giêng, năm Quý Mão, tôi ở kinh đô về ghé áp của người bạn tôi, nghỉ tại thư phòng. Thấy trên bốn vách phòng dán giấy chữ chấp chồng, dày chặt như vảy cá, tôi mới bước lại xem: nào là Đạo của trời đất, nhật, nguyệt; nào là lý về qui thần, nhơn vật; nào là thuật siêu sanh, trường sanh; nào là phép xuất thế, nhập thế. Chẳng điều gì mà không chép đủ, chẳng có điều gì mà không tinh tường. Ấy thiệt là lời tinh tế, là phép tu thân.*

*Tôi mới xin phép bạn tôi chép hết ra, phân từng loại, rồi xếp tập. Khi thành sách rồi, lại chia làm quyển thượng và quyển hạ.*

*Sách này đem ngay những điều chơn, lẽ nguy trong Tam Giáo cùng những tâm pháp của tác giả tự đắc mà bày tỏ hết ra dạy người, chẳng chút gì giấu giếm cả. Khiến nên kẻ xem cuốn sách này, nếu ngẫm nghĩ cho kỹ càng, tự nhiên thiện tâm phát hiện, rõ thấu đến chỗ tinh vi. Nhờ vậy mà kẻ mê đặng ngộ, người tà ra chánh, chẳng làm nhập theo bàng môn; người ám đặng minh, kẻ yếu ra mạnh, không nửa đường mà thối bước. Vậy thì tập sách của bạn tôi đây sẽ có cái công giúp ích cho thế đạo, nhơn tâm lớn biết mấy!*

*Bạn tôi đạo hiệu là Dương Chơn. Còn tôi già cả, vụng về, không giúp thêm đặng câu nào, chỉ có đề ba chữ **Dương Chơn Tập** làm nhãn hiệu sách này đó thôi.*

## TỰA QUÁN THÔNG TAM GIÁO của BẠCH TẤN LÃO NHƠN

*Thông Huyền lý (lý đạo Tiên) mà chẳng thông Thiên (đạo Phật), thế nào cũng mắc bịnh chấp nê. Thông Thiên lý mà chẳng thông Nho (đạo Thánh), chắc sẽ thành ra phe cuồng huệ.*

*Học Thiên, Nho thông rồi, mà mượn lý Đạo để rõ thông thêm nữa, chẳng những đời nay hiếm người, mà xưa kia trong hàng tăng nhơn, đạo sĩ, trù xú Tử Dương, Liên Trì ra, thường không đặng gặp mấy kẻ!*

*Năm Bính Ngũ, nhằm mùa Hạ, một bữa kia, tình cờ tôi tới thư phòng của bạn tôi là Triệu Công, thấy trên bàn có một cuốn Dương Chơn Tập. Hỏi ra cuốn sách này tự đâu mà có, thì mới rõ bạn tôi thỉnh nó tại chùa Huệ Phước, ở Hải Điền. Ông sư trong chùa này lại nhờ Trần Đề Đài trao cho. Đề Đài lại thỉnh của thầy dạy học trong nhà mình.*

*Tôi bèn mượn sách ấy đem về xem, mới biết là của người ẩn sĩ hiệu là Dương Chơn Tử soạn ra. Tiếc vì trong đó không nói rõ họ tên, nhưng đoán là người trong nhóm Xích Tông Tử, Huỳnh Thạch Công thì chắc hẳn không sai.*

*Cuốn sách này do nghiệp Nho, mà hiểu phép Thiên, lấy hư linh mà dưỡng Xá Lợi; do phép Thiên mà chứng Đại Đạo, mượn Bác Nhã để luyện Kim Đơn. Bàn về bên **không** thì đều là chơn truyền theo **cầm bông, vẽ vách**<sup>(1)</sup>; luận đến*

---

(1) **Cầm bông** là nhắc tích Đức Thế Tôn cầm bông dạy chúng tại hội Linh Sơn. Khi ấy, ai ai cũng làm thỉnh, chỉ có Ca Diếp phát cười chum chim. Thế Tôn mới nói rằng: “*Ta có chánh pháp nhãn tàng,*

*lễ Đạo thì không có giả tá thuộc diên cạp, hồng rông<sup>(2)</sup>.  
Chỗ khoái vui của Không, Nhan<sup>(3)</sup>, thì nhẹ tay mà vẽ bày;  
còn phần tân truyền<sup>(4)</sup> của Liêm, Lạc<sup>(5)</sup>, lại tùy bút mà phát  
lộ. Hiệp ba giáo đem về một mối, dẹp hết bạch mã, thanh  
ngưu, là điều huyền tướng; qui trăm nhà dẫn lại một  
đường, lậu tiết thiên tâm, thủy diện<sup>(6)</sup> là chỗ tinh vi.  
Chẳng xây lầu các ở giữa không trung, mỗi bước có  
nấc thang, tạo thành cầu kỳ nơi trong huyền hải, mọi*

---

*Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, chẳng dùng  
văn tự, là phép truyền riêng (chỉ truyền bằng tâm, không có ghi trong  
kinh luận). Nay Ta đem chỉ cho Ma Ha Ca Diếp”.*

Vẽ vách là nhắc tích Trương Tăng Diêu vẽ bốn con rồng ở trên  
vách tường chùa An Lạc, tại Kim Lăng mà không điểm nhãn (chấm  
con người), lại nói rằng: “Điểm nhãn cho nó thì nó bay đi”. Ai nghe  
cũng cho lời nói đó là hoang đường. Họ Trương mới điểm nhãn thử  
một con rồng cho biết. Bỗng chốc sấm sét nổi lên đánh đổ vách tường,  
con rồng được điểm nhãn bèn cỡi mây về trời, chỉ còn mấy con rồng  
kia ở lại đó thôi.

Người sau hay dùng chữ vẽ vách hoặc chữ cảm bông để chỉ những  
chỗ yếu lý.

(2) Diên là chì, màu đen, tí dụ Khí, như chữ cạp. Hồng là châu sa  
(có chỗ gọi là thủy ngân ở trong châu sa mà ra) màu đỏ, tí dụ Thần,  
như chữ rông.

(3) Không là Không Tử, Nhan là Nhan Hôi.

(4) Tân là củi, truyền là truyền dạy. Tân truyền là nói cây củi này  
cháy hết thì bắt qua cây củi khác, cho nên lửa không dứt. Thầy trò  
truyền cho nhau cũng thế, nên gọi là tân truyền.

(5) Liêm là chỉ Châu Đôn Di ở Liêm Khê. Lạc là chỉ hai anh em  
Trình Di, Trình Hạo ở Lạc Dương.

(6) Thiên tâm là lòng trời (ở giữa trời), thủy diện là mặt nước.  
Nói thiên tâm thủy diện là dẫn tắt câu: *Nguyệt đảo thiên tâm xứ,  
phong lai thủy diện thì*, nghĩa là: Mặt trăng ở giữa trời cao, gió thổi lai  
rai mặt nước. Đây là chỉ cảnh chí tịnh.

*nơi vạch đường lộ.*

*Nạp tử (người mặc áo bá nạp, là chỉ tăng lữ) mời chiêu  
ném vị (ném mùi đạo đức), chẳng cần mười quyển Lăng  
Nghiêm; võ khách (khách bận áo lông, là chỉ đạo sĩ) đi  
đứng nơi theo, nào dụng năm ngàn Đạo Đức (cuốn kinh  
Đạo Đức có năm ngàn chữ). Cỡi ngựa ra đi, viếng ít nhiều  
chốn mây nước ba ngàn nơi; quày đầu trở lại, mới ngồi yên  
trong động Tiên mười hai cảnh.*

*Nhân thấy quyển sách báu lạ, hiếm có, tôi bèn quên hẳn  
sự quê dốt của mình, thêm chút ý ngu, đưa ra khắc bản,  
ngõ hầu sắp tới ai muốn tầm lý chơn, chẳng cần tới quán  
Bạch Vân; mà cũng từ đây kẻ mong tầm Đạo chánh, khỏi  
phải vào lầu Huỳnh Hạc. Mò châu lượm ngọc, toàn mong  
nơi mắt sáng bực cao mình; thoát xác phi thăng, ngõ đáp  
tác lòng lành người tác giả.*

*Ôi! Kiềm Khôn lớn thế này, phải có khách tri âm; còn  
thế giới rộng dường kia, há không người kiến tánh.*

*Vừa chấm bút đã suốt mấy lời, ấy vô tâm mà thành bài  
tựa.*

*Hiệu Càn Long, năm Đinh Mùi, thượng nguơn,  
ngày xem đèn (hội huê đăng).*

**Bạch Tản Lão Nhơn,**

*tên tộc là Vương Sĩ Doan,*

*đề tựa này ở Bồng Hồ<sup>(7)</sup> tại trần thế (chót núi Hiếu Phong)*

---

<sup>(7)</sup> Bồng Hồ tức là Bồng Lai. Sách có giải rằng giữa biển có ba hòn  
núi: một là Phương Hồ, tức là Phương Trượng; hai là Bồng Hồ, tức là  
Bồng Lai; ba là Dinh Hồ, tức là Dinh Châu. Vì ba hòn núi ấy hình cái  
bầu, nên lấy chữ Hồ là bầu mà đặt tên.

Đây là cảnh trần, mà đặt tên là Bồng Hồ, chớ chẳng phải cảnh  
tiên.

## DƯỠNG CHƠN TẬP

### 1. ĐẠO

Ở trong khoảng trời đất này, con người muốn làm việc về vang đệ nhứt thì có chi bằng đọc sách. Còn ở trong hạng người đọc sách, mà muốn nên một bậc cao thượng tốt vời thì có chi bằng học Đạo.

Châu Tử nói rằng: Đọc sách là đề cầu Đạo, chẳng vậy thì đọc làm gì? Chớ học mà thi cử<sup>(4)</sup> là việc ngoài phận sự, rất tiếc cho sự học ấy làm hư biết bao nhiêu người ta!

Kinh Đạo Đức có nói rằng: “*Cố lập thiên tử, trí tam công; tuy hữu củng bích dĩ tiến tứ mã, bất như tọa tán thử Đạo*”, nghĩa là: Cho nên lập ngôi thiên tử, đặt bậc tam công; tuy có ngọc củng bích và giục xe ngựa tứ, chẳng bằng ngôi một chỗ mà nghĩ thấu trong cái Đạo này<sup>(5)</sup>.

---

<sup>(4)</sup> Đây là chỉ hạng người đọc sách thuộc lòng để thi làm quan mà thôi, chớ không tìm cầu đạo lý để trau dồi đức hạnh.

<sup>(5)</sup> Trong kinh Đạo Đức, chương 62, trước câu này có nói rằng: “*Nhơn chi bất thiên, hà khí chi hữu!*”, nghĩa là: Người nào mà chẳng lành, có phải bỏ họ đâu! Cho nên sau mới tiếp nói: “*Cho nên lập ngôi thiên tử, đặt bậc tam công*”, là chủ ý để dạy người chẳng lành nói trước kia. Thiên tử chủ đạo, tam công dạy đạo. Tam công là thái sư, thái phó, thái bảo, để làm kiêu mẫu cho thiên tử. Thiên tử phải noi theo đó mà ban bố cái Đạo.

Chữ **củng** 珙 trong bốn xưa viết chữ *ngọc* 王 bên chữ *cộng* 共, là ngọc bích to. Bích là vật làm bằng ngọc, hình tròn thể trời, giữa trông thể Đạo. Bốn nay hay viết chữ *tài xóc* bên chữ *cộng* 拱, là hai bàn tay

Hồi xưa, các đế vương đã lo đạo vua mà lại gồm đạo thầy. Cho tới đời Đức Khổng Tử, cái đạo này chẳng còn ở tại nhà vua nữa, mà ở nơi kẻ sĩ (người thông chữ nghĩa, nghiên cứu học vấn). Đời nay, không phải là không có kẻ sĩ, mà ai là kẻ thấy mà biết Đạo, ai là kẻ nghe mà hiểu Đạo?

Vả chẳng Đạo như con đường cái, thì có phải khó biết đâu! Lỗi tại người không cầu đến nó mà thôi, chớ cầu thì chắc đặng. Bực thiên tử đặng Đạo thì gìn giữ được thiên hạ, các chư hầu đặng Đạo thì gìn giữ được nước, quan khanh đại phu đặng Đạo thì gìn giữ được cửa nhà, kẻ sĩ thứ đặng Đạo thì gìn giữ được thân mình.

Tài là món người ta dùng mà ít khi đến rồi việc (chỉ được một lúc). Đức là món đồ để trau mình mà hữu

---

nắm lại. Tư Mã Ôn Công nói: Ngọc bích lớn như hai bàn tay nắm lại (*củng thủ*) cũng thông.

Chữ tiên nghĩa là tiền đạo, dẫn tới, giục tới. Con ngựa tứ là ngựa tốt, ngựa hay, bốn con thắng vào một cỗ xe. Tuy có ngọc cùng bích là lạ và giục xe ngựa tứ là tốt, mà đạo chơi như ngôi thiên tử, bực tam công, nhưng chẳng bằng ngôi mà nghĩ tới, nghĩ thấu trong cái Đạo thanh tịnh vô dục này. Ý nói đừng thấy ngọc bích, ngựa tứ mà ham, vì không phải quý gì đâu, chỉ có thêm hại là dấy lòng tranh giành. Duy có Đạo là quý mà thôi. Sao vậy? Đạo Đức Kinh có tiếp giải rằng: “*Bất viết: cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn dã?*”, nghĩa là: Chẳng nghe nói: Cầu gì đặng nấy, có tội được khỏi tội sao?

Có chỗ giải nghĩa câu trên rằng: Lập ngôi thiên tử, đặt bực tam công, đặng đem cái Đạo này mà cứu người. Tuy đem cho ngọc cùng bích là quý, xe ngựa tứ là tốt, chẳng bằng đem gieo cái Đạo này cho nhiều (truyền rộng). Nhưng dịch như thế đó thì bỏ mất chữ *tọa*.

đanh. Còn Đạo thì vô danh, nên dùng nó được hoài. Cho nên người quân tử chỉ lo học Đạo này, công danh phú quý đều coi như phù vân, mặc nó lại lại, đi đi, trong lòng vẫn không không, chẳng chút nào động cả.

- Có kẻ nói: Người quân tử chỉ lo học Đạo, mà làm vậy có đặng ích gì chẳng?

- Trả lời: Có.

- Dám xin chỉ bảo giùm.

- Người học Đạo là học cái ở nơi ta. Tâm phải mở rộng, thân phải tươi nhuận, bịnh có thể mạnh, chết có thể khỏi. Sự ích như thế này, thì còn sự ích nào hơn nữa?

- Lại hỏi: Người học Đạo quả thiệt có sự ích với sự vui đó sao? Mà nay người thế thấy có kẻ học Đạo thì đều mắng họ là làm xằng, là tại sao vậy?

- Trả lời: Kinh Đạo Đức nói rằng: “*Thượng sĩ văn Đạo cần nhi hành chi, trung sĩ văn Đạo nhược tôn nhược vong, hạ sĩ văn Đạo đại tiếu chi, bất tiếu bất túc dĩ vi Đạo*”, nghĩa là: Người thượng sĩ nghe Đạo thì ân cần mà làm theo, người trung sĩ nghe Đạo như nhớ như quên (không chú ý lắm), kẻ hạ sĩ nghe Đạo thì cười lớn lên, nếu chẳng cười thì đâu đủ gọi là Đạo (vì Đạo rất khó, chẳng phải bọn tầm thường mà hiểu được).

Bạch Tân Lão Nhon nói rằng: “*Trong hạng người đọc sách, cao thượng đệ nhất thì có chi qua người học Đạo. Mà từ xưa đến nay, kẻ học Đạo đông đức, còn*

người thành Đạo le the, cái duyên có ấy bởi đâu?

Trước phải có căn khí cao, kế đó phải đọc sách nhiều, sau rốt phải sớm gặp Thầy. Căn khí chẳng cao thì không mong gì xuất thế được, đọc sách chẳng nhiều thì không thể thấy lý mà nhìn biết ngay được, không gặp Thầy sớm thì hay làm vào nẻo bàng môn, tiểu thuật, rốt cuộc chẳng đặng thành Đại Đạo.

Hãy coi thử Chung, Lữ, Tử Dương, Ngọc Thiềm, Khuru Tổ chư Tiên, đều là hạng đỉnh ngộ siêu quần, lòng đầy muôn quyện, lại sớm gặp Tiên Sư. Nhờ vậy mà danh nêu Tiên tịch (bộ Tiên), thân thoát trần phàm.

Bằng trong ba điều đó mà sót lấy một, chắc khó mà thành Đạo. Nếu bảo rằng lời Ta có chỗ gì sai, thì xin hỏi lại các Ngài nơi Bồng Đảo”.

## 2. LÝ

Đạo có một mà thôi. Ở trên trời thì gọi là mạng, ở nơi người thì gọi là tánh, ở tại vật thì gọi là lý. Cái lý này lưu hành ở trong khoảng trời đất, phát hiện trong việc làm hằng ngày. Sự gì, vật gì đều có cái lý đương nhiên (cái lý phải như vậy) không thể rời ra được, tức là có cái lý sở dĩ nhiên (duyên có làm ra vậy) không thể dời đổi được.

Duy người quân tử hay noi lý thì mới lấy lý mà xét vật: phải quấy, lành dữ, nhơn đó mà bày ra. Như vậy gọi là vô ngã (không có cái ta). Vô ngã thì công chánh, công chánh đặng quang minh (sáng suốt), quang minh ắt cư xử nhằm lẽ, mà lại cùng tột tánh vật (biết hết tánh vật). Nếu lấy cái ta mà xét vật thì sanh lòng thương ghét không chừng, chẳng khỏi nhậm tình (theo cái ý riêng của mình). Nhậm tình thì tà tây, tà tây bị hôn tối, hôn tối ắt điên đảo, rối loạn, chỉ biết có ta mà không biết có lý.

Có lý thì có khí, khí lộ mà lý ẩn. Có khí thì có hình, hình lộ mà khí ẩn. Lý chẳng bao giờ không *trung* (ngay chính), còn khí thì *thiên* (chinh nghiêng)<sup>(6)</sup>, hình lại cũng *thiên*. Trung không có gì chẳng lành. Thiên có chỗ chẳng lành. Nếu muốn biến đổi cái chẳng lành vì

---

<sup>(6)</sup> Chữ *trung* và chữ *thiên* tôi dịch là ngay chính và chinh nghiêng, đây là lấy cái thể mà nói. Còn về phần dụng, chữ *trung* có nhiều nghĩa, xin xem trong bài chữ Trung trang 173 có giải rõ.

thiên mà ra, đặng qui về chỗ lành ở ngôi trung thì khi trong lòng mới máy động, phải tỉnh sát cho nghiêm mật. Điều gì phát nơi *trung*, thuộc lý, thì khoách sung nó. Điều gì phát nơi *thiên*, thuộc hình, thì tuyệt bỏ đi. Lâu lâu như vậy thì cái lý tự nhiên thường còn, cái dục tự nó tiêu mất.

Cái lý trong thiên hạ chẳng thể không cùng cứu, mà cũng chẳng thể nào cùng cứu cho trọn hết. Có chỗ bí yếu, là phân biệt sự lầm lạc trong tâm ta mà thôi. Phân biệt thì quang minh, quang minh đặng chơn thành, chơn thành ắt sẽ rõ các lý trong thiên hạ ở tại ngôi trung vậy.

Thánh nhơn có nói rằng: Thương thì muốn cho nó sống, ghét thì muốn nó chết. Đó là một sự làm<sup>(7)</sup>.

Nhơn một hồi nóng giận làm lụy thân mình, lụy luôn đến người thân thích nữa. Chẳng phải là làm sao<sup>(8)</sup>?

Do theo lời của Thánh nhơn nói trên mà bàn rộng ra:

Khi mình gặp cảnh nghèo hèn, lại mong cầu giàu sang, cũng là làm.

Người ta không đến học, mà lại mong sang dạy người ta, cũng là làm.

---

<sup>(7)</sup> *Ái chi dục kỳ sanh, ó chi dục kỳ tử, thị hoặc dã* (Coi sách Luận Ngữ, chương thứ 12).

<sup>(8)</sup> *Nhứt triêu chi phận, vong kỳ thân, dĩ cập kỳ thân, phi hoặc dư?* (Coi sách Luận Ngữ, cũng chương thứ 12).

Tà giáo mê hoặc lòng người, phép vua cấm mà còn chưa dẹp hết, ta muốn lấy lời nói suông để cản ngăn, cũng là làm.

Cái Đạo của Thánh Hiền phải chờ người xứng đáng, mới thi hành được. Nay muốn cho bọn dung chúng làm, lại chẳng phải làm sao?

Việc có cái mà mình không thể nào làm nên, vật có cái mà mình không thể nào có đặng, nhưng cứ toan tính hoài trong tâm, cũng là làm.

Người ta có kẻ không phương ép uổng theo mình, việc có phần chẳng thể làm nên vội gáp, nhưng cứ bo bo lo lắng, chẳng phải làm sao?

Phận sự của mình bây giờ chẳng làm, mà phát sanh ý muốn bông lông ra ngoài, đó là làm vậy.

Lời Thánh nhơn chẳng sợ, mà lại tưởng đến việc tà tây của bọn vô Đạo, không phải làm sao?

Biết rõ một điều lành là *trung*, mà chẳng trí trung (thật hiện chỗ trung đó); biết rõ muôn phép do *tâm*, mà chẳng liễu tâm (dọn sạch cái tâm mình, xét thấu cái tâm mình), ấy là làm.

Biết rõ sanh tử là việc lớn, mà chẳng nhận bản thể tự tánh là không sanh (vô sanh); biết rõ vô thường đến chóng mau, mà chẳng tìm hiểu nó vốn chẳng mau chậm (*vô tốc*)<sup>(9)</sup>, không phải làm sao?

---

<sup>(9)</sup> *Thế tức vô sanh, liễu bản vô tốc*. (Coi Pháp Bửu Đàn Kinh, khoản Huyền Giác Thiền Sư).

Lý là món ta sẵn có, khươi vạch ra thì tự nhiên có. Dục là cái ta vốn không, hằng xét rõ tự nhiên không. Nén dục gìn lý chẳng phải là hai việc riêng nhau. Hễ nén được một phần dục, tức là gìn được một phần lý. Hễ nén được mười phần dục tức là gìn được mười phần lý. Lợi cho người có chí hơn lý, mà người gìn giữ lý thì ít. Tồn cho người có chí hơn dục, mà người buông theo dục lại nhiều.

Người có lòng dục cũng như cây có sâu ăn ruỗng ở trong ruột, chẳng bao lâu thì phải chết. Người ta lấy dục làm vui, mà chẳng biết dục là lửa dấy, chẳng giục tắt nó thì nó sẽ đốt cháy mình. Thần hồn bị nó chung khô, tử sắc làm hao tinh khí, sanh bệnh, sanh ghe, ngày đêm rên siết. Nhà Phù Đồ (nhà Phật) gọi chết rồi sau mới chịu tội mà chẳng rõ sanh tiền đây đã chịu tội trước rồi.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Châu Tử có nói: ‘Minh bất chí tắc nghi sanh, minh vô nghi giả’*. Nghĩa là: *Rõ chẳng tới nơi, tới chốn, ắt sanh lòng ngờ vực. Hễ rõ được rồi thì hết ngờ vực.*

*Kể nhiều năm khảo cứu nghĩa lý mà còn chưa nhìn được lý cho chánh chơn, làm theo lý cho phải phép, hướng hồ là kẻ không có công học vấn. Người thế nhờ MINH LÝ mà bảo thân vẫn nhiều, vì TRANH LÝ mà táng thân lại cũng chẳng phải ít. Cho nên Thiên gia lại cho lý là chương ngại”*.

### 3. THIÊN ĐỊA (Trời Đất)

Đại Đạo không có hình, Trời Đất là cái Đạo có hình. Trời Đất không nói ra lời, Thánh nhơn là Trời Đất nói ra lời. Thánh nhơn, ta không đặng giáp mặt với các Ngài, chớ không phải là không thấy kinh sách. Thấy kinh sách mà rõ được nghĩa lý thì có khác chi thấy Thánh nhơn đâu?

Trời sanh hình thể ta, Trời phú bản tánh ta, trong ngoài chi chi đều là của Trời thì ta đâu dám trái vạy. Ta ở trong cảnh Trời, Trời ở trong Tâm ta. Ai thấy Trời Đất mà bắt chước cái thanh tịnh thì đối với Đại Đạo không hại. Có một chút ý riêng thì mang tội chẳng nhẹ. Hình thể có tánh thiên nhiên; noi tánh thiên nhiên mà hành thì tự nhiên không bị lụy về nhơn dục. Việc làm mỗi ngày có phép nhứt định: Giữ phép nhứt định mà cử động thì ắt khỏi lỗi bởi trái qui (trái phép tắc, qui củ).

Một động, một tịnh, cái Đạo của người chẳng có giờ nào là không cùng Trời Đất tương hiệp.

Một hô, một hấp, cái khí của người chẳng có giờ nào là không cùng Trời Đất tương thông.

Thường thấy mặt trời lặn xuống đất là cái tượng hình tâm hỏa hạ giáng. Còn mặt trăng mọc giữa trời là cái biểu hiệu của thận thủy thượng thăng. Ngửa mặt lên

xem ngôi Bắc Thần<sup>(10)</sup>, tuy thấy nó ở một chỗ, mà các vì tinh tú đều châu chung quanh. Ngôi này gọi là Thiên Xu, tức là then chốt của Trời.

Trời đã có then chốt, lấy đó mà làm căn bản cho Tạo Hóa. Người cũng có then chốt, lấy đó làm nguồn cội cho tánh mạng. Cũng thời người như nhau mà có người gọi là đại nhơn, ấy là đức mình hiệp với đức của Trời Đất vậy.

Thử xét coi cái tâm ta và cái tánh ta có hiệp với Trời Đất là bao nhiêu. Chỗ nào hiệp thì cố gắng thêm, chỗ nào không hiệp thì mau sửa đổi. Như thế có lo gì không làm đến bậc đại nhơn.

Trời sanh, Đất thành, là đại phụ mẫu của chúng ta. Trời động, Đất tịnh, là đại sư giáo của chúng ta. Thánh Hiền đã qua là con thảo của Trời Đất, còn Thánh Hiền sẽ đến là cháu hiền của Trời Đất. Ai hay yêu cha mẹ

---

<sup>(10)</sup> Sách Luận Ngữ nói rằng: “Vi chánh dĩ đức, thí như Bắc Thần cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chí”, nghĩa là: Trị dân lấy đức, tí thí như ngôi Bắc Thần ở chỗ mình (không động), mà các vì tinh tú đều châu chung quanh ngôi ấy vậy. Ý nói: “Bất động nhi hóa, bất ngôn nhi tín”, nghĩa là: Ở một chỗ mà cảm hóa, không nói không rằng mà thiên hạ tin.

Châu Tử nói rằng: Bắc Thần là chỗ trung gian, không có tinh tú, mà cũng chẳng động chút nào. Bắc Thần đã không tinh tú mà người ta muốn lấy nơi đó mà làm cực điểm thì không lẽ chẳng có cái gì để nhìn cho biết. Bởi có mới chọn một vì sao nhỏ ở một bên mà gọi là Cực Tinh (*Từ Nguyên*).

Kỳ thiết, vì sao nhỏ này cách Bắc Thần, về bên hướng Bắc, một độ. Bắc Thần chẳng phải là Bắc Đẩu như nhiều người hiểu lầm, chánh là ngôi Tử Vi ở trung ương, chủ tể hết các vì tinh tú.

mình thì đức lớn sẽ đặng mạng Trời làm vua (như vua Thuấn)<sup>(11)</sup>. Ai hay kính thầy dạy mình, là học từ bậc thấp mà lên bậc cao.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “Người không sợ Trời là vì thấy Trời ở xa. Cái điểm quan trọng của bài này bất quá là có một câu: **Trời ở trong tâm ta**. Con người nếu thiết biết rằng Trời ở trong tâm mình, dám không sợ sao? Dám không kính sao? Sợ kính lâu rồi thì mới có thể minh tâm, có thể kiến tánh, có thể thành Phật, có thể làm Tổ. Chỉ lo một điều là biết rồi quên rồi đó thôi”.

---

<sup>(11)</sup> Hoặc đăng ban Đại Đạo.

#### 4. NHON SANH (con người)

Nhon sanh là Thái cực. Thái cực động thì sanh dương làm hỏa, hỏa là thần. Thái cực tịnh thì sanh âm làm thủy, thủy là tinh. Thần hỏa, tinh thủy hiệp đúng phép thì kết lại làm căn bản cho nguồn khí, ở giữa khoảng hai cái thận.

Chúng ta trước khi sanh ra, cái khí bẩm thanh trực là do nơi Trời phú, chớ con người không can dự việc đó. Mà khi đã sanh rồi, cái nhon phẩm tà chánh do nơi người tạo ra cho mình, chớ Trời chẳng chủ trương được nữa.

Trời Đất sanh người, hạng thượng trí vẫn ít, mà hạng hạ ngu cũng ít, duy bậc trung nhon rất nhiều. Trung nhon mà tự cường, nghĩa là ráng hết sức mình, cùng thượng trí sẽ đồng bậc. Trung nhon mà tự khí, nghĩa là đánh liều thân mình (nhận mình là kẻ vô dụng, không muốn làm gì) cùng hạ ngu chẳng khác chi.

Nay người ta chỉ biết mình là nhờ cha mẹ sanh ra, mà chẳng biết ta và cha mẹ ta, cùng trời đất, đều nhờ Đạo sanh ra. Cho nên người quân tử trước phải cầu Đạo, đặng rồi mới không hổ với Trời Đất, thẹn với cha mẹ.

Tử Công nói rằng: “Cái đạo của vua Văn, vua Võ,

*chưa sa tới đất (mắt biệt), còn ở nơi người”*<sup>(12)</sup>. Chẳng phải nói người đời Xuân Thu mà thôi, cũng chỉ người đời nay. Chẳng phải nói người đời nay mà thôi, cũng chỉ người đời sau nữa.

*Nhứt nhon sanh lai hữu nhứt thân,  
Nhứt thân giai hữu nhứt chon nhon.  
Chon nhon linh diệu thông thiên địa,  
Chon nhon thanh tịnh vô ai trần.  
Chon nhon tự cổ bất tăng giảm,  
Chon nhon tòng lai mạc tử sanh.  
Đản năng dưỡng đắc chon nhon tự,  
Thắng như bản tử hoạch vạn tâm.*

Nghĩa là:

Mỗi người sanh ra có một thân,  
Một thân đều có một Chon nhon.  
Chon nhon linh diệu thông Trời Đất,  
Chon nhon tịnh thanh dứt bụi trần.  
Chon nhon từ trước không tăng giảm,  
Chon nhon xưa nay chẳng tử sanh.  
Chỉ lo dưỡng được Chon nhon ấy,  
Hơn đũa khó nghèo gặp vàng cân.

Mạnh Tử nói rằng: *Chỗ con người ta khác với loài cầm thú, chỉ có một chút. Kẻ thứ dân bỏ ra, còn người quân tử giữ lấy **chút ấy***<sup>(13)</sup>. Chút ấy là chon tánh, hoặc

<sup>(12)</sup> Tử Công viết: *Văn võ chi đạo vị trụ u địa, tại nhon.* (Coi sách Luận Ngữ, chương thứ 19).

<sup>(13)</sup> Mạnh Tử viết: *Nhon chi sở dĩ dị u cầm thú giả, kỉ hi; thứ dân*

gọi là chơn như trên đó cũng được. Giữ nó thì thành Thánh, thành Hiền, bỏ nó thì làm chim, làm thú. Đương lúc bỏ nó ra, tức thì biến làm chim, thú (biến trong tâm), chẳng phải đợi chết rồi hay là đến kiếp sau.

Như nay trời có ngũ hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Chẳng ngừng gọi là *hành* (đi). Nếu ngừng một chút thì hết gọi là hành nữa.

Như nay người ta có ngũ thường là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Chẳng biến đổi gọi là *thường*. Một niệm vừa biến thiên thì hết gọi là thường nữa.

Nhưng ngũ hành, ngũ thường này đều có đủ trong mình ta, tức là ngũ tạng: *Tâm, Can, Tì, Phế, Thận*<sup>(14)</sup>. Ngũ tạng đây là gốc lớn sanh con người. Nếu phạm đến gốc lớn này thì không thể nào sống được. Cho nên thầy thuốc rành nghề trị bệnh thì trước phải điều hòa ngũ tạng. Khi phát ra trong việc làm hằng ngày thì gọi là ngũ luân: quân thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu<sup>(15)</sup>. Ngũ luân này là cái đạo thông dụng trong thiên hạ. Bỏ cái đạo thông dụng nói đây thì còn gì là con người nữa. Cho nên các tiên vương dạy người thì trước lo chỉ rõ cái lý ngũ luân. Còn người đời nay có kẻ quên thân thể, bỏ như luân để mà cầu Đạo. Thiệt họ chẳng biết cái quấy đó. Kẻ thế thấy vậy thất kinh,

---

*khử chi, quân tử tồn chi.* (Coi sách Mạnh Tử, chương thứ hai).

<sup>(14)</sup> Trái tim, lá gan, lá lách, buồng phổi, trái cật. Tì là lá lách, chớ không phải bao tử. Bao tử, Nho gọi là vị. Tì là tạng, vị là phủ. Vì tì vị cả hai đều thuộc về bộ phận tiêu hóa, nên người ta hay nói luôn tì vị.

<sup>(15)</sup> Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè.

lấy làm quý lạ, mà tôn sùng hạng người ấy thì cũng là không biết cái quấy đó nữa.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Khi bắm có thanh trước là do nơi Trời, như phẩm có tà chánh là do nơi mình. Chỗ này nói ra được rất hay. Một lúc có ngừng, không thể gọi là hành. Một niệm vừa biến, không thể gọi là thường. Chỗ này nói ra được lại càng hay hơn nữa*”.

## 5. LÃO (già)

Người đầu nói: Người tới 60 tuổi, mỗi năm thấy già thêm một năm. Người tới 70 tuổi, mỗi tháng thấy già thêm một tháng. Người tới 80 tuổi, ngày ngày đều thấy già thêm. Nghĩa là: Càng lớn tuổi, càng thấy mau già.

Ta nay đã trên 80 tuổi rồi thì còn làm gì nữa? Từ đây về sau, sống thêm được một ngày, ấy là Trời ban ơn cho một ngày, dám để cho nó luống mất đi sao?

Nay dầu đắc Đạo, cũng đã trễ rồi, há dám để trễ thêm nữa sao?

Xưa kia, có ba ông già bàn đến việc đời vô thường (không bền bỉ). Có một ông già nói rằng:

*Kim niên tử tịch diên tiền hội,  
Bất tri lai niên hựu thiếu thùy?*

Nghĩa là:

Năm nay tiệc rượu cùng ăn uống,  
Chẳng biết sang năm, thiếu mặt nào?

Ông già khác lại nói: Ông nói xa vời lắm!

*Kim vãn thoát hạ hài hòa miệt,  
Bất tri thiên minh xiêng bất xiêng?*

Nghĩa là:

Tối nay giày vớ cởi ra hết,  
Chẳng biết sáng ngày, xỏ lại không?

Ông thứ ba bèn nói: Ông nói cũng còn xa nữa!

*Giá khẩu khí ký nhiên xuất khí,  
Bất tri tán lai, bất tán lai?*

Nghĩa là:

Hơi thở này đây phì khỏi miệng,  
Chẳng hay trở lại hoặc đi luôn?

Người trí chẳng để mất ngày giờ, kẻ đờng chẳng để tính hai lần. Ngày nay biết Đạo thì ngày nay phải hạ thủ. Giờ này biết được thì giờ này tức là giờ hạ thủ. Nếu nói: Nay chưa đặng rảnh, để chờ ngày khác thì Ta e cho tới chừng muốn thi hành, lại không đủ ngày giờ mà thi hành đó.

Con người có ba báu là: tinh, khí, thần. Đến khi già rồi thì e cho tinh khô, tinh khô ắt phải chết; e cho khí tán, khí tán ắt phải chết; e cho thần lìa, thần lìa ắt phải chết.

Tinh làm sao chẳng khô, có phải xa sắc chẳng?

Khí làm sao chẳng tán, có phải ít nói chẳng?

Thần làm sao chẳng lìa, có phải vô dục chẳng?

Thần chẳng phải ép cầm ở lại được. Tâm tức (tâm ý và hơi thở) nương nhau thì thần tự nhiên ở lại.

Khí chẳng khá hao tán, đừng hay nói, giữ mực trung thì khí chẳng tán.

Tinh chẳng khá lọt mất, đem tinh bổ óc thì tinh

chẳng lọt.

- Có kẻ hỏi: Người già khí huyết đã suy, làm sao mà bỏ nó được?

- Trả lời:

Cẩn thận lời nói, có thể bỏ phế.

Ăn uống độ lượng, có thể bỏ tì.

Tuyệt hết tư lự, có thể bỏ tâm.

Trừ bỏ giận hờn, có thể bỏ can.

Đoạn dứt dâm dục, có thể bỏ thận.

- Lại hỏi: Xin chỉ thêm cho rõ.

- Trả lời: Chẳng lo không bỏ, duy lo bỏ mà rồi lại tổn. Cho nên tôi thường nói: Một trăm ngày bỏ mà chẳng thấy có dư, một mai tổn rồi thì liền biết chẳng đủ. Mùa xuân xem cây cỏ, nhành lá sum sê. Đến cuối thu, lá rụng, sự sống về cội. Nhờ về cội mà cây chẳng chết, nên xuân tới nhành lá lại nảy sanh.

Cứ đây mà xét, thì sanh sanh chẳng cùng là Đạo của Trời vậy. Thứ nào về cội nấy là lý của mọi vật. Biết lý này mà chẳng trái với Đạo này thì có phải chỉ có bực chơn nhơn không? Cho nên nói: “*Chơn nhơn chi tức dĩ chủng*”<sup>(16)</sup>. Chữ *chủng* như chữ *căn* (cội gốc). Ba tháng

---

<sup>(16)</sup> Trang Tử nói rằng: “*Chơn nhơn chi tức dĩ chủng, chủng nhơn chi tức dĩ hầu*”, nghĩa là: Chư Tiên thờ ở tại gốc (ý nói thờ sâu, tới Đơn điền), còn chúng sanh thờ ở yết hầu (ý nói thờ vắn, chẳng khỏi cổ).

Chữ **chủng** nghĩa thường là gót chơn, nhưng đây không phải lấy

mùa đông là lúc trở về cội thì phải tịnh để dưỡng cái gốc sanh.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Tâm tức nương nhau, chớ hay nói, giữ mực “trung”, đem tinh bỏ óc thì ba bấu bền chặt. Cẩn thận lời nói, ăn uống độ lượng, tuyệt hết tư lự, trừ bỏ giận hờn, đoạn dứt dâm dục thì ngũ tạng đủ đầy. Ba bấu đã bền chặt, ngũ tạng lại đủ đầy, có lý nào chẳng đặng diên niên ích thọ (thêm tuổi sống lâu) hay sao?”*

---

nghĩa thường ấy được. Tánh Mạng Khuê Chỉ có giải rằng: “*Chủng giả, kỳ tức thâm thâm chi nghĩa*”, nghĩa là: Chữ chủng là nói hơi thở sâu. (Coi bài: Thối tàng mộc dục công phu).

## 6. BỊNH (đau)

Bệnh do đâu mà sanh? Đều bởi vọng tưởng mà sanh phiền não. Phiền não đã sanh thì phía trong thương tâm. Tâm bị thương thì không dưỡng được tì, cho nên không thèm ăn. Tì hư thì khí ở trong phế kém khuyết, nên mới sanh ho hen. Ho hen thì thủy khí tuyết lần, cho nên một khí chẳng sung, tóc đổ gân bại. Bệnh truyền khắp ngũ tạng thì con người phải chết.

Con người đương lúc vọng tưởng mới động, tức là lúc tật bệnh phát sanh. Người nay chẳng xét, chớ có đau nhức trong mình, mới cho là có bệnh, mà không rõ cái nguyên nhân của nó phát ra chẳng phải một hôm một mai gì. Kỳ thiệt, bệnh lần lần đến cho mình.

Bên ngoài cái thân của con người thì có **lục dâm** là: *phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa* (gió, lạnh, nóng, ướt, ráo, lửa). Còn phía trong thì có **thất tình** là: *hỉ, nộ, ai, lạc, ưu, khùng, kinh* (mừng, giận, buồn, vui, lo, khiếp, hoảng)<sup>(17)</sup>.

Do thất tình mà bệnh, là bệnh nội thương, đó là chứng bất túc (chẳng đủ). Do lục dâm mà bệnh, là bệnh ngoại cảm, đó là bệnh hữu dư (có dư). Bất túc là bệnh

---

<sup>(17)</sup> Tưởng nên theo thất tình trong sách Lễ là: Hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ô, dục, đúng hơn, vì giống với kinh Phật là: Hỉ, nộ, ưu, cụ, ái, tăng, dục. Chữ **ai** với chữ **ưu** tuy khác, mà cũng đồng một nghĩa là buồn. Còn **ô**, **tăng**, cũng đồng một nghĩa là ghét.

hư tổn, thiếu sức thì phải bỏ. Hữu dư là bệnh nhiễm tà khí ở ngoài thì phải tả (xổ). Khí huyết Hậu thiên thuộc về hữu hình, nội thương mà bị bệnh, thì thuốc men châm chích có thể trị được. Tinh thần Tiên thiên thuộc về vô hình, nội thương mà bị bệnh, nếu chẳng **phản quán**<sup>(18)</sup> tịnh dưỡng thì chẳng mạnh được. Mười vị đại danh y trị bệnh thân người, Tam Giáo Thánh Nhơn trị bệnh tâm người.

Người thân bằng có bệnh, ta biết đi viếng thăm. Còn tự mình có bệnh, lại không biết viếng xem mình. Nếu biết tự viếng xem mình: Ở trong thì vô tâm, ở ngoài thì vô thân. Tâm thân đều không thì ai đâu thọ bệnh, ai đâu không bệnh? Ai thấy được cái lý đó rõ ràng thì tự nhiên vô sự.

Thường tưởng lúc bệnh, ắt tinh trần lần thấy giảm. Thường lo ngày chết thì lòng Đạo tự nhiên sanh.

Xưa kia, Tử Nguơn có tâm bệnh, gặp một vị cao tăng kêu mà rằng: Cái bệnh của ngài khởi tại phiền não, mà phiền não sanh nơi vọng tưởng. Vọng tưởng có ba thứ:

1. Hoặc nhớ đến sự sang hèn, ơn oán, một hai chục năm trước, cùng các thứ tình tự vẫn vợ khác. Đây là quá khứ vọng tưởng, nghĩa là vọng tưởng về sự qua rồi.

---

<sup>(18)</sup> Phản quán nghĩa là: Xem ngược vào trong, đem tâm phóng ra ngoài trở lộn về.

2. Hoặc việc xảy ra trước mắt, có thể xuôi theo một bề, mà lại cương cầu sanh ra ý kiến nọ kia, dự dự chẳng quyết. Đây là hiện tại vọng tưởng, nghĩa là vọng tưởng về sự bây giờ.

3. Hoặc trông mong ngày sau giàu sang theo như lòng mình sở nguyện, hoặc trông mong con cháu vinh vang kịp thời, cũng là những chuyện không thể nên được, không thể có được. Đây là vị lai vọng tưởng, nghĩa là vọng tưởng về sự xảy đến.

Ba thứ vọng tưởng này khi sanh, khi diệt. Thiền gia gọi là huyền tâm. Hay xét thấy chỗ vọng này, thì nó liền tiêu diệt. Thiền gia gọi là giác tâm. Cho nên nói: *“Chẳng lo niệm dấy lên, duy sợ giác trở chầy; niệm dấy lên là bệnh, không tiếp tục là thuốc”*.

Vị cao tăng lại nói rằng: Cái bệnh của ngài cũng là thủy hỏa chẳng giao. Phạm nịch ái giai nhân mà làm việc hoang dâm, đó là cái dục ngoại cảm. Hoặc dâm tư tưởng giai nhân mà thành ra mộng寐 di tinh, đó là cái dục nội sanh. Nhiễm lấy hai cái dục này thì hao tán nguồn tinh. Nếu bằng đoạn nó được thì thận thủy tự nhiên được tươi nhuận, mới có thể lên giao với tâm.

Còn tư tưởng tầm kiếm chữ nghĩa, bỏ ngũ quên ăn, gọi là lý chướng. Lo lắng về chức nghiệp, mà chẳng kể gì cực nhọc, gọi là sự chướng. Hai điều này chẳng phải thiệt là nhơn dục, mà cũng tôn tánh linh. Nếu hòa hoãn mà làm mỗi việc, thì tâm hỏa chẳng lên đốt nóng, mới có thể xuống giao cùng thận. Cho nên lục trần chẳng

hiện duyên cảnh, lục căn không chỗ phối hiệp, trở ngược về một nguồn thì lục thức không còn đi ra ngoài nữa.

Từ Nguồn y theo lời, ở riêng trong một thất, dẹp sạch hết muôn duyên, ngồi tịnh trên một thán, thì bịnh tâm đâu mất.

*Tự gia hữu bịnh, tự gia tri,  
Ký tri tu yếu tảo thời y.  
Thoản nhược kị y, chung úy bịnh,  
Vô thường lâm đảo, hối truy trì.*

Nghĩa là:

Tự mình có bịnh, tự mình hay,  
Đã biết thì tua chữa trị ngay.  
Bằng sợ thuốc này, giấu bịnh nọ,  
Vô thường đến viếng hỏi đà chầy!

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng:

*“Có câu ngạn ngữ: ‘Tâm bịnh khó chữa’. Chẳng phải thiệt khó chữa, tại chẳng biết được phép, chẳng làm theo phép đó thôi!*

*Tam Giáo Thánh nhơn giỏi trị tâm bịnh, một lời nói có thể làm kim chỉ nam cho kẻ mang tâm bịnh. Mà có ai tin theo đó đâu, có ai làm theo đó đâu!*

*Xưa kia, làm quan giữ cửa ải, tôi mang chứng tì hư hạ tiết (tì yếu, ỉa rớt). Năm năm, thở hơi thốn mồn, uống thuốc nào cũng không thấy hiệu nghiệm, muôn phần không kể sống lấy một. Tôi bèn phé hết nhơn sự,*

*ngôi tịnh phản quán, thung dung xem bộ Tâm Kinh.  
Một trăm ngày, đọc hết cuốn kinh thì bệnh tôi liền  
mạnh.*

*Đó là phương pháp kỳ diệu tôi đã kinh nghiệm, nên  
mới dám đem ra mà công bố với ai là người có bệnh  
trầm trệ như tôi vậy”.*

## 7. TỬ (chết)

Con người đương lúc khí huyết cường tráng, cái chí hướng buông lung, thuận theo lục dục thì có điều gì chẳng dám làm. Đến khi khí huyết thọ hại, trăm bệnh nảy sinh thì giờ chết sắp đến. Dầu có con cái đầy nhà, thế cũng chẳng được; vô số tiền bạc, lo cũng không kham. Tới chết mới ăn năn thì việc đã trễ rồi. Ai không sợ chết, mà phải sợ trước khi chưa chết kia. Nếu chờ tới giờ sắp chết mới sợ chết thì chết khó mà khỏi được. Ai không sợ bệnh, mà sợ bệnh trước khi chưa bệnh kia. Nếu đợi tới lúc mang bệnh mới sợ bệnh, ắt bệnh khó mà trị được.

Thử xem trong thiên hạ, có vật gì trọng hơn tánh mạng nữa không? Thử xét trong thiên hạ có cái gì lớn hơn sanh tử nữa không? Chẳng có người nào không ham sống, nhưng lại chẳng ham cái đạo trường sanh. Chẳng có người nào không ghét chết, nhưng lại chẳng ghét việc làm giục chết.

Con người ở trên thế, việc này nối việc kia, phải chờ chết mới hết việc. Nếu chờ tới lúc sắp chết thì có phương pháp nào mà tránh khỏi cái chết được? Chi bằng sớm kíp hồi tâm, đem mọi sự trần duyên, buông bỏ hết một lượt, làm người trường sanh xuất thế, chẳng là hay hơn sao?

- Có kẻ hỏi: Trần duyên vương vấn, lâu tháng chầy năm, một mai buộc phải buông bỏ hết, chẳng là khó

lắm chẳng?

- Trả lời: Chỉ tại người chẳng khứng buông bỏ, cho nên nói khó. Chớ như chết rồi, có gì mà không buông bỏ chẳng? Nay tuy chưa chết, phải tạm coi như chết rồi, buông bỏ hết một lượt, thì sao lại không được?

- Lại hỏi: Buông bỏ là buông bỏ cái chi?

- Trả lời: Buông bỏ cái hột giống sanh ra tứ đại, ngũ uẩn, tình thức. Người chơn tu hành, giống như kẻ chết hẳn một phen, rồi sống lại mới là tốt cho. Người chết hẳn là người không bị thế giới vẩn vương, chớ không có đạo lý chi huyền diệu cả. Phải trọn yên tịnh như thế đó mới là phải. Câu “*Sớm mai nghe Đạo, chiều chết cũng đành*”<sup>(19)</sup> là lời Đức Phu Tử dạy người rất cấp thiết, vì Ngài cho rằng bậc thượng sĩ nghe Đạo, trong khoảnh khắc, liền thoát sanh tử.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Người xưa nói:*

*Cử thế tận tòng mang lý lão,  
Thùy nhơn khăng hướng tử tiền hưu.*

*Nghĩa là:*

*Người thế bốn ba già mỗ sức,  
Mấy ai thấy chết chịu dưng chơn.*

*Nếu có kẻ thấy cái chết trước mặt kia mà dưng bước lại, thì chẳng những huờn được sự chết, mà còn có thể thoát khỏi sanh tử nữa”.*

---

<sup>(19)</sup> Từ viết: *Triêu văn Đạo, tịch tử khả hĩ*. (Xem Luận Ngữ, chương thứ tư).

## 8. KHỔ (cực nhọc, đau đớn)

Con người ta chỉ có một chữ ái (ưa mến) mà không trừ bỏ đi được. Mến danh lợi thì bị danh lợi ràng buộc, mến tửu sắc thì bị tửu sắc ràng buộc, mến thân gia (thân mình, nhà cửa) thì bị thân gia ràng buộc, mến con cháu thì bị con cháu ràng buộc. Nó đem cái chơn tánh này, ràng qua buộc lại, điên đảo đảo điên, lên xuống cõi nhơn gian hoại, mà chịu không biết bao nhiêu sự khổ.

Chơn tánh thọ phụ tinh, mẫu huyết, mới kết thành thai. Cái y bào (cái bọc bao đứa nhỏ trong bụng mẹ) cũng như khám tối, câu thúc thân hình. Hễ mẹ ăn món nóng, như nước sôi đổ xối vào mình; hễ mẹ ăn đồ lạnh, như nước đá tắm dầm thân thể.

Đến lúc khí đủ thai đầy thì phải tung mà ra cho kíp. Vậy trước phải công phá cái y bào, vài ngày cái bọc đó mới rách. Người ta chỉ biết sự thống khổ của người mẹ chuyển bụng, mà chẳng biết đứa con cũng chịu khổ sở vô cùng. Tới khi sanh ra rồi, đứa con khóc oa oa lên một tiếng thì cái khổ chịu ở trong thai dứt từ đó. Cái khổ với thân này lại tiếp theo đó liền: Trong thì lo đói khát, ngoài thì sợ lạnh nóng, biến ra các thứ đau chần, nổi nhau mà phát hiện. Đó là cái khổ hồi lúc còn nhỏ.

Tới chừng nên người, lại có sự nghiệp. Làm vua chúa thì phải lo cho xã tắc, làm kẻ sĩ thứ thì phải lo cho

thân gia, ngày đêm lao khổ, nằm ngời chẳng an, năm thứ hỏa đều dấy động, đốt hết khí thiên hòa thì tật bệnh theo bên mình chẳng ngớt. Con người ta trước chịu cái khổ bệnh, sau tới cái khổ chết, rốt có cái khổ báo ứng, muôn kiếp luân chuyển, không lúc nào ngừng.

Thích giáo nói rằng: “*Ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ*”, nghĩa là: Thương nhau mà lìa nhau là khổ, ghét nhau mà hiệp nhau là khổ, có việc cầu xin mà không được là khổ. Nay người chịu khổ nào, đều là mình làm mình chịu. Có kẻ lầm không biết mà vào chỗ khổ, có kẻ biết rõ là khổ mà cũng không thoát khỏi được.

Ngạn ngữ nói rằng: Chớ nói cưới vợ sớm, cưới vợ rồi sẽ có việc khó! Chớ nói thi đỗ cao, thi đỗ rồi sẽ chịu nghiệp to! Chớ nói cày cấy no, cày cấy rồi sẽ gặp khổ nhiều! Chớ nói người tu sướng, người tu rồi sẽ biết tâm khó!

- Có kẻ hỏi: Cái khổ của người thế phần nhiều ở thân thể, còn cái khổ của người học Đạo chỉ ở trong tâm: không có dây mà tự mình trói buộc; không có việc mà tự mình lật đật; muốn thâu, thâu chẳng lại; muốn phóng, phóng chẳng đi. Vậy phải làm sao?

- Trả lời: Kẻ học đó chưa đặt chơn truyền nên mới chịu khổ như vậy. Nếu đặt chơn truyền, thâu hay là phóng đều tại nơi ta thì có gì khổ nữa? Huống học Đạo là cái pháp môn an lạc. Phạm theo Đạo mà nói khổ, tức là ngoại đạo rồi.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Người thế thường đàm luận, rằng lúc con người lọt ra khỏi lòng mẹ, sao cũng khóc oa oa vài tiếng thì đủ thấy từ đó về sau, đều là cảnh khổ. Tôi lại nói: Chẳng phải vậy. Bởi mẹ thất chơn tánh, lòng muốn chẳng toại, cho nên trăm khổ dồn dập. Nếu khưng hồi tâm xu hướng về đạo đức, muôn vật đều có đủ trong mình ta thì có cái vui nào lớn bằng! Làm sao mà có khổ?*”

## 9. TÁNH MẠNG

Người mới vào học Đạo, trước phải hiểu biết hai chữ tánh mạng. Tánh có nguồn là tâm địa. Mạng có gốc là chơn tức (tức là hơi thở sâu).

Gốc mạng phải vững bền, nguồn tánh phải trong sạch.

- Có kẻ hỏi: Nguồn tánh làm sao mới gọi trong sạch?

- Trả lời: Trong ngoài đều quên là trong sạch.

- Gốc mạng làm sao mới gọi vững bền?

- Trả lời: Thần khí giữ nhau thì đặng vững bền.

Tánh ấy là thần, mạng ấy là tinh với khí. Trong Thái Cực Đồ có nói: *Vô cực chi chơn, nhị ngũ chi tinh*, hai cái hiệp lại đúng phép thì ngưng tụ, mới có con người sanh ra. Cái ta gọi tánh đây là Vô cực chi chơn<sup>(20)</sup>, còn cái ta gọi mạng đây là nhị ngũ chi tinh<sup>(21)</sup>.

Vô Dịch Tử nói rằng: Tánh ở trong tâm. Tâm không một phần thì tánh hiện một phần, tâm không mười phần thì tánh hiện mười phần. Tánh hiện tức là **tánh**

---

<sup>(20)</sup> Vô cực chi chơn là cái tánh chơn không trong khí Vô cực

<sup>(21)</sup> Nhị ngũ chi tinh là cái tinh ba trong hai số ngũ, ấy là khí Mô Thổ lão dương hiệp với khí Kỷ Thổ lão âm tại cung Khôn, gọi là *địa thập thành chi, kết thành đao khuê* 圭.

**tận**<sup>(22)</sup> rồi. Vậy thì dứt niệm tưởng là cốt để tận tánh. Tánh tận một phần thì thần khí ngưng tụ một phần. Tánh tận mười phần thì thần khí ngưng tụ mười phần. Công phu của người học Đạo chẳng có chi khác, bất quá là thung dung mà đạt tới chỗ đó thôi. Đại khái công phu toàn ở chỗ dứt niệm tưởng, tâm tức ngưng nhau. Phép này rất lạnh chổng, là tại sao?

Khí là mẹ của Thần, Thần là con của Khí. Tâm tức ngưng nhau như con mẹ gặp nhau. Thần Khí dung hòa, thành ra một phiến, kháng khít nhau hoài, lâu rồi sẽ thành đại định. Đó gọi là Đạo: *“Qui căn phục mạng, căn thâm để cố, trường sanh cửu thị”*. (Về gốc để tiếp mạng, gốc sâu thì rễ chắc, đặng mạng sống lâu dài.)

Hà Tiên Cô nói rằng: *Hơi thở còn một mảy lông chưa định thì mạng chẳng phải của ta*. Ta lại nói rằng: Tâm còn một sợi chỉ chưa quên thì hơi thở không hề định được.

Con người có **tánh Trời Đất** (phú cho) và **tánh khí chất** (tánh tập quán). Tánh Trời Đất là toàn thể của Thái cực, mà hễ phân ra âm dương, ngũ hành thì hóa ra tánh khí chất, tức là cái thật thể của Thái cực sa vào trong khí chất, chớ chẳng phải có một tánh nào riêng khác.

Trương Tử nói rằng: *Biết đem ngược trở lại thì tánh Trời Đất còn*.

---

<sup>(22)</sup> Tận nghĩa là thiệt hiện, tức là cái chi bị khuất lấp, nay đem bày ra chỗ quang minh.

- Có kẻ hỏi: Biết đem ngược trở lại có đạo chăng (có phương pháp chăng)?

- Trả lời: Có.

- Lại hỏi: Mong sao đừng nghe giải.

- Trả lời: Nho nói: *Tỷ tâm thối tàng vu mật* (rửa lòng thối ẩn nơi chỗ kín mật). Phật nói: *Quán tự tại* (xem vào chỗ tự tại, bất động). Lão nói: *Phục qui ư phác* (trở lại tánh chất phác, thiết tha). Đây là giai đoạn trước của phép đem ngược trở lại.

Nho nói: *Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh* (biết chỗ ngừng, chỗ trú rồi, sau mới định, mới quyết; có định, có quyết rồi, sau mới lắng lắng, không xao xuyên). Phật nói: *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không* (người vào sâu cảnh Bát Nhã soi thấy ngũ uẩn – là sắc, thọ, tưởng, hành, thức – đều không, chẳng có thật thể). Lão nói: *Qui ư anh nhi* (trở lại như con nít). Đây là giai đoạn giữa của phép đem ngược trở lại.

Nho nói: *Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã* (không ý riêng, không vụ tất cái này hơn cái kia, không cố chấp, không thiên lệch về mình). Phật nói: *Vô nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý* (chẳng có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mình, ý thức). Lão nói: *Phục qui vu Vô cực* (trở lại lý Vô cực). Đây là giai đoạn sau của phép nói trên.

Tánh người vốn lành, mà nếu nó có chỗ không lành, là tánh khí chất đó. Biết nó là tánh khí chất, mà không để nó khiến mình, là phương biến đổi tánh khí chất.

*Bát thập ngũ tuế đại lão hán,  
Mỗi nhật tịnh tọa vô sự cán.  
Đạo nghĩa minh liễu một để thuyết,  
Kinh thơ kiến liễu lân đãi khán.  
Thức đắc nhưt tánh thị chủ tử,  
Chiếu phá vạn duyên giai không huyển.  
Tán đạm, tiêu diêu, tự tại hoạt,  
Tái bất dữ nhơn nhàn xá đạm.*

Nghĩa là:

Tám mươi lăm tuổi, một ông già,  
Mỗi bữa ngồi thiền, việc lánh xa.  
Đạo nghĩa rõ rồi, không luận đến,  
Sách kinh thấy đó, biếng xem qua.  
Đặng tường một tánh là chơn chánh,  
Xét thấu muôn duyên ấy huyển tà.  
Tự tại, thung dung, ngày tháng rộng,  
Chẳng cùng thế tục chuyện phì phà.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Vô cực chi chơn là lý đó, là tánh đó; nhị ngũ chi tinh là khí đó, là mạng đó. Từ xưa đã có nhiều nhà đại Nho phát minh chỗ bí áo của một là lý, hai là khí thì đủ thấy dưới trời này chẳng đâu có khí mà không lý, cũng chẳng đâu có lý mà không khí; còn trong mình người, chẳng đâu có tánh mà không mạng, cũng chẳng đâu có mạng mà không tánh.*”

*Sao Thích, Đạo hai tông giáo, mỗi bên nắm một mối,*

*xúm nhau cãi lầy lằng xằng vậy? Xét ra đều bởi lý Thái cực, hai bên chưa rõ thấu. Cho nên nguồn tánh mạng xé ra thành hai miếng, mới có Thích môn trọng tánh học, Đạo giáo trọng mạng công, chia phe rẽ bọn, cũng như mào Thích, mào Đạo chẳng đồng vậy, rất làm cho những người triệt-ngộ thất cười! Ôi! Sao không lấy bài này mà đọc cho kỹ?”*

## 10. TÂM

Người ta chỉ có một cái tâm: ra ngoài là tình, vào trong là tánh, đi xuôi là thức, trở ngược là trí. Nay muốn đem cái đi xuôi ra ngoài, mà cho trở ngược vào trong thì có phải là phản quán chăng?

Chữ phản có nghĩa là hay lộn về, hay trở lại. Còn chữ quán có cái công hay chiếu soi, hay xét biết. Cái thần của con người ở tại tâm, cái cơ (máy động) của tâm ở nơi con mắt. Cho nên con mắt dùng ở trong thì tâm cũng theo nó mà ở trong tâm, chẳng những ở trong mà thôi, lại còn thêm định nữa. Cái tâm đã định rồi thì tâm hỏa hạ giáng, thận thủy thượng thăng, miệng nếm cam tân (nước miếng ngọt), chơn đạp hỏa đánh (vạc lửa), cái chỗ huyền diệu khó mà tả ra cho cùng tận.

Người ta chỉ có một cái chơn tâm, vì sao mà sanh vọng? Mê thì tự như có (cái giả), giác thì huờn lại không. Cho nên ta nói: Biết vọng thì hết vọng, phải *buông xả ngay*<sup>(23)</sup>. Thành là dẹp cái trá ngụy, kính là dẹp cái khinh khi. Đương lúc vọng niệm dấy lên lằng xằng, chẳng cần phải dứt tuyệt, cứ xem trở ngược vào tâm, hãy coi nó tưởng là tưởng cái chi. Chỉ hồi quang mà chiếu vào cho nhằm chỗ thì nó liền lặng lẽ. Học

---

<sup>(23)</sup> Chữ Nho là: *Phóng hạ khan*, nghĩa là: Ý phải buông sáu trần ở ngoài, sáu căn ở trong và sáu thức ở giữa một lượt, bỏ cho thiệt hết, tới không còn cái chi khá bỏ. Đó là pháp định tâm, thâm thân.

Đạo không có phép nào khác. Thường thường phản chiếu tức là học, hết vọng tưởng rồi tức là Đạo.

Châu Tử nói rằng: Có một phần tâm hướng vào trong thì đặng một phần sức, hai phần tâm hướng vào trong thì đặng hai phần sức. Nếu kính cẩn thân thập, chẳng đeo đuổi theo vật ra ngoài, có lẽ nào chẳng đặng tâm chánh? Tuy tập nửa tháng, chớ đủ xét nghiệm. Lại nói: Cầu phóng tâm, là chẳng phải cầu một cái tâm nào riêng khác đem về gìn giữ, chỉ vừa hay tâm phóng thì tưởng rằng: Cái tâm này là tâm của ta, nó phải do mạng lịnh ta. Ta chẳng đặng tin và theo nó mà đi đông dài ra ngoài. Tuy nó bị che lấp đã lâu, ta ráng sức cũng kêu nó tỉnh được. Hết lớn một tiếng, trăm tà đều lui, rồi kế xem vào tâm. Tâm không thì kế đó nương theo hơi thở. Hơi thở trụ thì thân cũng theo nó mà trụ luôn. Đây là chỗ gọi: “Chơn nhơn chi tức dĩ chùng”, nghĩa là hơi thở của vị chơn nhơn (Tiên, Phật) ở nơi căn đề (thâm thâm).

Con người sở dĩ khác hơn chim thú, duy tại cái tâm này mà thôi. Phật nói rằng: Những kẻ làm điều ác, kiếp sau biến làm chim thú. Ta lại gọi: Kẻ mất lương tâm hiện thời biến làm chim thú. Sao vậy? Hình họ tuy là người, mà tâm họ không còn phải là người nữa. Thấy cảnh mà tâm chẳng động, gọi là chẳng sanh. Chẳng sanh tức là chẳng diệt, ắt cái tâm này không còn bị trần duyên buộc trói. Hết buộc trói tức là giải thoát vậy.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: *Trong sách Đại Học,*

*noi chương Chánh Tâm, trước nói “hữu sở”<sup>(24)</sup> có bốn loại là bịnh hữu tâm, thì tâm chẳng đặng chánh; sau nói về “tâm bất tại” trong bốn câu<sup>(25)</sup> là bịnh vô tâm, thì tâm cũng chẳng đặng chánh. Rốt cuộc cũng không chỉ rõ cái công phu chánh tâm, khiến cho kẻ học giả không biết đâu mà hạ thủ. Bài này đã chỉ rõ cái công phu chánh tâm rồi, lại nói về hiệu quả của tâm chánh, phân tích rõ ràng, lời lời diệu xảo.*

*Chúng ta quả hay tuân theo đây mà thi hành, chẳng những có thể mong làm Thánh, làm Hiền, mà cũng có khi thành Phật, thành Tổ nữa. Kẻ hữu chí cùng Đạo này, sao lại chẳng gắng công vậy?*

---

<sup>(24)</sup> Hữu sở có bốn loại là: “Tâm hữu sở phận sí, tắc bất đắc kỳ chánh; hữu sở khùng cụ, tắc bất đắc kỳ chánh; hữu sở háo nhạo, tắc bất đắc kỳ chánh; hữu sở ưu hoạn, tắc bất kỳ chánh”, nghĩa là: Lòng có chỗ tức giận thì không được ngay, có chỗ ham muốn thì không được ngay, có chỗ sợ hãi thì không được ngay, có chỗ lo lắng thì không được ngay.

<sup>(25)</sup> Tâm bất tại trong bốn câu là: “Tâm bất tại diên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị”, nghĩa là: Lòng hề chẳng ở (đi rồi), trông mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị.

Bốn loại *hữu sở* là nói cái bịnh của kẻ hữu tâm, bốn câu *tâm bất tại* là nói cái bịnh của kẻ vô tâm. Trên nói lòng chẳng nên có thiên chủ về sự gì, dưới nói lòng chẳng nên không thường ở trong tâm mình mà làm chủ. Vậy thời ở trong hư không mà có chủ tể, ấy có phải là bài thuốc làm cho ngay lòng đó chăng?

## 11. TÌNH

Thất tình<sup>(26)</sup> đã kể ở bài trước rồi: **hỉ** (mừng) thì khí đi chậm, **nộ** (giận) thì khí đi lên, **ai** (buồn) thì khí tiêu tan, **lạc** (vui) thì khí hao tán, **ưu** (lo lắng) thì khí hết tụ, **sâu** thì khí đi xuống, **kinh** (sợ) thì khí loạn động. Hễ khí trái nghịch, thất thường thì nó biến sanh các bệnh. Giả như làm cho lòng bụng bành trướng, có khối hờn, làm cho hông sườn nhức nhối như kim châm, làm cho yết hầu bị nghẹt, làm cho khí lên hóa suyễn, sanh ra năm thứ bệnh tích (ở trong ngũ tạng), sáu thứ bệnh tụ (ở trong lục phủ), theo máu thành *bệnh trùng*<sup>(27)</sup>, theo nước thành *bệnh tích*<sup>(28)</sup>. Đàm dãi vì đó mà ngưng đọng, kết lại như thao càn (đũi), như bầy nhầy, không kể xiết. Cho nên kẻ biết tiếp dưỡng, dẫn tình đem về tánh. Đó là cái phương hay để trị bệnh.

Tình là cái tánh động phát ra ngoài. Thánh nhơn dưỡng nó trước khi chưa động, cho nên hay dùng được tình để thuận muôn vật mà vô tình: vật đi qua mà chẳng nhận có (lấy làm của mình), vật xông tới mà không lưu cầm (tới rồi phóng đi). Tỉ như cái gương

<sup>(26)</sup> Coi thất tình đã kể ở trong bài chữ Bệnh trang 36.

<sup>(27)</sup> Trùng là khối hờn có hình thấy rõ, ở cứng một chỗ, đè nó thì nghe cộm tay. Ấy là bệnh đau có khối, có hờn trong bụng mà có hình.

<sup>(28)</sup> Tích là khối hờn ẩn núp ở khoảng giữa hai xương sườn, đè nó thì dường như không có vật gì, mà đến lúc đau lại nghe như có. Ấy là bệnh đau có khối, có hờn trong ngực mà không hình.

sáng chiếu vật: như tốt là vật tốt, chớ chẳng vì đó mà sanh lòng mến; như xấu là vật xấu, chớ chẳng vì đó mà sanh lòng ghét. Cho nên nói: “*Quách nhiên nhi đại công, vật lai nhi thuận ứng*”, nghĩa là: Rộng rãi mà rất công, vật lại thì đưa xuôi theo vật.

Rất công nghĩa là: Rộng rãi thiên lý, chẳng có một mảy tà tây theo nhơn dục. Đưa xuôi theo vật, nghĩa là: Có vật tất nhiên có phép<sup>(29)</sup>, làm theo cái lỗi vô sự.

Sách Định Tánh nói rằng: Các món tình của con người, cái nào cũng hay che lấp, cho nên chẳng thể hiệp với lẽ Đạo. Đại khái bởi lo riêng và lại dùng trí. Lo riêng thì chẳng hay lấy vô vi làm sự biến hóa<sup>(30)</sup>, dùng trí thì chẳng hay dùng minh giác<sup>(31)</sup> làm lẽ tự nhiên.

Người ta nói rằng: Cái tình của người dễ phát mà khó chế thì có chi hơn sự giận nữa. Nhưng hễ phát giận, cứ quên sự giận, mà xét coi lý phải quấy, cũng có thể thấy những điều ngoại dụ (các điều ở ngoài nó cảm dỗ mình) không đủ làm cho ta ghét thì đường Đạo đã trải qua hơn phân nửa rồi.

<sup>(29)</sup> Muôn vật đều có cái phép như định. Kinh Thi nói rằng: “*Thiên sanh chung dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bình di, háo thị ý đức*”, nghĩa là: Trời sanh ra các sắc dân, hễ có người vật thì có phép tắc. Cái Đạo thường tự nhiên (thọ lãnh nơi Trời) của dân là ưa mến cái đức lành.

<sup>(30)</sup> Chánh chữ là ứng tích, nói đủ là ứng hóa thành tích, nghĩa là: Tùy cơ duyên mà trong chỗ không lại biến thành có.

<sup>(31)</sup> Minh giác là *điều giác chơn tâm, linh linh bất muội, liễu liễu thường tri*. Sự hiểu biết của minh giác tự nhiên phải hơn trí phàm.

Châu Tử nói rằng: “*Vong nộ tắc công, quán lý tắc thuận*”, nghĩa là: Quên giận mới công bình, xét lý thì thỏa thuận. Hai điều này là phương để trở xét vào mình, mà vứt bỏ cái màn che lấp. Người đắc Đạo trong ngoài đều không không vắng lặng, nhờ tịnh mà thường phản quán, chẳng vướng một vật chi hết (không bị tình dục quấy nhiễu). Được vậy, thân tuy gói trong cõi trần hườn, mà tâm đã siêu ra ngoài cảnh vật.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Người xưa nói: Cao hơn hết là quên tình. Mà thiệt chẳng phải quên tình, ấy là dẫn tình đem về tánh vậy. Người hay dẫn tình đem về tánh, Nho gọi là **thâu phóng tâm**, Đạo gọi là **luyện hườn đơn**, lâu ngày công phu già dặn, tự nhiên đặng **như như bất động**, y như Phật vậy chẳng khác.*

*Tôn Đại Thánh đã vào trong Thủy Liêm động rồi, bèn kêu bày khi mà rằng: Chúng bây đến đây, đến đây ắt chẳng còn chịu lấy khí của ông Trời già nữa*”<sup>(32)</sup>.

---

<sup>(32)</sup> Tình thuộc Kim. Ngũ hành đi thuận thì Kim năng sanh Thủy, còn ngũ hành đi nghịch thì Thủy hườn sanh Kim. Kim ở trong nước mà sanh ra là Kim thuộc về Tiên thiên, mà Tiên thiên thì Trời không trái (*Tiên thiên nhi thiên phát vi*). Cho nên Đại Thánh ở trong Thủy Liêm động, là chỗ rèm nước bao phủ chung quanh, mới kêu bày khi mà nói: Ai vào đó rồi thì không còn chịu lấy khí của ông Trời già nữa, ý nói: Người tu hành đem tình đi ngược lại, hay là nói một cách khác: Luyện đặng khí Tiên thiên rồi thì sống chết tại nơi ta, chẳng còn do nơi Trời nữa.

## 12. TU (suy nghĩ)

Cái tâm của người phải cho chết, mà bộ máy của cái tâm sống mới quý. Chết là chết về phần dục niệm, sống là sống về chỗ đạo lý.

Nghĩ tức là bộ máy sống của cái tâm. *Không ý tà*<sup>(33)</sup> là *cang lãnh*<sup>(34)</sup> của nó, *chín điều nghĩ*<sup>(35)</sup> là *điều mục*<sup>(36)</sup> của nó. Nghĩ về đạo lý là chánh, nghĩ về vật dục là tà. Đạo là món ta sẵn có, nghĩ về cái Đạo ta sẵn có thì cái nghĩ ấy tức là Đạo. Nghĩ đến chỗ hay, tâm bỗng phát hiểu, khoan khoái vui mừng, gọi là tự đắc. Nếu nghĩ được sâu xa, mà tâm khí hao kiệt thì chỉ có phần sở kiến (thấy biết), chớ chẳng phải là tự đắc.

Chẳng nghĩ mà được là bực Thánh nhơn. Nghĩ mà được là bực Hiền nhơn. Chẳng nghĩ, chẳng gắng, gọi là thành, tức là cái lương tri chẳng học, chẳng lo của đũa

---

<sup>(33)</sup> Không ý tà (tu vô tà) là chủ chỉ của toàn bộ Kinh Thi.

<sup>(34)</sup> Cang lãnh là giềng lưới, là bầu áo, chỉ phần căn bản.

<sup>(35)</sup> Sách Luận Ngữ nói rằng: “*Quân tử hữu cửu tư: thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phạt tư nạn, kiến đắc tư nghĩa*”, nghĩa là: Người quân tử có chín điều nghĩ: xem thì nghĩ đến minh bạch, nghe thì nghĩ đến thông suốt, sắc mặt thì nghĩ đến ôn hòa, tương mạo thì nghĩ đến dịu dàng, lời nói thì nghĩ đến trung tín, phục sự thì nghĩ đến kính thành, nghi ngờ thì nghĩ đến hỏi học, giận thì nghĩ đến nạn khổ, thấy lợi thì nghĩ đến điều nghĩa.

<sup>(36)</sup> Điều mục là mắt lưới (lỗ lưới), chỉ phần phụ thuộc mà quan trọng.

con đở. Chọn điều lành là chọn điều chẳng nghĩ, chẳng gắng này đây mà thôi.

Tâm con người có bảy lỗ, hay bị máu như sợi chỉ tơ, làm cho bít nghẹt. Như muốn khai thông mà chẳng học và nghĩ thì không được. Nghĩ có cái nghĩa xoi phá, tìm tòi. Học có cái công cầu lấy ấn chứng (là dấu tích của người trước để lại làm bằng). Nghĩ và học gồm dùng cả hai<sup>(37)</sup> thì cầu đạo nào lại chẳng được. Kẻ chưa thông lý tỉ như người đứng day mặt vào vách tường. Nghĩ cũng như phá lỗ trong vách tường. Phá suốt đặng một lỗ, thì thấy sáng đặng một chút. Lỗ này trước nhỏ sau lớn, lâu rồi phá luôn cả tấm vách tường thì trống rỗng, thông suốt, không còn gì là chướng ngại nữa.

Tuy biết nghĩ cho tốt thì có thể làm Thánh, nhưng Trình Tử có nói rằng: “*Tư lự bất chí vu khổ*”, nghĩa là: Nghĩ lo không cho đến khổ quá. Chẳng cầu thả, chẳng khổ quá, mới gọi là thiện tư (biết cách nghĩ).

Người quân tử nghĩ mà chẳng ra khỏi ngôi mình (địa vị, phận sự của mình) gọi là **tư** (nghĩ). Nếu nghĩ ra khỏi ngôi mình (vấn vơ) thì gọi là **niệm** (tưởng). Tư là cửa nhập Đạo, niệm là nguồn chướng Đạo.

---

<sup>(37)</sup> Tử viết: “*Học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc dĩ*”, nghĩa là: Đức Khổng Tử nói rằng: Chỉ học mà chẳng chịu nghĩ thì không biết ý nghĩa sách vở là thế nào, thành ra trong bụng mờ ám. Chỉ nghĩ mà không chịu học, thì không thông sự lý cổ kim mà làm chuẩn đích, thành ra trong bụng nghi, mà không được yên. Nên học phải nghĩ, mà nghĩ cũng phải học mới có ích.

Bạch Tân Lão Nhon nói rằng: *Nho nói tư, Thích nói tham, Đạo nói ngộ, đều là danh từ để chỉ cách dụng tâm cầu Đạo.*

*Tuổi trẻ phải dụng tâm, tuổi lớn phải dưỡng tâm, tuổi già phải tức tâm<sup>(38)</sup>, thì mới trúng theo phép công phu.*

*Nho nói hóa, Thích nói liễu, Đạo nói đắc, tới đây thì công phu không còn dùng vào đâu nữa.*

---

<sup>(38)</sup> Tức tâm là để cho cái tâm yên nghỉ.

### 13. NIỆM (tưởng)

Vì không tỉnh giác mà niệm vụt dấy lên, đó gọi là vô minh. Bởi vô minh dấy lên, nên gọi tâm khởi niệm, chớ tâm thiệt chẳng động. Xét tâm tới chỗ này thì niệm tự nó dứt. Dứt niệm chẳng khó, hay trở lại lúc một niệm chưa dấy lên về trước thì niệm tự nó không còn tiếp tục nữa.

Trước khi niệm chưa dấy thì toàn là vô cực. Như nay muốn rõ lúc một niệm chưa dấy lên thì phải thường xét coi niệm đó do đâu mà sanh. Nhân cảnh hiện tại mà sanh ra cảnh quá khứ, nhân cảnh quá khứ mà sanh ra cảnh vị lai. Hiện tại nếu vô tâm, quá khứ tự nhiên dứt.

Ý hay hơn ngã thiệt là niệm, lòng còn pháp ái<sup>(39)</sup> cũng là niệm. Phải tận trừ nó, rồi sau mới có thể dụng tâm dứt vọng niệm, vọng niệm trở lại sáng suốt nhiều. Hãy coi thử nó niệm cái chi thì niệm này tự nó tiêu mất. Tu chơn phải dứt niệm, dứt niệm phải xét tâm, xét tâm tâm chẳng có, tâm không cảnh tự không. Tâm cảnh đã không rồi thì cũng không còn gì là dứt (chỉ), là xét

<sup>(39)</sup> Ái nghĩa là yêu. Ái có hai loại: ① Dục ái là cái ái của kẻ phàm phu; ② Pháp ái là cái ái lạc thiện pháp của từ bậc Bồ Tát sắp lên. Pháp ái lại chia ra hai loại nữa, là: ① bậc tiểu cơ ái Niết bàn cùng là Bồ Tát chưa đoạn pháp chấp mà ái thiện, cái pháp ái này phải đoạn nó; ② lòng đại bi của Như Lai cũng gọi là pháp ái, đây mới là cái chơn ái vô thượng.

(quán) nữa.

Khuê Phong nói rằng: “*Mật mật giác sát, cần cần quán chiếu. Tập khí<sup>(40)</sup> nhược khởi, đương xừ tức hư. Thiết mạc tùy chi, miễn lạc phàm phu. Túng tình diệt mạc diệt chi, miễn đọa nhị thừa*”, nghĩa là: Cần mật tĩnh mà xét, cần siêng xem soi hoài. Tập khí có dấy lên, xem trúng chỗ liền dứt. Chớ có tùy theo nó, khỏi sa vào nẻo phàm phu. Dục tình cũng đừng diệt, khỏi đọa vô hai thừa<sup>(41)</sup>. Theo Viên Tông Đốn Giáo<sup>(42)</sup> chỗ cứu cánh là vậy, chỉ tùy thuận (tương ưng) với bản tánh thì giác trí tự nhiên không gián đoạn (lý và trí hiệp như có một).

Kinh Tham Đồng Khế nói rằng:

*Nhĩ, mục, khẩu, tam bửu,  
Bế tắc vật phát dương.  
Ủy chí qui hư vô,  
Vô niệm dĩ vi thường.*

Nghĩa là:

Tai, mắt, miệng, ba báu,  
Bế ngăn chớ phát ngoài.

<sup>(40)</sup> Tập khí là hết thảy các thói quen bị xã hội cảm hóa mà thâm nhiễm.

<sup>(41)</sup> Hai thừa là hai bậc Thinh Văn, Duyên Giác (trung thừa và hạ thừa).

<sup>(42)</sup> Viên Tông là giáo lý hoàn toàn chẳng thiếu sót, bao trùm hết các pháp. Đốn Giáo là giáo lý dạy người một niệm chẳng sanh tức thị Phật, thành công rất chóng, chớ chẳng phải tu tập lần lần.

Chí đem lại cảnh trông,  
Vô niệm giữ thường hoài<sup>(43)</sup>.

*Tức tâm đặng không tâm*<sup>(44)</sup> là chẳng diệt các tướng của tâm mà để ý phân biệt. *Tức niệm mà không niệm*<sup>(45)</sup> là bởi niệm không có tự tánh<sup>(46)</sup>, duyên khởi cũng là

---

<sup>(43)</sup> Thân tâm chẳng định là bởi tai, mắt, miệng, ba món độc nó khuấy rối. Lỗ tai nghe tiếng, con mắt thấy màu, miệng nói ra lời, thân tùy tai, mắt, miệng mà dờn dạt, tâm do tiếng, màu, lời nói mà động lay. Tâm động thân dờn, chơn tánh không sáng suốt. Tuy hườn đơn đặng rồi, mà pháp thân cũng khó thoát, sao khỏi dương cực âm sanh, tuy đặng mà rốt cuộc rồi lại mất.

Nếu bẻ ngăn ba độc đừng cho nổi lên, phát ra ngoài thì tam độc có thể đổi lại làm tam bửu, chẳng những không khuấy rối, mà lại giúp ích cho mình nữa.

Bẻ ngăn đây chẳng phải nhắm mắt, nhíp miệng, nhét lỗ tai. Ấy là *phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn*, nghĩa là: điều phi lễ đừng ngó, điều phi lễ đừng nghe, điều phi lễ đừng nói. Chỉ ngó, nghe, nói rờn những điều gì thuộc lễ, tức là bẻ ngăn con mắt, lỗ tai, cái miệng phi lễ đó.

Nói cho cùng cực, thấy màu không biết màu thì mắt bẻ, nghe tiếng chẳng phải tiếng thì lỗ tai bẻ, chẳng nhằm hỏi không nói thì miệng bẻ. Nếu bẻ ngăn đặng mắt, tai, miệng như vậy thì nội niệm chẳng sanh được, ngoại vật chẳng nhập được, thân tâm tự nhiên chẳng động.

*Chí đem* ấy là chẳng không, mà *vô niệm* lại là không. Đơn thơ gọi rằng: “*Chỉ diệt động tâm, bất diệt chiếu tâm*” là nói vào đây.

<sup>(45)</sup> Chữ tức này khác với chữ tức trên kia. Tức trên kia là yên nghĩ, còn tức này là xấp gần, hiệp một.

*Tức tâm đặng không tâm*, nghĩa là: Chẳng lia tâm (chẳng ra ngoài cái tâm) nhưng đặng không tâm. Tức niệm mà không niệm, nghĩa là: Chẳng lia niệm mà lại không niệm. Ý nói có mà không, không mà có, chẳng phân biệt có không, không có cũng một gốc (luận về trung đạo).

<sup>(46)</sup> Tự tánh hay là tự thể là cái thể tánh nhứt định, chẳng biến chẳng cải. Chư pháp không tự tánh, chỉ do nhân duyên hòa hiệp mà sanh.

không (chỉ là bóng dáng, huyễn hóa).

Bạch Tản Lão Nhon nói rằng: “*Dùng tâm ý dứt niệm, chưa ắt là dứt được. Dầu cho dứt được thì niệm tưởng bỏ ra, mà ý dứt còn giữ. Cái ý dứt này chẳng phải là niệm sao? Cũng như đuôi Trương Tam mà cầm Lý Tứ vậy*<sup>(47)</sup>. *Người mới học Đạo mỗi khi mắc bệnh đó thì phải làm sao? Có phải là **tọa vong***<sup>(48)</sup> *(ngồi quên) chẳng? Quên thì không có ta, ta kia còn không có, ai lại dấy niệm đây?*”

---

Niệm thuộc về chư pháp, cho nên nói: Không có tự tánh. Các duyên hòa hiệp không có tự tánh, mà mỗi duyên rời nhau cũng không có tự thể, vì nếu sẵn có thì chẳng cần chi phải hòa hiệp mới sanh.

<sup>(47)</sup> Trương Tam, Lý Tứ là chỉ tên này hay là tên kia, hai người khác nhau mà cũng là người, như bên phương Tây nói Pierre hay Paul vậy, chớ không phải thiết chỉ người có tên đó. Hai tên này ở trong bài thi của Vương An Thạch:

*Trương Tam cầm khẩu trách,  
Lý Tứ mạo thiêm trường.*

nghĩa là: Cổ áo anh Trương Tam hẹp, vành nón chú Lý Tứ rộng.

<sup>(48)</sup> *Tọa vong* của Nho cũng như *tọa thiền* của Phật, đồng nghĩa chẳng khác. Nhan Hồi nói rằng: “*Đọa chi thể, truất thông minh, ly hình khứ trí, đồng ư đại thông, thử vi tọa vong*”, nghĩa là: buông thân thể, bỏ thông minh, lia hình dẹp trí, đồng với bực đại thông (Người thông biết hơn hết, tức là chỉ Thượng Đế), đó gọi là ngồi quên (sách Trang Tử).

## 14. HÁO (ư)

Lòng người ai cũng có chỗ ư riêng. Chỗ ư là điều mà lòng mình chú trọng vào đó hơn hết. Chẳng phải cố ý như vậy mà có vậy, lại cũng không biết bởi có đâu mà ra vậy.

Do một niệm tưởng, có thể phân biệt phẩm người cao thấp. Nội một thời gian, có thể quyết định đời người nên hư. Vậy chẳng khá không cẩn thận.

Giả sử chỗ ư của họ là: nhân nghĩa, lễ nhạc, thi thơ, chẳng hỏi mà biết họ là người hiền. Giả sử chỗ ư của họ là: du đãng, cờ bạc, tửu sắc, chẳng hỏi mà biết họ là người bỏ. Giả sử chỗ ư của họ là: vườn cây, vườn thú, câu cá, đốn củi, chẳng hỏi mà biết họ là dân thấp kém. Giả sử chỗ ư của họ là: tranh đấu, kiện thưa, kiêu ngạo, đao binh, chẳng hỏi mà biết họ là người hung bạo.

Phàm kẻ nào ư coi hát xướng, phải thất năm điều:

1. Tiết thể (coi khinh thân thể),
2. Lao thân (làm nhọc thân hồn),
3. Thương tài (tổn hao tiền của),
4. Thất thời (luống mất ngày giờ),
5. Ngộ sự (hỏng hư công việc).

Tuy có việc cực kỳ tinh xảo, mà không đặng bền dai thì người quân tử không làm.

Bạch Tân Lão Nhon nói rằng: “Đại khái, chỗ ư của con người mà có thiên lệch như thế đó, đều là do hột giống đã gây từ đời vô thi mà mang đến ngày nay. Nếu chưa triệt ngộ trước rồi, dầu muốn đổi lại, cũng là khó lắm”.

## 15. THÂN

Trong thân con người, ở phía trước có ba cung là: Nê Hườn cung, Giáng cung, Huỳnh Đình cung, là chỗ *thần khí đình trú*<sup>(49)</sup>. Ở phía sau có ba quan, là Vĩ Lư quan, Giáp Tích quan, Ngọc Châm quan, là đường *thần khí lưu thông*<sup>(50)</sup>.

Mạnh Tử nói: “*Nghiêu, Thuấn tánh chi dã, Thang, Võ phản chi dã*”, nghĩa là: vua Nghiêu, vua Thuấn làm theo tánh tự nhiên, vua Thang, vua Võ phải đem tánh

---

<sup>(49)</sup> Nê Hườn Cung cũng gọi là Thượng Đơn Điền, ở trong chính giữa cái đầu, phía trước là Mi Gian, phía sau là ải Ngọc Châm, phía hữu và phía tả là hai lỗ tai. Chớ lầm tưởng đó là huyết Bá Hội, ở trên đánh đầu.

Cuốn Như Thị Ngã Văn nói: “*Dưới cái tâm huyết có một khiếu, gọi là Giáng Cung, là chỗ rỗng cọt giao hội.*”

Từ Giáng Cung xuống ngay 3 tắc 6 phân, gọi là Thổ Phủ, là Huỳnh Đình. Ấy là Trung Đơn Điền, mở trống không một khiếu, vuông tròn một tắc hai phân. Đó là chỗ chứa khí, là nơi dưỡng đơn. Từ đó đi xuống sau rún, có ước 3 tắc 6 phân. Cho nên nói: Trên trời 36 dưới đất 36. Từ từng trời cao đi xuống tới đất thấp, là 8 muôn 4 ngàn dặm.

Nói về trong thân thể con người, từ tâm tới thận, có 84 phân. Thiên tâm có 36 phân, địa thận có 36 phân, Trung Đơn Điền 12 phân. Cộng lại: 36+36+12, có phải là 84 phân hay là 8 tắc 4 phân chăng?

Sau rún trước thận, chỗ chánh trung gọi là Yển Nguyệt Lư, lại cũng gọi là Khí Hải. Thấp xuống 1 tắc 3 phân, gọi là Hoa Trì (Quan Nguon). Đó là Hạ Đơn Điền, chỗ chứa tinh.

<sup>(50)</sup> Ba quan này ở nơi xương sống. Xương sống của con người có 24 mắt. Vĩ Lư Quan ở phía dưới, tại mắt thứ 22 (có chỗ ghi thứ 24). Giáp Tích Quan ở giữa (trên 12 mắt, dưới 12 mắt). Ngọc Châm ở trên tận chót, cũng gọi là Phong Trì, tại sau cái não.

trở lại<sup>(51)</sup>. Lại nói: “*Thang Võ thân chi dã*”, nghĩa là: Thang Võ gắng sức mình mà làm. Hai nghĩa đều nói rằng: Thang Võ chỉ có trở lại cầu nơi mình mà thôi. Vua Thang, vua Võ hay trở lại cầu nơi mình thì trong mình Thang, Võ đều có vua Nghiêu, vua Thuấn. Chúng ta hãy trở lại cầu nơi mình thì trong mình chúng ta cũng đều có Nghiêu, Thuấn. Xem lại trong thân ta thì khí có ở trong đó. Xem lại trong khí ta thì thần có ở trong đó.

Người quân tử đem thân theo Đạo, cho nên thân tu thì Đạo lập. Kẻ tiểu nhân đem thân theo dục, cho nên dục phát thì thân vong.

Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: “*Nhứt môn thâm nhập, nhập nhứt vô vọng. Bĩ lục tri căn, nhứt thời thanh tịnh*”, nghĩa là: Một cửa<sup>(52)</sup> tuốt vào sâu, vào một hết dục vọng. Còn lại mấy căn kia, đồng thời đặng thanh tịnh.

Người chưa có thể đắc Đạo, đều là bị hình thể làm lụy. Muốn trừ cái lụy này, thì phải biết thân này là vật không bền, là cái xác rất khổ, là hình không chủ, là đây dựng mủ máu đái phân, toàn cả thân mình trong ngoài đều không có một điểm gì là sạch tốt. Vậy chớ sao mà

---

<sup>(51)</sup> Vua Nghiêu, vua Thuấn đặng thiên tánh hoàn toàn, nên chẳng cần tu tập. Vua Thang, vua Võ phải tu thân cho hiệp với Đạo, đặng phục cái thiên tánh lại.

<sup>(52)</sup> Một cửa, đây có ý nói một căn trong sáu căn. Một căn đã phân nguon, trở về Vô cực, thì đặng viên thông. Đồng một lượt, năm căn há cũng đều đặng giải thoát.

– ta tự hỏi ta – mây muốn ăn ngon mặc tốt? Đền trước người hay khoe lanh lợi, chung tuấn tú? Chỉ sử người cho ý loạn tâm mê? Gạt găm người thế chẳng ai không bị hại? Chết rồi sống, sống rồi chết, từ mấy muôn đời đến nay, chịu không biết bao phiền não, không biết chừng nào thoát khỏi vậy?

Ngày nay ta lập chí học Đạo, đem cái duyên do đầu đuôi của mây ra mà xét thấu hết cả, không còn bị mây mê hoặc nữa, không còn bị mây chỉ sử nữa, tập lần *nhơn không huệ*<sup>(53)</sup>, dùng liền *xả thân pháp*<sup>(54)</sup>, buông thân thể, bỏ thông minh, giữ theo đó chẳng rời thì mới mong kề gần với Đạo. Người phái Tiên gia tu thân thì phải xét lại trong cái thể của mình, thần tức khí ngưng (kết đọng lại), khí tức là thần chú (san sót qua), tánh mạng song tu. Đạo với món khí cụ đựng cái Đạo nương nhau, hình thần đều được huyền diệu, cùng Đạo hiệp một lẽ chơn.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Lão Tử nói: ‘Ngoại kỳ thân nhi thân tồn’, nghĩa là: Gác thân ra ngoài thì thân còn (ý nói Thánh nhơn chẳng vì giả thân mà tranh giành, kinh địch, khiến phải lụy thân). Trường Xuân Chơn Nhơn nói: ‘Bá kế dĩ dưỡng thân, tức bá kế dĩ muội tâm’, nghĩa là: Trăm kế để bổ dưỡng thân hình, tức là trăm kế làm mê muội tâm hồn.*”

---

<sup>(53)</sup> Nhơn không huệ là đã rõ thấu nguồn vô sanh, không còn tánh nhơn ngã.

<sup>(54)</sup> Xả thân pháp là chẳng luyến ái giả thân, hay quên mình vì Đạo.

*Lại nên coi luôn bài Bì Nang Ca<sup>(55)</sup>, thì tự nhiên xả thân được vẹn toàn”.*

---

<sup>(55)</sup> Bì nang: đây tí cái thân người như xú bì nang, nghĩa là như cái túi da đựng đồ thúi, thì còn thương mến nỗi gì.

## 16. MẠCH

Trong thân người có mạch, kể ra mười hai bộ chánh kinh<sup>(56)</sup> và tám bộ kỳ kinh<sup>(57)</sup>. Nhưng chỉ có hai mạch Nhâm Đốc quan hệ nhất đến việc sanh tử của người.

Với kẻ phàm phu thì mạch Nhâm ở nơi bụng bắt dưới mà đi lên trên, còn mạch Đốc ở sau lưng bắt trên mà đi xuống dưới, trước sau hai mạch gián cách với nhau, cho nên hóa cơ (máy sanh hóa) mất căn bản.

Bởi có nên mạng sống tùy theo khí bảm yếu mạnh mà ra vẫn dài.

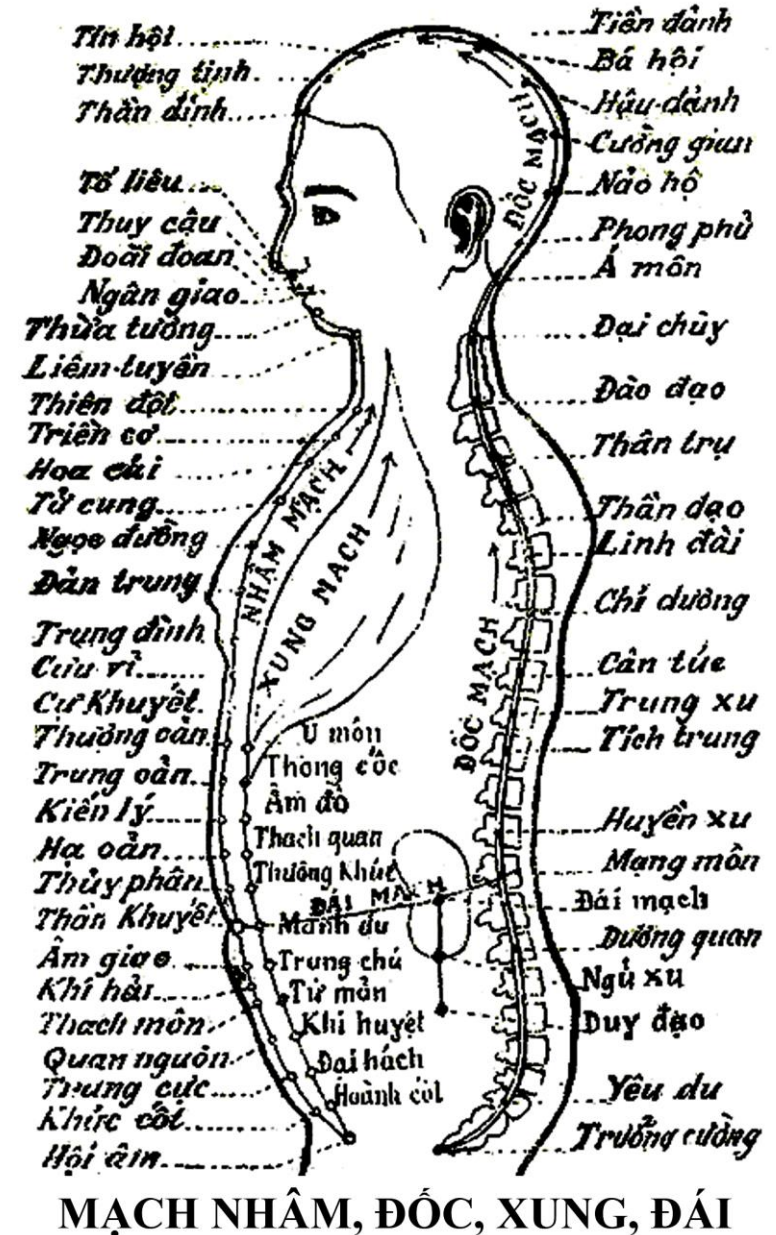
Tiên gia biết được mạch Nhâm là chỗ tổng hội các phần âm, còn mạch Đốc là nơi thống nhiếp các phần dương. Hai mạch nếu thông thì trăm mạch đều thông. Cho nên Tiên gia thôi âm phù, tấn dương hỏa làm phép vận chuyển hà xa<sup>(58)</sup>.

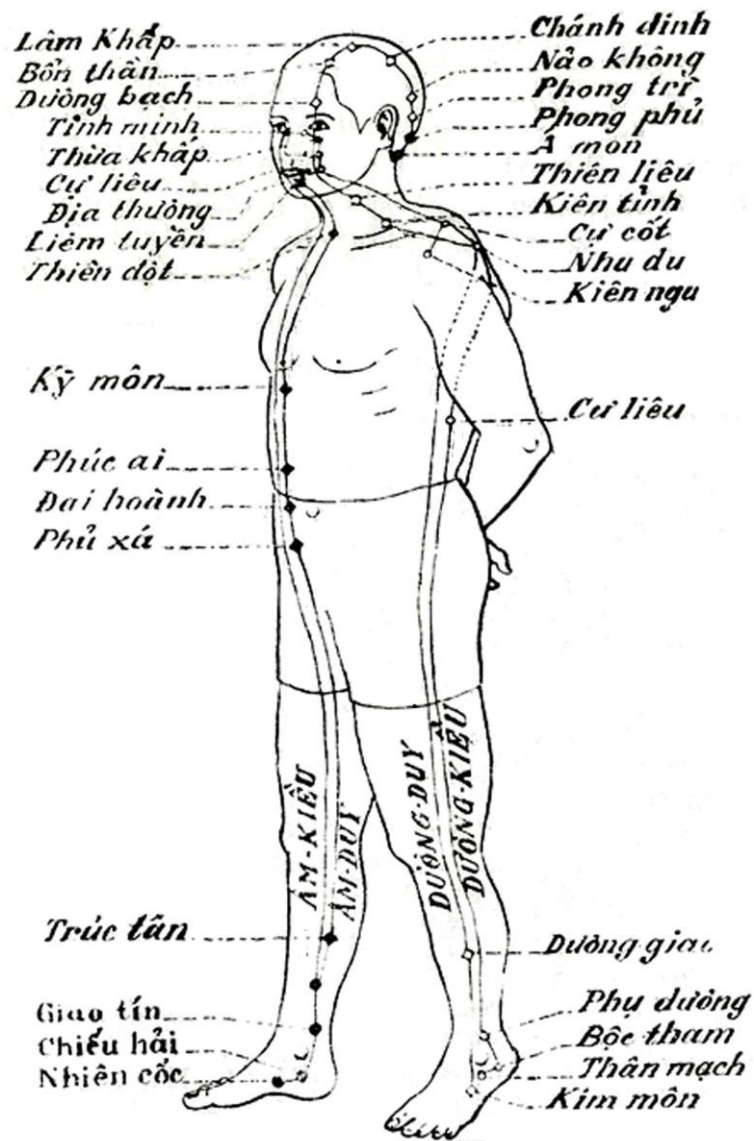
Theo phép này thì phải ngưng thân nhập Khí Huyết, ấy gọi là **qui căn**, thân khí giữ nhau, kháng khí không rời.

<sup>(56)</sup> Mười hai bộ chánh kinh là: Thái Dương kinh, Dương Minh kinh, Thiếu Dương kinh, Thái Âm kinh, Khuyết Âm kinh, Thiếu Âm kinh, sáu kinh thuộc về tay, sáu kinh thuộc về chơn, cộng lại là 12 bộ.

<sup>(57)</sup> Tám bộ kỳ kinh là Nhâm, Đốc, Xung, Đái, Dương Kiều, Âm Kiều, Dương Duy, Âm Duy. Xin coi bản đồ kỳ mạch, có vẽ các huyết hữu hình theo y học Trung Quốc.

<sup>(58)</sup> Hà xa là bánh xe quay nước để chở được vật (thuốc của Tiên gia). Vận chuyển hà xa cho thông hai mạch, lên thì gọi tấn, xuống thì gọi thôi.





## MẠCH DƯƠNG KIỀU, ÂM KIỀU, DƯƠNG DUY, ÂM DUY

Chờ đến khi tịnh cực (tịnh đến cực điểm) rồi thì phát động, ấy là thần trở lại thừa khí mà thượng thăng nơi Nê Huồn cung. Chừng đó, đường hà xa mới thông. Phải biết đường hà xa, tức là hai mạch Nhâm Đốc của thân ta đó.

Hồi khí mới phát sanh, nó *uất chung*<sup>(59)</sup> nơi khoảng giữa hai cái thận, tràn dẫy lên trên *ngũ du*<sup>(60)</sup>, ấy là kinh thủy loạn hành, chẳng còn do nơi mương rãnh nữa. Ta mau đem thần chuyên nó về Vĩ Lư, rồi lên tới Giáp Tích. Giáp Tích khó qua thì lưỡi trụ ở gà, khiến nó lên Phong Phủ mà thẳng tuốt lên Nê Huồn. Thần với khí giao hội nơi chỗ đó thì mới nghe trong mình thơ thới điều hòa. Một chút thì nó biến ra cam lộ. Mau lấy lưỡi dẫn nó từ trên Thước Kiêu mà đi xuống khai thông Hội Yết, qua Trùng Lâu, đạo Giáng Cung, trở về chỗ chứa nó (Khí Huyết) thì nghỉ. Gội rưới giáp vòng như vậy lâu rồi thuần thực, khí mẫn *ba Điền*<sup>(61)</sup> dưới trên giao thái.

Đây là chỗ gọi:

*Thường sử khí thông, quan tiết thấu,  
Tự nhiên tinh mẫn, Cốc Thần tồn.*

<sup>(59)</sup> Uất chung, nghĩa là nước nhờ có lửa nấu chung nên sanh ra khí, càng nhiều càng mạnh, bông bột như trong nồi nước sôi đầy nắp kín (*chaudière*).

<sup>(60)</sup> Ngũ du là năm thứ huyết ăn vô năm tạng.

<sup>(61)</sup> Ba Điền là ba Đơn Điền, chỗ dưỡng đơn.

Nghĩa là:

Vận khí thông quan, xoi cốt tiết,  
Tự nhiên tinh đủ, dưỡng nguon thần.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Từ chỗ: theo phép này ... sắp xuống mấy câu, muôn quyển đơn kinh chẳng nói ra ngoài vòng đó. Nói ra ngoài vòng đó là bàng môn. Chỗ Lão Tử gọi rằng: “Trí hư cực, thủ tịnh đốc, vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục”, nghĩa là: Phăng chỗ hư (trống) cho cùng cực, giữ lòng tịnh (lặng) cho hết sức, thì muôn vật đều phát hiện (hư trung sanh thật, vô trung sanh hữu), ta nhơn đó mà thấy lại đặng bốn lai hư tịnh là cái tâm của ta hồi ban sơ, tức là nói vô đây. (Theo kinh Dịch, âm cực thì nhất dương trở lại sanh nơi dưới, gọi là quẻ Phục. Phục là cái Đạo sanh sanh vô cùng chẳng dứt). Phải biết quý nó! Ráng giữ lấy nó! Nhất là nguyện kẻ thượng đặng căn khí hết lòng làm theo đó”.*

## 17. TRẦN THẾ

Động lay gọi là trần, biến đổi gọi là thế.

Thế có trị, có loạn: đời trị quý tài năng thì trở mặt, đời loạn quý đức hạnh thì *ấn mình*<sup>(62)</sup>. Người có trẻ, có già: trẻ tuổi thì quý học hành mà cần siêng, già lớn thì quý tu dưỡng mà an tịnh.

Đời Đường Ngu<sup>(63)</sup> có Hứa Do, mới biết ai buồn, ai vui? Đời Thúc Quý<sup>(64)</sup> không Nghiêm Quang (tự Tử Lăng), sao rõ ai thanh, ai trọc?

Chúng ta trải qua các đời cũng như lội ngang con sông. Phàm gặp chỗ sâu hụt chơn đằm đuối thì phải biết mà tránh.

Lương kí (là ngựa hay, đi một ngày một ngàn dặm) rất lẹ, thường mang cái khổ phong trần. Huyền qui (rùa đen) tuy linh, khó trốn sự nguy mờ ruột.

Xem con chim bay kia, thừa gió mà lên cao, lựa cây

---

<sup>(62)</sup> Đức Khổng Tử nói rằng: “*Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư; thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn*”, nghĩa là: Nước nguy thì đừng vào, nước loạn thì đừng ở, lúc thiên hạ có đạo thì ra mặt, lúc thiên hạ vô đạo thì ẩn mình. Ý nói: Đời trị thì trở mặt đem tài nghề của mình mà ra giúp nước, đời loạn thì nên ẩn mình mà trau dồi đức hạnh của mình.

<sup>(63)</sup> Đường Ngu là đời vua Nghiêu, vua Thuấn, đời thái bình.

<sup>(64)</sup> Đời Thúc Quý là chỉ đời sau rốt, suy loạn, tức là: hạ Lương, hạ Đường, hạ Tấn, hạ Hán, hạ Châu, gọi là Ngũ Đại. Nghiêm Quang ở đời Đông Hán.

mà ngừng đậu thì sướng thích biết bao! Chỉ vì ham ăn, bị bắt nhốt vào lồng rồi, muốn thoát mà thoát sao được? Nay ta thấy tước lộc, xét coi phải cái lồng nhốt người đó chăng?

Đời Xuân Thu mà không dùng Khổng Tử, ấy là cái bất hạnh của đời Xuân Thu, mà là cái đại hạnh của hậu thế. Huyền Đức biết dùng Khổng Minh, ấy là cái đại hạnh của Huyền Đức, mà là cái bất hạnh của Khổng Minh. Việc làm của người xưa có tốt, có xấu, với việc làm của người nay có phải, có quấy cùng là việc làm của mình có đặng, có mất, các việc ấy đã thuộc về dĩ vãng, đều là chuyện vô ý vị ở trần thế, có nói tới làm gì? Nhớ tới ích chi? Chẳng nói, chẳng nhớ thì tâm tịnh vậy. Tâm tịnh tức là Đạo.

Các chỗ tiêu sái ngày nay đều do chỗ chẳng toại ý năm trước mà ra. Chỗ chẳng toại ý ngày nay, biết đâu là chẳng phải chỗ tiêu sái một ngày kia vậy?

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: *“Tâm tịnh tức là Đạo. Đủ thấy Đạo chẳng xa người. Chỗ mà người thế không đắc ý, chánh là lúc bực cao hơn đặng tiêu sái lâu dài”*.

## 18. DANH LỢI

Học Đạo chưa được, là bởi vọng niệm không dứt, nhiều khi chướng ngại. Vọng niệm không dứt, là bởi danh lợi khó quên, có thể khiến triền (buộc ràng). Nếu muốn dứt vọng niệm thì trước phải xét thấu danh lợi, rồi sau mới dứt được.

Danh là phần Tạo Vật rất kị, lợi là món nhơn tình hay tranh. Cho nên nói: *“Danh lợi giết người còn hơn guom giáo”*. Sao vậy? Guom giáo giết người, người biết mà tránh. Danh lợi giết người, chết cũng không chừa.

Người xưa đặng cái Đạo rồi hay làm như người si cuồng, là vì không muốn cho người ta biết mình. Người đời nay chỉ học biết chút đỉnh mà muốn biểu bợ ở thế, thiệt là hủ lậu!

Người quân tử học Đạo đem hết những tâm háo thắng khoe tài mà quên phứt hết, âm thầm tu hành. Đạo tuy minh, đức tuy lập, mà dường như chưa làm gì được vậy. Cho nên nói: *“Người quân tử có chỗ ta chẳng theo kịp”*, có phải chỉ cái chỗ người ta không thấy được đó chăng?

Lợi là một vật không đức mà khiến người ta gần gũi, không lửa mà khiến người ta sốt sắng (hăng hái), không quyền mà khiến người ta chẳng từ lao khổ, không tình mà khiến người ta một khắc chẳng quên.

Lợi khiến cho kẻ học Đạo thấy nó mà bại đức, khiến cho người trị thế (làm quan trị dân) thấy nó mà bỏ luật. Từ xưa đến nay, lòng người và phép nước, vì mỗi lợi đó, mà phải bị lụy hại. Ở trong thiên hạ, có cái đại hại ẩn trong cái đại lợi, mà người ta chẳng biết. Chẳng phải thiệt chẳng biết, mà vì lợi làm cho tối tăm đi.

Của tang phạm phép nước cũng như món ăn phạm tạng phủ làm sanh bệnh vậy. Hồi lúc lấy trộm thì sợ không đặng nhiều; mà đến chừng bại lộ ra, lại trông cho có ít. Chỉ có một vật mà sau trước có chỗ khác nhau như thế đó, là bởi lợi với hại nối gót theo nhau.

Giả như lúc thấy lợi mà liền tưởng có hại, thì những niệm cầu thả tất nhiên phải tuyệt. Quân tử chứa đức, đức hay nhuận thân, lại cũng hay vinh thân. Cho nên bậc đại đức không cầu lộc, vị, danh, thọ, mà lộc, vị, danh, thọ, tự nhiên đến. Tiểu nhơn chứa của, của hay nuôi thân, lại cũng hay hại thân. Cho nên kẻ có của nhiều lo lắng sợ hãi, muốn bỏ lo lắng sợ hãi, mà lo lắng sợ hãi bỏ không kham.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: *“Danh là phần Tạo Vật rất kị, nói vậy rất hay. Từ chỗ: Lợi là một vật ... cho tới ít câu sau, lại còn nói thấu đến cốt tủy. Kẻ thương hò buôn bán nghe qua còn phải gật đầu, hà huống là bậc sĩ, đại phu, cùng người học Đạo”*.

## 19. SẮC

Trời Đất là vợ chồng lớn, hóa sanh muôn vật. Vợ chồng là Trời Đất nhỏ, sản xuất gái trai. Đại khái, đạo người thông với đạo Trời: thuận mà đưa ra, có thể sanh cháu con; nghịch mà dẫn vào, có thể thành Tiên Thánh.

Một vị Tiên hồi xưa có nói rằng: *“Tử yếu bất lão, hườn tinh bổ não”*, nghĩa là: Người muốn chẳng già, thì đem tinh về bổ óc. Óc là cái biển chứa các thứ tủy. Cái tinh đậm dật do nơi các thứ tủy kia mà hóa ra. Những người háo sắc hay bị nhức đầu, ấy là óc trống rỗng đó!

Ồi! Dầu khô đèn tắt, tủy hết người chết. Quán Sở lầu Tần chẳng phải là chỗ vui, ấy là lưới rập hãm bắt con người. Đĩ ca gái múa chẳng phải là người vui, ấy là quỷ mị phá tan nhà cửa.

Người đều sợ quỷ, duy không sợ thứ quỷ đội lốt<sup>(65)</sup> ở trong nhà, nó câu thân hồn con người. Người đều sợ cọp, duy không sợ thứ cọp ngũ chung với mình trên giường, nó ăn cốt tủy con người. Người đều sợ rắn, duy không sợ thứ rắn bao quần người trong mền, nó hút khí huyết con người. Người đều sợ trộm cướp, duy không sợ thứ trộm cướp đoạt khí dương ban đêm, nó hại tánh mạng con người. Sắc nó hại người lớn lắm thay! Chẳng phải là không ai biết răn mình, nhưng răn mình mà rồi lại phạm nữa.

<sup>(65)</sup> Quỷ đội lốt giai nhơn, ý nói người đàn bà đẹp.

Hay là cho sắc tốt đẹp chẳng? Sao chẳng nghĩ trong lỗ tai có cút ráy, trong con mắt có ghen, trong lỗ mũi có nước dãi, trong miệng có nước miếng, trong bụng có phân đái, trong âm có mủ máu, dơ dáy hôi tanh, chỗ nào cũng đều không sạch cả. Lại thêm ngấm ngấm xảo mị, giả bộ thương yêu, mà kỳ thiệt là lang độc.

Kẻ ngu không rõ, say đắm sắc dục, chỉ ham hoan lạc một hồi, mà chẳng kể hình dung khô héo, bại đức tổn thân, làm hại rất lớn!

Phải nên xa lánh nó, như tránh đạo tặc vậy. Đạo tặc cướp lấy hết tiền bạc của người thì người phải nghèo. Nữ sắc cướp lấy hết tinh ba của người thì người phải chết.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Lữ Động Tân có đề bài thơ như vậy:*

*Nhị bát giai nhơn, thể tợ tô,  
Yêu huyền lợi kiếm trăm ngu phu.  
Tuy nhiên bất kiến nhơn đầu lạc,  
Ám lý giao quân cốt tủy khô.*

Nghĩa là:

Hai tám gái tư dạng mỹ miều,  
Lung đeo gươm bén chém người yêu  
(người thương mình).  
Tuy là chẳng thấy đầu người rụng,  
Thỏn mỏn hại chàng cốt tủy tiêu.

*Ôi! Người bực trung niên sắp lên còn chẳng tin chắc lời này, hà huống là bọn thiếu niên, hà huống là kẻ thiếu niên không biết gì!”*

## 20. SỰ (việc)

Việc có điều *chẳng* thể đem ra thi hành cho thân mình được, tức là *chẳng* thể để mầm mống ở trong lòng. Có điều *chẳng* thể đem ra mà nói với người ta được, tức là *chẳng* thể đem bầm cáo cho Trời biết.

Đem bốn cái *chẳng* trên này, giờ giờ thường kiểm điểm, thì sẽ gần cái Đạo.

Việc ở trong thiên hạ, khó mà gặp cơ hội. Việc nào liệu làm được thì chẳng khá thối thác, thối thác thì không công đức chi. Việc nào liệu làm không được thì chẳng khá cượng cầu, cượng cầu thì sẽ thấy thất bại.

Việc nó đến cho mình, chẳng phải là không có lý. Người quân tử nghĩ về phải trái, kẻ tiểu nhân luận về lợi hại.

Con người đương lúc vô sự, thì tâm phải thường ở tại *xang tử lý* (chỗ trống không), chẳng khá vọng tưởng nơi chỗ mờ ám. Khi có việc thì tâm phải chuyên chú về đường chánh lý, chẳng khá cượng chấp ý kiến của mình.

Trong mình ít việc, tự nhiên ít khổ. Trong miệng ít nói, tự nhiên ít họa. Trong bụng ít ăn, tự nhiên ít bệnh. Trong lòng ít dục, tự nhiên ít lo.

Trong đời, sự khó làm đệ nhất có hai điều, là: qua biển và ra trận. Người dường như không sợ hai cái khó

này, vì có kẻ làm đến. Còn học Đạo, là phản cầu (cầu ngược nơi mình) thì liền đặng, dễ dàng chớ chẳng phải nguy hiểm như vượt qua biển; là thiên lý tự nhiên, yên ổn chớ chẳng phải nguy hiểm như đi ra trận. Đã dễ dàng, lại yên ổn, mà ít người hay làm đến, vậy là tại sao?

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Những việc của bực cao minh, phần nhiều là ở ngoài đến; bực này lại có thể ráp việc thì xong việc. Những việc của người ngu xuẩn, phần nhiều là ở trong sanh; hạng này hiểu lầm nên gặp việc thì gây việc. Bực cao minh khi có việc đến, ứng đối lấy lý công, tự nhiên như tên bào-đinh (đầu bẹp) xẻ thịt bò, ngũ quan không động, duy có thần hành<sup>(66)</sup>. Người ngu xuẩn, khi có việc đến, ứng đối lấy lòng tư (lòng riêng vì mình), tự nhiên như con cò với con ngao trì kéo nhau để cho ông câu hưởng lợi<sup>(67)</sup>.*”

<sup>(66)</sup> Sách Trang Tử, chương ba luận về *Dưỡng Sanh Chủ*, có nói rằng: Tên đầu bẹp của vua Văn Huệ xẻ thịt bò, con dao của nó bào da, xẻ thịt, dứt mấy chỗ xương lắt léo coi ra vẻ tự nhiên lắm, mà có cách thức, có nhịp nhàng lắm.

- Vua thấy xẻ thịt, bèn khen rằng: Hay lắm! Khanh giỏi đến bực ấy sao?

- Tên đầu bẹp buông con dao mà râu rằng: Thần mộ là mộ cái đạo, mà tiến lên đến giới vậy.

Khi thần mới khởi xẻ bò, thì thấy cái gì cũng không ra ngoài con bò. Ba năm sau, hết còn thấy nguyên con bò nữa. Bây giờ khi thần xẻ bò, thần chỉ dùng tâm thần, chớ không lấy con mắt thường mà thấy, cho nên ngũ quan không động, duy có *thần hành*.

<sup>(67)</sup> Con cò và con ngao kéo chà-béo với nhau, bên nào cũng muốn đặng phần mình, mà không chịu nhường nhịn nhau.

Tô Đại đi sứ qua nước Triệu đặng giảng hòa với vua Triệu, có thuật

## 21. VẬT

Muôn vật có đây là ở trong *không* mà sanh ra. Thói tình của người phạm hay trước ý về bên có mà thôi. Tìm biết được chỗ thường không đó chắc phải khó rồi, mà thường không cái có kia lại càng khó hơn nữa.

Con người muốn đứng trên cái địa vị thường không này thì phải lấy tánh làm chủ. Lấy tánh làm chủ thì chưa từng có vật. Mình quên mình thì vật kia tự nhiên mất dạng. Vật tuy đầy ở trước mặt, mà thường coi như không vậy<sup>(68)</sup>.

Bàng cư sĩ nói rằng:

*Đản tự vô tâm vu vạn vật,  
Na phạ (hà phương) vạn vật thường vi nhiên.*

---

một chuyện tỉ dụ như sau này:

- Hồi nãy khi sang qua đây, thân đi ngang sông, có một con ngao lên bờ hóng nắng. Bỗng đâu một con cò bay đến mổ thịt con ngao, ngao khép vেম lại, kẹp cái mỏ con cò.

- Cò mới nói rằng: Nay mai trời không mưa thì tao sẽ đặng con ngao chết!

- Ngao ứng lên rằng: Nay mai mày không rút mỏ ra được, tao sẽ đặng con cò chết!

Hai con chẳng buông nhau ra, ông câu đi đến gặp bắt hết cả hai.

<sup>(68)</sup> Kinh Phật nói: “*Hữu tức phi hữu*”, nghĩa là: Tuy thấy có, mà kỳ thiệt là không phải có. Ngoài cái tâm ra, không có pháp nào, có vật nào cả. Các pháp, các vật, tỉ như bóng trong gương không có thiệt thể.

Nghĩa là:

Chỉ giữ vô tâm cùng mọi vật,  
Sợ gì (hại gì) mọi vật phủ vây mình.

Người thì có người yêu quái, vật thì có vật yêu quái, nó hay mê hoặc người ta. Mà thiệt nó mê hoặc người ta được sao? Ấy là người tự mình mê nó chứ!

Sách Bá Tự Bi nói rằng:

*Chơn thường tu ứng vật,  
Ứng vật bất khả mê.*

Nghĩa là: Theo *đạo chơn thường*<sup>(69)</sup>, phải tiếp ứng

---

<sup>(69)</sup> Đã biết gốc Đạo là ở cảnh vô sự, thì cái chơn mới có thể thường (còn hoài) được. Cái chơn được thường, hết thầy cái giả ở ngoài không phạm đến nó được. Nhưng cái Đạo chơn thường chẳng phải trốn đời lia tục, cũng chẳng phải ngồi tịnh dứt niệm. Phải bước lên chỗ thật địa, đem hết sức thân thể ra mà thi hành. Cái chi do nơi trong lò to mà nấu luyện ra mới là chơn, mới là thường. Nếu biết chơn mà chẳng biết hành chơn, tuy giữ đặng vô sự, mà cũng như món vật bằng cây chạm, bằng đất đắp. Ngoài tuy vô sự, chớ trong khó tránh khỏi hữu sự. Cho nên nói rằng: “*Thiền cơ bản tịnh, tịnh sanh yêu*”. Đây là đóng cửa bắt ăn cướp, cái giả không trừ được, mà cái chơn lại bị hại thì làm sao cho chơn thường được? Bởi có mới nói: “*Chơn thường tu ứng vật, ứng vật yếu bất mê*”. Nói chơn thường ứng vật là lấy chơn mà ứng với giả. Nói ứng vật yếu bất mê, là mượn cái giả mà tu cái chơn.

Số là cái chơn ở trong cái giả, cái giả không ở ngoài cái chơn. Không giả thì chẳng nên chơn, không chơn thì chẳng hóa giả. Chỉ tại thường ứng thường tịnh, trong chỗ sát cơ mà trộm máy sanh cơ, trong chỗ sóng gió to mà vững lái yên chèo đó thôi. Nếu thiệt chẳng mê, tức là chơn thường. Nếu biết chơn thường, tuy cả ngày ứng vật, mà như không ứng vật, ở trong cảnh vô sự, mà chẳng bị muôn vật đời dạt. Như vậy thì ứng vật có ngại gì không?

Ứng vật chẳng mê thì cái chơn của Đạo tâm thường còn, ắt cái giả

với muôn vật, nhưng tiếp ứng với muôn vật, thì chẳng khá mê. Nếu chẳng tiếp ứng thì ra không tịch hư vô. Vậy có vật lại thì tiếp ứng, vật đi thì chớ lưu cầm. Có câu quyết rằng: “*Trước ý dầu dầu thối, vô vi hựu lạc không*”, nghĩa là: Để ý thì mỗi đoạn công phu đều sai lầm tuốt hết, còn không làm gì lại ra đoạn diệt hư vô.

Thấy vật tốt mà sanh lòng mến, thì cái tâm mình đã bị nó dẫn đi, tức là mê rồi. Xét thấu một vật thì không bị một vật đó mê hoặc. Xét thấu muôn vật thì không bị muôn vật đó mê hoặc.

Kinh Kim Cang nói rằng:

*Nhứt thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ, diệt như điện,  
Ứng tác như thị quán.*

---

của nhơn tâm chẳng sanh. Cái giả của nhơn tâm chẳng sanh, ắt tánh khí chất chẳng phát. Tánh khí chất chẳng phát thì tánh Trời phú sáng suốt rực rỡ như cái tháp bằng thủy tinh, không nhiễm, không dơ, không lay, không động, mà tự nhiên trụ (vững vàng).

Tóm lại tánh mà trụ được toàn là nhờ cái công phu ứng vật chẳng mê. Mê ắt nhơn tâm dụng sự, chơn tánh muội thì giả tánh phát. Chẳng mê ắt Đạo tâm dụng sự, giả tánh mất thì chơn tánh bày. Muốn hành cái Đạo trụ tánh, chẳng mê là tròn phận sự.

Trong bài Huỳnh Hạc Phú của Đức Lữ Tổ, có câu rằng: “*Y thế pháp, nhi tu xuất thế chi pháp*”, nghĩa là: Do nơi phép ở trong đời, mà tu cái phép ra ngoài đời. Lời này rất có thâm ý!

Nghĩa là:

Hết thầy pháp nào thuộc hữu vi,  
Chiêm bao, bọt, bóng, dôi ra chi!  
Như tuồng diễn chớ sương đầu cỏ,  
Phải xét cho rành như thế nì.

Các sự vật trong thiên hạ, tự có cái đạo lý *ninh tịnh*<sup>(70)</sup> trong đó, không nên để một mảy tư ý xen vào. Cho nên nói: Thiên hạ có tướng gì? Lo gì? Bởi có mà quân tử rắp việc thì làm rồi việc chớ không sanh sự; *tùy vật mà cấp cho vật*<sup>(71)</sup>, chớ không để ý tới vật.

Trình Y Xuyên nói rằng: Con người đối với vật ở ngoài, món nào để cấp dưỡng thân mình thì muốn cho tốt cả, chỉ có cái thân và cái tâm của mình lại không muốn cho tốt. Họ đặng mọi vật ở ngoài tốt cả, mà có dè dàu thân và tâm của mình đã trước không tốt kia mà!

Nay người có nhà cửa, áo quần, món ăn uống, các khí dụng, hay hồ thẹn không bằng của người ta. Còn đến việc học vấn chẳng bằng người, lương tâm chẳng bằng người, lại không biết hổ thẹn, là tại sao? Thiệt không nghĩ suy gì hết!

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Mình quên mình thì*

---

<sup>(70)</sup> Sách Châu Tử Ngữ Lục nói rằng: “*Hi nộ ai lạc vị phát, thử tâm đình đình đáng đáng, hiệp tại trung gian*”, nghĩa là: mừng, giận, buồn, vui chưa phát thì cái tâm này *ninh tịnh* (yên lặng) hiệp ở ngôi Trung.

<sup>(71)</sup> *Tùy vật mà cấp cho vật*, nghĩa là: Như con vật nào ăn món chi thì cấp cho nó món đó. Ý nói: tùy người, tùy cảnh.

*vật tự nhiên mất dạng. Nói vậy thì đủ thấy vì có mình ở trong, nên mới có vật ở ngoài. Mình ở trong quên mình, thì vật ở ngoài tự nhiên mất dạng.*

*Kẻ thế bỏ chon tìm giả, mà còn xưng rằng: Tôi là người trí”.*

## 22. NGÃ

Sách Luận Ngữ có ghi rằng Đức Khổng Tử tuyệt bốn điều<sup>(72)</sup>, mà để hai chữ vô ngã (không có ta) nơi đàng sau rốt, là vì: ý, tất, cố đều là do hữu ngã (có ta) mà ra. Duy cái ta này mà không, thì ý, tất, cố cũng đều theo đó mà không luôn.

Ta là cội rễ của các việc tư (việc riêng của từ người). Không ta thì cội rễ đoạn, các việc tư hết sanh nữa. Nay người ta có lòng làm những việc gì, có việc nào trong đó mà không vì ta hay không? Việc chẳng lợi cho mình, thì làm sơ lược lấy có, bởi vì đời thấy nó cho là ở vòng ngoài nên bỏ ra. Việc có lợi cho mình, thì tính từ thắng, từ đầu, từ chút mảy mọn, dầu xẻ mình bỏ mạng cũng ráng đuôi theo. Cái ta nó làm hại lớn biết mấy! Duy không có cái ta thì việc tư tà hóa ra việc công chánh. Mình còn quên hình hài của mình nữa thì đâu có vật nào làm lụy cho được?

Hãy kiểm hết trong hình hài ta, có cái nào là ta đâu? Nếu không thấy cái ta thì đã trọn giải thoát.

Vĩnh Gia Tập nói rằng: Vô minh chẳng đoạn dứt, cố chấp quấy vì ta, theo ngã kiến thì cứ tham sân, sa tà

---

<sup>(72)</sup> Sách Luận Ngữ nói rằng: “*Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*”, nghĩa là: Đức Khổng Tử tuyệt không có bốn điều này: không lấy ý riêng, không kỳ tất (kể chắc đặng vậy vậy), không chấp nệ, không có ta (thiên về mình).

kiến lại tranh quyền sở hữu, mới sanh ra các sự nhiễm trước. Biết thân là huyễn, không có tự tánh, sắc tức là không thì ai là ta? Hết thấy các pháp, chỉ mượn giả danh, không có một cái chi chơn thiệt. Tứ đại, ngũ uẩn, từ món không phải ta, mà hiệp lại cũng không phải ta. Tìm kiếm trong ngoài, rốt rồi chẳng có ta.

Hãy xem rõ lại chữ *ngã* 我, là hai chữ *qua* 戈<sup>(73)</sup> hiệp thành. Một bên chữ qua xuôi, một bên chữ qua ngược. Các mối họa lang độc, sát sanh đều do hữu ngã (có ta) mà dấy lên. Cho nên người có lòng cùng Đạo thì trước phải vô ngã.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Cái mà người thế gọi là ngã, chẳng phải là chơn ngã. Ấy là thức thân, chỉ khuấy hại mà thôi*”.

*Người xưa nói rằng:*

*Vô lượng kiếp lai sanh tử bốn,  
Si nhơn nhận tác bốn lai nhơn.*

*Nghĩa là:*

*Vô ngần kiếp số gây sanh tử,  
Mà kẻ ngu si tưởng bốn lai (tánh ban đầu).*

*Lại nói rằng: Khứ hậu lai tiên tác chủ nhơn*<sup>(74)</sup>,

<sup>(73)</sup> Chữ *qua* đây là chỉ món binh khí hồi xưa, tựa như cây kích vậy.

<sup>(74)</sup> Luận về tám thức là: nhân thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng thức, a lại da thức, có sách nói rằng: Anh em có tám người, một người ngu, một người rất lạnh lợi, năm người buôn bán trước cửa, một người làm chủ nhà.

*nghĩa là: Lại trước, đi sau, làm chủ nhơn. Nếu chẳng lấy bình bát vàng mà chụp nó lại, lấy kim cô bông mà đánh nó chết thì thỉnh kinh, trừ ma đều là việc của Lục Nhĩ Di Hâu<sup>(75)</sup> cả”.*

Người lạnh lợi là ý thức, làm chủ ngũ tạng, là giống luân hồi. Vì nó mà những kẻ phàm phu trong tam giới, chẳng có một ai khỏi trầm溺. Cho nên kinh Viên Giác nói rằng: *Trước đoạn cái căn bốn luân hồi từ đời vô thủy*, là đoạn cái thức này.

Người ngu là mạng thức hay là truyền thông thức.

Người chủ nhà là a lại da thức hay là hàm tàng thức. Thức này cũng gọi là tổng báo chủ. Lúc đầu thai thì nó lại trước, lúc bỏ xác thì nó đi sau.

Như đầu thai làm người, thức a lại da bắt đầu chấp thọ tinh huyết làm thân, khiến cho tinh huyết lần lần chuyển biến ra thân người, rồi lần lần các thức khác mới hiện ra. Cho nên nói thức này lại trước. Đến khi chết vì nghiệp lực đã dứt, các thức trước đều diệt, rồi thức a lại da mới bỏ cái căn thân, không chấp thọ nữa. Từ đó, cái căn thân mới lần lần tan rã, cho nên nói: Thức này đi sau.

<sup>(75)</sup> Lục Nhĩ Di Hâu là yêu hầu giả hình Tôn Ngô Không. Tôn Ngô Không thiệt và Tôn Ngô Không giả, hai người đánh với nhau, dẫn tới núi Lạc Già mà Quan Âm Bồ Tát không nhìn ra thiệt giả. Hai người bèn kéo lên Thiên Cung, xuống Địa Phủ, dẫn về thầy Tam Tạng mà không ai biết đâu là thiệt, đâu là giả.

Khi ấy hai Tôn Ngô Không vừa đánh, vừa bay đến núi Linh Sơn (chánh là núi Linh Tự mà tục thường đọc Linh Thứu) để cầu Phật Thích Ca Như Lai xét ra người nào tà, người nào chánh. Phật nói rằng: Trong thế giới có năm bực Tiên và năm loài trùng. Song con yêu này không phải thuộc về năm bực Tiên, cũng chẳng thuộc về năm loài trùng. Thiệt là tứ hầu hỗn thế. Bốn con khi này là:

1. Linh Minh Thạch Hâu, biết cơ trời đất,
2. Xích Khao Mã Hâu, thông hiểu cao xa,
3. Thông Tuy Viễn Hâu, tài năng mạnh bạo,
4. Lục Nhĩ Di Hâu, biến hoá vô cùng. (Đọc Lục Nhĩ Nhĩ Hâu là sai.)

## 23. GIẢ

Kẻ học Đạo trước phải nhìn cho ra chơn giả, rồi mới có thể vào cửa Đạo (khởi học).

Thường xem kẻ hát làm tuồng, gặp những lúc thanh suy, đặng mắt, tan hiệp, sàu vui, bộ tịch ở ngoài y nhiên theo cảnh, mà trong tâm vẫn bình tịnh như thường. Làm sao mà họ được chẳng động tâm như thế đó? Vì họ biết rõ hình tượng là giả trang, tình cảnh là giả tác, biến đổi xây vắn, chớ không bớt hay là thêm gì cho thân mình cả. Kẻ học xét đó thì có thể tỏ hiểu lý Đạo.

Lại khi xem hát hình, thấy hình nộm tay múa căng đạp, rõ ràng như hình người. Kẻ vô trí xem hình, xem

---

Lục Nhĩ Di Hâu nghe nói kinh hồn, nhảy đại, biến ra con ong mật bay lên. Phật lấy bình bát vàng quăng theo, thâu con ong vô trong bình bát. Các đệ tử lại giở bình bát, thấy con yêu hầu hiện ra nguyên hình con khỉ sáu tai rõ ràng. Tôn Hành Giả nổi giận nói rằng: “*Xua mi phò ta, nay lại làm phản*”, vừa nói vừa đập một cây kim cô bông (đọc kim tích bông là sai) chết tươi.

Tôn Ngộ Không thiết đây là chỉ chơn tâm, còn Tôn Ngộ Không giả là chỉ giả tâm, tức là sáu thức. Phật không cho sáu thức dấy lên, đem bình bát là vật *viên không* (tròn mà không, tức là chỉ cái phù hiệu này O) mà chụp nó lại, rút xuống hiện xuất nguyên hình, dùng chơn tâm đánh chết giả tâm, làm cho tuyệt nôi tuyệt giống.

Ai biết được cái chơn tâm thì thành Phật. Nhưng than ôi! Kẻ nhìn lầm cái giả tâm rất nhiều, mà không biết nó là gốc sanh tử luân hồi. Trên kia nói: “*lại trước, đi sau, làm chủ nhơn*”, ấy là chỉ cái giả tâm đó.

dây, mà không tưởng có người ở đầu mỗi dây kia giựt dây rồi hình mới cử động được. Thành linh người hát bỏ chỗ đi đâu thì hình dây tuy còn, mà chẳng cử động được nữa.

Vậy hình hài con người có phải là hình nộm đó chẳng? Khí huyết có phải là sợi dây đó chẳng? Chơn tánh có phải là người hát đó chẳng?

Lại thấy có người bày phép trò chơi, cải tên đổi chất, để lòa mắt khán giả. Kẻ dung-ngu thấy rồi, mắt chóa tâm mê, khen là kỳ diệu.

Ở thế gian, hết thấy các phép hữu vi, người lấy đó gạt ta, ta lấy đó gạt người, đảo điên điên đảo, cùng với phép trò chơi kia có khác chi chẳng? Thấy nó mà mắt chẳng chóa, tâm chẳng mê, tức là gần Đạo rồi.

Lại thấy kẻ chớp bóng đốt đèn đánh trống, thiên hạ đều tựu lại xem hát. Tâm và mắt họ đều theo bóng, bị nó chuyên dời, bỏ không cái xác của mình lại đó, mà chẳng biết xem nó. Đến khi đèn khô đèn tắt, các thứ huyền cảnh đều hườn lại không. Kẻ trí nhờ thấy đó mà tỏ hiểu được cái Đạo: Đương lúc không mà sanh có, nhưng có đó cũng chẳng phải có; đến khi có mà hườn lại không, nhưng không đó cũng chẳng phải không.

Tại có sao vậy? Các duyên hội hiệp thì có, mà cái có này không có tự tánh, cho nên nói chẳng phải có, để phá cái *thường kiến*<sup>(76)</sup>. Tánh trống rỗng là không,

---

<sup>(76)</sup> Thường kiến nghĩa là: Chấp cái sở kiến thân và tâm còn mãi,

không để chỉ rõ chơn thể, cho nên nói chẳng phải không, để phá cái *đoạn kiến*<sup>(77)</sup>. Việc nhỏ như ngày đêm, sống chết, việc lớn như nguơn, hội, vận, thể, đều có thể lấy loại mà suy ra thì rõ.

Kẻ học Đạo phải biết có một cái tánh là chơn, muôn duyên đều giả, hết thấy các vật dưỡng sanh hằng ngày đều là trần cấu (bụi đất) ở trong cái giả. Sao lại cùng bọn phàm ngu tranh nhiều ít, sánh tốt xấu, ở trong chỗ trần cấu vậy kia!

Bạch Tần Lão Nhơn nói rằng: “*Kẻ hát bội biết hát là sự giả, người học Đạo nhìn thể là điều chơn. Lẽ nào người học Đạo lại kém thua kẻ hát bội kia sao? Không tỏ hiểu đó thôi.*”

*Nói chẳng phải có để phá thường kiến, nói chẳng phải không để phá đoạn kiến. Hai câu này lại thêm tinh vi. Người hay xét thấu rồi, tự nhiên chẳng trước tướng qua bên có hay là qua bên không?”*

---

thuộc về hữu kiến (thấy có).

<sup>(77)</sup> Đoạn kiến nghĩa là: Chấp cái sở kiến thân và tâm mắt luôn, thuộc về vô kiến (thấy không).

Pháp Hoa Kinh, phẩm Phương Tiện, nói rằng: *Nhập tà kiến trừ lâm, nhược hữu, nhược vô đẳng*, nghĩa là: Vào rừng rậm tà kiến rồi thì thấy hoặc có hoặc không... cho nên thấy có và thấy không đều gọi là tà kiến cả.

## 24. MA

Mặt trời hay là mặt trăng bị che tối (nhật thực hay là nguyệt thực) đều là bị ma chướng cả. Gặp một phen ma chướng thì phải có sanh một lần trí huệ. Có sanh một lần trí huệ mới là được một lần tấn ích. Nếu chẳng lấy trí huệ mà xét thấu, lại sanh lòng phiền não, ắt đại sự hư hoại.

Thường vào cửa chùa thấy bốn vị Kim Cang hàng phục tám con quái, đó là cái biểu tượng (cái dấu hiệu ở ngoài) hàng ma. Khi tới trong đại điện, thấy Phật ngồi đơan trang ở giữa, đó là cái biểu tượng “*tẩy tâm thói tàng ư mật*”, nghĩa là rửa sạch cái tâm mà đem thói ẩn nơi chỗ kín.

- Có kẻ hỏi: một Phật, hai Bồ Tát, có nghĩa ra sao?

- Trả lời: Số thuộc dương là lẻ, còn số thuộc âm là chẵn. Người thể chỉ biết tu riêng một vật (cô âm quả dương), nào có biết đồng loại gặp nhau (bổ trợ cho nhau) mà thành công đâu?

Những người tu hành, vì tập khí khó quên, nên cần phải học chủ tịnh. Hết thấy tình thức ở khoảng sẽ quên mà chưa quên, cho nên có chư ma phát hiện, thuận thì khiến người tham mến, nghịch thì khiến người khủng kinh. Vậy phải xem xét chớ để cái tâm này sa vào lưới tà và thường nhớ rằng chỉ có cái tâm mà thôi, chớ không có cảnh giới nào ở ngoài nó được. Có lẽ nào tự

mình mà mê, mà sợ cái tâm của mình hay sao? Xét thấu được vậy thì cảnh giới tự nó tiêu diệt.

Tiếc thay cho Thánh Đạo chẳng được sáng suốt, tà thuyết dấy lên như ong, có người tự tâm mê loạn, vọng xưng làm thầy người ta. Cho nên yêu tinh quỷ quái, đều thừa được lỗ hổng, đem tinh thần phụ dựa vào người ấy, giả xưng là thần. Kẻ ngu không biết lại tin là thật, cùng nhau khen ngợi, càng nói càng hay cả đám theo ma, rốt không tỉnh ngộ. Sống thì làm tội dân cho ma, chết thì cũng làm hồn quỉ cho ma nữa!

Ô hô, buồn thay! Không thể cứu được. Huyền và Thích hai đạo có xảy ra nhiều việc ma mà chẳng biết đối trị, mỗi lần thành ra chứng điên, đều là bởi thấy lý chưa rõ ràng, cương chế cái tâm mình mà ra vậy. Duy có nhà Nho không có việc ma, là bởi đem cái công phu cách vật trí tri<sup>(78)</sup> ra mà thi hành trước hết.

Bạch Tân Lão Nhon nói rằng: “Đại phàm những người học Đạo theo ma đều là bởi nhìn lý chưa rõ ràng, học sảo qua hai nhà kia (Huyền và Thích), rồi hạt luyện manh tu<sup>(79)</sup>, nên hay mang thứ bệnh ấy. Duy có nhà Nho không có ma, là bởi đem cái công phu cách vật trí tri ra mà thi hành trước hết. Lời này phải lắm!”

---

<sup>(78)</sup> Cách vật trí tri: Cõi lời giải trong bài chữ Tri trang 127.

<sup>(79)</sup> Hạt luyện manh tu nghĩa là: Tu đui luyện mù. Ý nói tu luyện bậy bạ không trúng gì hết.

Ô Sào Thiên Sư nói rằng: “*Tâm sanh chủng chủng ma sanh, tâm diệt chủng chủng ma diệt*”, nghĩa là: *Tâm sanh thì các thứ ma sanh, tâm diệt thì các thứ ma diệt. Vậy thì đủ thấy các thứ ma đều do vọng niệm mà ra cả.*

## 25. CẢNH

Hết thấy các cảnh trong tam giải, duy có một cái tâm động niệm mà sanh ra, chớ không có phép nào khác. Niệm nếu chẳng sanh, cảnh tự nó dứt. Hay là sức niệm động đến cùng rồi thì nó cũng trống không vắng lặng. Do đây thì đủ biết, lúc muội mông chẳng mất gì, khi tỏ hiểu cũng không đặng gì, là bởi cái vô trụ chơn tâm (ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm) chẳng tăng mà cũng không giảm. Tâm do cảnh khởi: Lấy tâm xem cảnh, thấy vật sanh tâm. Tuy ở chôn sơn lâm hải đảo, đâu đâu cũng là *trần lao*<sup>(80)</sup>. Người luyến cảnh, cảnh lộng (gạt) người thì tâm người thất chánh mà phát cuồng. Tình theo vật, vật dẫn tình, ắt thần lìa khỏi nhà mà thành si.

Cảnh tốt hay là cảnh xấu đều là cảnh; cảnh tuy đến trùng trùng, chớ không phải có. Tà niệm hay là chánh niệm đều là vọng; niệm dầu nổi lên tán loạn, mà cũng là không. Chớ gọi *ngũ dục*<sup>(81)</sup> là vui, mê mà quên trở về thì phải bị thương thân hại mạng. Phải biết chỉ có cái tánh là chơn, nắm giữ nó chớ rời thì tự nhiên tiêu ma chướng, phá hữu chấp, trực thể biến làm Tịnh Độ;

<sup>(80)</sup> Trần lao nghĩa tựa như phiền não. Các phiền não như tham, sân, ... trần uế (lắm dơ) chơn tánh gọi là trần, lao loạn (nhọc rối) thân tâm gọi là lao.

<sup>(81)</sup> Ngũ dục là năm điều ham muốn: ham thấy sắc, ham nghe tiếng, ham ngửi mùi, ham nếm vị, ham xúc động thân thể.

đem nó về cội tiếp mạng thì thân phàm kiết nên thai thánh.

Tam giải chỉ do tâm tạo, sao không đẹp trước cái tâm? Sáu trần nhờ thức mà vào thì phải tuyệt ngay cái thức. Đưa con đồ hoàn toàn không có thức, trần duyên đồ cuộn cuộn (như nước đổ) bao giờ cũng chẳng có lỗ hở mà vào. Bực Chơn Nhơn rờng rặc chỉ là trí pháp giải<sup>(82)</sup> chiếu lâu lâu, khắp xứ đều là nơi cực kỳ vui đẹp.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Cảnh không có khổ sướng, khổ sướng do tâm khởi. Đồng thời ở lầu Nhạc Dương*<sup>(83)</sup>, *có người được tâm phối nở, thân đẹp vui, lại cũng có khách cảm kích quá mà sanh buồn thảm.*”

*Người xưa nói rằng: Thần Tiên vô biệt pháp, chỉ sanh hoan hỉ bất sanh sầu. Nghĩa là: Thần Tiên không*

<sup>(82)</sup> Pháp giải có nhiều nghĩa: Nói về lý, pháp giải có nghĩa là pháp tánh, là thật tướng. Nói về sự, pháp giải là tên của mỗi pháp (vì các pháp đều có tự thể phân giải hạn chẳng đồng), hay là tên chỉ chung hết các pháp.

Giải lại có nghĩa là ranh hạn, pháp giải là tận tột ranh hạn của pháp. Ý nói không có gì rộng lớn hay sâu xa hơn nữa. Như nói: *Châu biến pháp giải, bạt khổ chúng sanh*, nghĩa là: Khắp cùng các xứ, cứu khổ chúng sanh. Nghĩa sau này, tự hồ chữ vô trụ, là nghĩa dùng ở trong câu sách đọc đây.

<sup>(83)</sup> Trong văn cổ có bài của ông Phạm Trọng Yêm ghi nơi lầu Nhạc Dương:

*Trần ai, ai biết tánh chơn như,  
Vốn của Trời cho chẳng thiếu dư,  
Trí thức dồi dào sanh nghiệp chướng,  
Qui không triệt để kiến tâm từ.*

*có phép nào khác, chỉ sanh vui vẻ trong lòng mà không sâu muộn đó thôi. Chẳng phải người đạo đức sâu xa dày chặt, khó mà buông câu nói ấy ra”.*

## 26. THỨC

Cái tánh bản lai vốn chơn tịnh minh diệu, hư triệt linh thông, không thể suy nghĩ được. Nó chẳng khác, chẳng đồng, mà cũng chẳng phân biệt. Tổ hiểu nó là bến bờ đề, muội mông nó là biển sanh tử.

Đứa con trẻ nhỏ chưa biết cha mẹ nó gọi là phác (còn tự nhiên chơn chất), mà hề biết cha mẹ rồi thì gọi là tì (đã bị dấu vết rồi). Tì là tâm bệnh. Kiến thức càng rộng thì phát nhiệt (nóng lên), ấy là tâm bệnh, mà thân cũng tùy bệnh. Do đây mà sanh ra phân biệt gọi là thức.

Trong ngũ uẩn<sup>(84)</sup> là: *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*, tuy thức ở sau rốt mà là gốc vậy, nên phải lo hàng phục nó trước. Muốn hàng phục thức thân, không có gì bằng biến thức ra trí. Tại có sao?

Thức thường theo cảnh mà quên về, trí hiểu được cảnh mà chẳng mê. Theo cảnh mà chẳng hiểu thì trí nào không ra thức? Hiểu cảnh nhưng không luyến thì thức nào chẳng ra trí?

Luận về cốt yếu, chỉ có một cái tâm mà thôi: Phóng nó ra làm thức, thân nó lại làm trí: chỉ có phân biệt tức

---

<sup>(84)</sup> Ngũ uẩn là năm chất hòa hiệp mà thành thân và tâm của con người: ① *Sắc* là hết thảy hình sắc; ② *Thọ* là lãnh nạp, cảm xúc trong lòng; ③ *Tưởng* là tưởng tượng trong trí não; ④ *Hành* là: khuynh hướng hành động (nghiệp); ⑤ *Thức* là tâm phân biệt, mới có tùy nghiệp mà sanh thân, sanh cảnh.

là sa vào tình thức, có chút phan duyên<sup>(85)</sup>, tức là phát sanh vọng tưởng. Chẳng biết thì liền xong mọi việc, mới được thanh tịnh.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Con trẻ vừa biết cha mẹ thì đã trở cái tài xảo của thức thân. Kiến thức rộng ra thì tâm thọ bệnh. Biết cái bệnh này có mấy ai đâu?*”

*Theo cảnh là thức, hiểu cảnh là trí. Phóng ra là thức, thu lại là trí. Mỗi chữ chỉ dạy phân minh đích xác, có thể nói: Huỳnh Đế đoán chứng bệnh, Kỳ Bá lập phương trị. Nếu chúng sanh không tin nữa, là tại sao?”*

---

<sup>(85)</sup> Phan duyên nghĩa là vịn nương nơi sức ngoài chớ chẳng phải dùng lấy sức mình mà khởi động, như ông già nương gậy (phan trợ) mà đi, như con khi vịn cây (duyên mộc) mà leo.

Tâm nêu nhiệm một mây trần cảnh, vịn nơi đó mà khởi động, không còn tự chủ, tức là phát sanh vọng tưởng.

## 27. QUÁ

Tiềm tâm mà làm việc trái lẽ gọi là ác (dữ), vô tâm mà làm việc trái lẽ gọi là quá (lỗi).

Ngạn ngữ nói rằng: “*Nhơn phi Thánh nhơn, thực năng vô quá*”, nghĩa là: Con người chớ phải nào ông Thánh, mấy ai mà không lỗi đâu? Khá lấy lời nói này mà tha thứ cho kẻ khác, chớ đừng vịn theo đó mà tha thứ cho mình.

Cừ Bá Ngọc<sup>(86)</sup> đương tuổi 50 mà biết cái quấy 49 năm về trước. Ta nay đương tuổi 85 mà cái quấy 84 năm về trước có thể biết hết không? Cái quấy qua lâu rồi không biết đã đành, còn cái quấy gần đây cũng không dễ mà biết. Tại sao vậy?

Mê thì lấy quấy làm phải, làm thì thấy phải như quấy. Xét nét nào phải chỉ có *ba điều*<sup>(87)</sup>, mà biết quấy há để phạm hai lần sao?

Châu Tử nói rằng: Trong việc làm hằng ngày, biết vậy là quấy thì đừng có như vậy nữa, tức là phương

---

<sup>(86)</sup> Cừ Bá Ngọc làm quan đại phu nước Vệ, đời Xuân Thu, tên tộc là Việ. Đức Khổng Tử khi ở nước Vệ, thường ngụ nơi nhà Bá Ngọc là người hay tinh thần khắc kỷ (xét mình chừa lỗi), dường như sợ hoài không làm được tròn phận sự này.

<sup>(87)</sup> Xét ba điều, là ba điều của Tăng Tử thường lấy đó mà xét mình. Một là có vì người ta mưu tính việc gì mà chẳng hết lòng chẳng? Hai là chơi với bầu bạn mà nói không thiệt lời chẳng? Ba là có điều gì thầy dạy mà chẳng tập học chẳng?

chữa bệnh. Nếu hỏi: *Do đâu mà được “đừng như vậy nữa”, tức là cõi lừa mà kiếm lừa đó* <sup>(88)</sup>.

Kẻ học Đạo chỉ lo tịnh tu ba nghiệp là: nghiệp miệng, nghiệp mình, nghiệp ý mà thôi. Không phạm lỗi ở miệng dễ, không phạm lỗi ở mình khó; không phạm lỗi ở mình dễ, không phạm lỗi ở ý khó. Kẻ có chí phải đem hết sức mình lại chỗ khó đó mà cải đổi cho kíp thì sau này mới mong vào cửa Đạo.

- Có kẻ hỏi: Người làm tội rồi có sám hối được không?

- Trả lời: Cái việc làm trước khi không lớn nhỏ, kiếm nó trong ngoài mà kiếm không được, gọi là chon sám hối.

- Lại hỏi: Người có thệ nguyện sợ phạm thì ra sao?

- Muội mộng thì nói thệ, tỏ hiệu thì toàn không. Nay thử kiểm xét coi thệ nguyện do chỗ nào mà được đại giải thoát?

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: *“Theo lý nhà Nho, bỏ quấy giữ phải. Theo lý nhà Thiên, phải quấy không để ý; vì không để ý (không trụ trước) mới là được giải thoát”*.

---

<sup>(88)</sup> Câu chữ Nho là: Kỳ lư mich lư. Ý nói quên căn bản của mình vốn có mà đi tha cầu. Thơ Huỳnh Đình Kiên có câu:

*Kỳ lư mich lư đản khả tiếu  
Đĩ mã dụ mã diệc thành si.*

Nghĩa là cõi lừa mà kiếm lừa thì chỉ làm cho thiên hạ tức cười. Lấy con ngựa mà ví dụ con ngựa thì cũng thành ra kẻ ngu si.

## 28. THIÊN (lành)

Thiên là gì? Là khí dương bởi Thái cực động mà sanh ra. Người đặng lấy nó mà làm tánh, cho nên tánh người đều lành cả. Những nhà tu dưỡng phải dưỡng cho được khí dương. Khí dương ở trời sanh ra sau tháng mười lúc **thuần Khôn** <sup>(89)</sup>. Ấy là **chon tức** <sup>(90)</sup> ở **qui trung** <sup>(91)</sup>.

Thích Giáo khuyên răn dạy người, nói thiên đàng, địa ngục, thiên ác báo ứng, hào mảy chẳng sai, mà phải chờ đến ngày khác hay là kiếp sau. Còn Đức Phu Tử của ta chỉ nói rằng: *“Thượng đạt, hạ đạt”, “thần đấng đấng, trường thích thích”*, nghĩa là: Thượng là trên, trên là gốc, chỉ đức nghĩa. Hạ là dưới, dưới là ngọn, chỉ tài lợi. Người quân tử đạt đến đức nghĩa, kẻ tiểu nhơn đạt tới tài lợi. Người quân tử khoan khoái trong lòng luôn luôn, còn kẻ tiểu nhơn buồn rầu chẳng ngớt (lấy nghĩa theo sách Nho).

**Thượng đạt** nghĩa là: Càng tấn lên bậc cao minh không phải thiên đàng hay sao?

---

<sup>(89)</sup> Thuần Khôn, nghĩa là: rỗng âm, tột tịnh.

<sup>(90)</sup> Chon tức, nghĩa đen là hơi thở chon thiệt, tức là dương khí, Tiên thiên khí, không phải hơi thở ra vô bằng mũi miệng.

<sup>(91)</sup> Chữ qui là cơ xoa (*compas*), để vẽ hình tròn. Mà tròn tức là trung (nghĩa là chẳng thiên lệch), trung tức là tròn vậy. Chữ trung này là chữ trung trong câu *“Doãn chấp khuyết trung”* của nhà Nho. Lấy nghĩa theo thân thể người thì qui trung là Khí Huyệt.

**Hạ đạt** nghĩa là: Trầm nịch nơi chỗ thấp dơ, chẳng phải địa ngục chớ gì?

**Thản đãng đãng** nghĩa là: Nhập mỗi cảnh không đâu là chẳng phải chỗ về vui, thì phước đó có ai bằng?

**Trường thích thích** nghĩa là: Đáo xứ mô đều là chốn phải sa hầm mắc rập thì nghiệp nào lớn hơn nữa?

Vậy thì đương lúc làm lành, làm dữ tức là có hưởng chịu liền cái phước, cái tội, lệ như bóng vang, chẳng chờ ngày nào khác hay là kiếp sau nữa.

- Có kẻ hỏi: Nhà Thiền nói thiên đường, địa ngục có hay là chẳng có?

- Trả lời: Vui sợ ở trong tâm, mới thành cảnh lành dữ ra ngoài. Chỉ dẹp xong cái tâm thì tự nhiên không.

- Có kẻ hỏi: Làm thế nào dẹp tâm cho xong?

- Đừng có suy nghĩ đến lành dữ.

- Có kẻ hỏi: Làm việc lành với học điều tốt, có gì khác nhau chẳng?

- Không có gì khác nhau.

- Cái mục (cái nghĩa rõ) của nó ra sao?

- Tại chẳng nghe tiếng dâm là tai tốt, mắt chẳng xem sắc tà là mắt tốt, miệng chẳng nói lời quấy là miệng tốt, tâm chẳng khởi tưởng quấy là tâm tốt, tay chẳng lấy vật phi lễ là tay tốt, chun chẳng đập đất phi lễ là chun tốt, noi cái đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn

mà trị dân là vua tốt, học đạo của ông Y, ông Lữ mà thờ vua là tôi tốt, học bà Mạnh Mẫu chọn xóm ở mà dạy con là mẹ tốt, học Tăng Sâm dưỡng chí mà phục sự cha mẹ là con tốt.

- Lại hỏi: Nay có người nói đắp lộ, sửa chùa là tu cho kiếp sau, quả có chỗ tốt không?

- Trả lời: Ta nghe Thánh Nhơn nói rằng: Từ thiên tử cho tới thứ dân, ai ai đều cũng phải lấy tu thân làm gốc. Phàm tu mà bỏ thân mình ra, tu vậy gọi là chẳng biết gốc.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Khí dương bởi Thái cực động mà sanh ra làm tánh. Có thể nói: thiên mạng chi vị tánh* (nghĩa là: cái trời phú cho ta gọi là tánh) *là lời giải đệ nhưt*<sup>(92)</sup>. *Muốn dưỡng khí dương này, lại chỉ rõ nó là chơn tức ở qui trung. Có thể nói: dọn ra mâm đầy dĩa*<sup>(93)</sup> *ít kẻ biết được mùi.*”

*Người tu ở trong thân mình có mấy kẻ, chớ còn tu ở ngoài thân mình dành cho là nhiều rồi”.*

---

<sup>(92)</sup> Lời giải đệ nhưt này cũng như kinh Phật nói cái nghĩa đệ nhưt vậy. Vì rất cao, không chỉ hơn nữa, nên gọi là đệ nhưt. Đạt thấu cái sở dĩ (duyên có làm ra vậy) nên gọi là nghĩa.

<sup>(93)</sup> Ý nói đã chỉ rõ đủ điều, không có mấy hào giấu giếm. Chử Nho nói rằng: *Hiệp bàn thác xuất*, hay là *hòa bàn thác xuất*.

## 29. MỘNG (chiêm bao)

Làm sao mà có chiêm bao? Các thứ chiêm bao đều do trầm mê chẳng tỉnh, rồi một cái thức thần mới biến hóa các thứ huyền cảnh. Chỉ có một cái tâm mê mộng mà sanh ra tam giới, tứ tướng. Ở trong giấc chiêm bao thấy có biến đổi lạ hoài, không mà sanh ra có.

Đương lúc mình thấy chiêm bao, thân mình có khổ hay có sướng, mà vừa tỉnh giấc lại thì mọi việc liền thành ra không cả. Chẳng phải nhờ tỉnh giấc mới không có, trước kia vốn đã không có rồi mà.

Chứng Đạo Ca nói rằng:

*Mộng lý mình mình hữu lục thú,  
Giác hậu không không vô đại thiên.*

Nghĩa là:

Trong mộng rõ ràng bày sáu nẻo (sáu nẻo luân hồi),

Tỉnh rồi vắng lặng mất ba ngàn (ba ngàn thế giới).

Núi sông trời đất đều là cảnh ở trong giấc chiêm bao. Vương hầu văn võ đều là người ở trong giấc chiêm bao. Thánh nhơn trong Tam Giáo đều là người tỉnh giấc trước. Còn kinh của Tam Giáo đều là sách bàn chiêm bao. Nếu biết việc thế đều không thì chết sống là một giấc chiêm bao, không có gì ngăn trở, mới gọi là tỉnh biết.

Xưa có Bạch Vân tiên sanh ngủ rồi thức dậy. Kim Lê hỏi về cuộc đời. Tiên sanh trả lời rằng: Sau khi phân lưỡng nghi, ai là người, ai là ta? Ở trong khoảng ngàn năm, ai là thành ai là bại<sup>(90a)</sup>? Người giảng thuyết thì chê Hạng Võ, khen Lưu Bang<sup>(94)</sup>. Nhà biên ký (ghi chép) thì thương Linh Quân<sup>(95)</sup>, ngài Nguyên Lượng<sup>(96)</sup>. Kẻ luận đàm thì khoe Thái Khuru<sup>(97)</sup>, thương Phạm Bàng<sup>(98)</sup>. Coi lại đều là bùn lầy ở trong đất bụi cả. Chi bằng một chén rượu trước, một cuộc cờ tàn, một gói ngủ ngáy pho, Kiền Khôn trong thân ta mặc ý ta thâm phóng.

- Lê hỏi rằng: Tiên sanh lấy một giấc ngủ mà thâm cái hỗn độn của trời đất, lấy hồi tỉnh thức mà phá cái vắng lai ở xưa nay. Hay thay! Nói vậy cái ngủ cũng có Đạo sao?

- Trả lời: Có chớ! Người phạm ngủ thì trước ngủ con mắt, sau ngủ cái tâm. Còn Ta ngủ thì trước ngủ cái tâm, sau ngủ con mắt. Ta tỉnh thì trước tỉnh con mắt,

---

<sup>(90a)</sup> Ý nói tuy thấy có người, có ta, có thành, có bại, mà rốt cuộc cái gì cũng hườn không.

<sup>(94)</sup> Hạng Võ và Lưu Bang là hai ông vua tranh hùng với nhau về đời Tây Hán, hoặc gọi là Tiền Hán.

<sup>(95)</sup> Linh Quân là vua Linh Đế đời Đông Hán, hoặc gọi là Hậu Hán, không trị được trong cung, nên sanh giặc loạn hoài hoài

<sup>(96)</sup> Nguyên Lượng là người *lỡ bề giúp nước, lại lui về cày*.

<sup>(97)</sup> Thái Khuru là tên xứ. Đời Đông Hán, ông Trần Thiết, tự Trọng Cung, làm đầu trong xứ ấy, xứ đoán rất công bình. Nay người ta lấy tên xứ mà làm tên ông.

<sup>(98)</sup> Phạm Bàng tự là Mạnh Bác, cũng người đời Đông Hán, có chí an bang tế thế, sau bị phe hoạn quan giết chết.

sau tinh cái tâm. Con mắt tinh nhờ đó mà thấy tâm, cái tâm tinh chẳng thấy đời, chẳng thấy đời lại chẳng thấy tâm. Từ có võ trụ đến nay, kẻ trị đời lấy *huyền khuê*<sup>(99)</sup> mà thưởng, lấy *bạch thặng*<sup>(100)</sup> mà khoe; kẻ tu hành cõi *huỳnh hạc*<sup>(101)</sup> mà bay, cõi *thanh ngư*<sup>(102)</sup> mà vượt; kẻ dạy đời đem *xích tử*<sup>(103)</sup> mà suy, đem *Lục Đồ*<sup>(104)</sup> mà vẽ. Ta đều vô tâm không tưởng đến đó, ngủ cũng vô tâm, thức cũng vô tâm.

- Lê hỏi rằng: Tôi muốn học cách vô tâm, phải làm sao mới trúng?

- Trả lời: Đối cảnh chớ nhìn tâm, đối tâm chớ nhìn cảnh. Như vậy đó là xong rồi, đâu biết cái chi khác nữa?

Khi tinh không biết gì, tâm càng thêm rối. Cười thay người ở trần thế chẳng biết chiêm bao là chiêm bao!

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Tâm tinh không thấy đời thì đủ thấy người chấp trước theo cảnh đều là ở trong giấc chiêm bao cả*”.

---

<sup>(99)</sup> Huyền Khuê là thẻ ngọc sắc đen. Đen là màu trời. Vua Võ có công lớn nên vua Nghiêu thưởng huyền khuê.

<sup>(100)</sup> Thặng là món trang điểm trên đầu của đàn bà. Bạch thặng là món nữ trang màu trắng.

<sup>(101)</sup> Huỳnh hạc là con hạc vàng, Đức Lữ Động Tân cõi huỳnh hạc mà bay đi, ở tại lầu cũng gọi là lầu Huỳnh Hạc.

<sup>(102)</sup> Thanh ngư là con trâu xanh. Đức Lão Tử cõi thanh ngư mà vượt qua sông Lư Sa, đi về hướng Tây.

<sup>(103)</sup> Xích tử là con nít mới đẻ, da thịt còn non đỏ.

<sup>(104)</sup> Lục Đồ là Hà Đồ, vì chữ màu lục nên kêu là Lục Đồ.

## 30. QUI

Con người bị qui dẫn mê hết phân nửa, còn lại phân nửa bị người khác vu-hoặc, qui với người tranh nhau mê hoặc cơ hồ đã khắp cùng thiên hạ.

Bực cao minh (hạng trí thức) lấy lời phải cứu họ mà họ không nghe theo, còn người trên trước (hạng cầm quyền) lấy pháp luật mà cầm họ, nhưng cũng không dứt nổi. Tà thuyết càng ngày càng hùng, càng ngày càng thịnh, không biết rồi sẽ đến đâu là cùng.

Qui là người chết rồi, người là qui chưa chết. Người đời nay đều là người thuở xưa kia vậy.

Khắp trong khoảng trời đất, chẳng có chỗ nào là không có qui thần. Chẳng những ở trong giữa khoảng trời đất có qui thần, mà ở trong thân mình con người cũng có qui thần nữa. Làm sao mà biết?

Bổn tánh con người bởi khí dương sanh, còn hình thể do khí âm thành. Hễ dương thì làm thần, còn âm thì làm qui. Dẫn tình đem về tánh là Đạo của thần giữ, thuận tình cho táng tánh là việc của qui làm.

Tục ngữ nói rằng: *Người còn một phần dương chẳng thành qui, còn một phần âm chẳng thành tiên. Lời này phải lắm!*

Vả chẳng con người là âm dương giao kết, là qui thần hội hiệp mà thành. Bỗng nhớ đến lạnh là thần mở

trí cho, thoát toan làm dữ là quỷ khiến xui vậy. Người quân tử dè dặt chỗ *một mình mình* (biết và nghe)<sup>(105)</sup>, chánh là xét coi cái cơ lành dữ, biện rõ cái đạo quỷ thần đó.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Dẫn tình đem về tánh, không cầu thần lại là thần. Thuận tình cho tánh, chẳng dè quỷ mà ra quỷ. Xin chur quân chọn lựa trong hai điều đó*”.

---

<sup>(105)</sup> Sách Trung Dung nói rằng: *Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi. Có quân tử thận kỳ độc dã*, nghĩa là: Không có gì hiện ra hơn là chỗ u ám, không có gì bày rõ hơn việc tế vi. Cho nên người quân tử dè dặt chỗ một mình mình (biết và nghe).

Đây nói trong chỗ u ám (trong tâm), những việc tế vi, tuy dấu tích của nó chưa lộ dạng, mà cái khởi niệm của nó đã động rồi. Người khác tuy chẳng biết mà một mình ta được biết, biết một cách rõ ràng minh bạch lắm vậy.

## 31. THẦN

Chơn tánh của người tức là nguyên thần của người. Vì nó linh minh khôn lường, diệu ứng vô hạn, cho nên gọi là thần. Còn chữ nguyên ở trước là để phân biệt với cái thần tư lự vọng niệm thuộc về Hậu thiên. Thần lại nhập vào thân thì người sống, thần đi lìa khỏi thân thì người chết.

- Sao mà biết thần lại?
- Niệm dứt thì có thần lại.
- Sao mà biết thần đi?
- Niệm động thì là thần đi.

Hình là nhà của khí, khí ở thì hình chẳng suy. Khí là mẹ của thần, khí còn thì thần chẳng tán.

Người làm lành thì thần tụ mà linh, người làm dữ thì thần tán mà tối. Kẻ có bệnh thì thần lìa hình mà chẳng chịu đau khổ. Kẻ mắc nạn thì thần đi trước mà chẳng bị họa ương. Một hơi thở của người mà không có thần thì hơi thở đó chẳng đến.

Con người có ba cái hang (Nho gọi là cốc), trống không như động trong kẹt đá. Thần ở trong đó, cho nên gọi là Cốc Thần.

Ở trên thì kêu *Thiên Cốc*, là *Nê Hoàn cung*, làm thiên căn là bản cung của thần (như phòng buồng). Cho nên thần ở Thiên Cốc thì tinh hóa khí, khí thượng

thăng, chính năm thiên cung đầy đủ, thì thiên môn bởi đó mà khai thông.

Ở giữa thì kêu *Ứng Cốc*, là *Giáng Cung*, làm minh đường thuộc về bố chánh (như chỗ làm việc nước). Cho nên thần ở Ứng Cốc thì lỗ tai mới nghe, con mắt mới thấy, ngũ quan đều lo chức vụ thì toàn thể do đây mà từng linh.

Ở dưới thì kêu *Linh Cốc*, là *Đơn Điền*, làm nhà kín để ẩn thân tu hành (như am thất). Cho nên thần ở Linh Cốc thì mắt thấy trở lại, tai nghe lộn về, thần khí gìn giữ lấy nhau thì dinh phách (hồn phách) nhờ vậy mà bảo nhứt (dính một không rời).

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Hai chữ **nguyên thần** giải rất rõ ràng. Bằng không vậy, chắc có người nhìn lầm **thần tư lự**, thuộc về Hậu thiên, mà cho là thần. Câu: **Niệm dứt thì thần lại, niệm động thì thần đi**, lại là lời khẩu khuyết hạ thủ rất hay. Còn câu: **Người có bệnh thì thần lìa hình mà chẳng chịu đau khổ, kẻ mắc nạn thì thần đi trước mà chẳng chịu họa ương**, chẳng phải là bực thoát thai thần hóa rồi, quyết chẳng thoát ra chỗ huyền diệu của thần hóa đó được.*”

*Kẻ thế thường hay luận thần, mà là thấy chiêm bao biết mấy!”*

## 32. KHÍ

Khí của phàm nhơn trước lên sau xuống, còn khí của chơn nhơn trước xuống sau lên. Khí có ra có vào gọi là phàm tức (hơi thở phàm), chẳng ra chẳng vào gọi là chơn tức (hơi thở thánh). Hễ phàm tức đã đình, thì chơn tức tự nó phát động.

Hơi thở sở dĩ đình đây, chẳng phải là tại cưỡng bẻ mà chẳng cho ra. Ấy là tâm trông cho cùng bực, lặng cho hết sức, mà hễ tâm đình nhiều chừng nào thì khí nó yếu dần theo chừng nấy. Theo phép này, bất kỳ đi đứng nằm ngồi, đều dẫn tâm đem về chỗ lặng lẽ, không tưởng việc sẽ tới, chẳng nhớ sự qua rồi. Lâu lâu, thần cùng khí hội, tình cảnh đều quên, thần ngừng khí kết, chỉ có một hơi thở triền chuyển trong bụng chẳng ra chẳng vào, kêu là *thai tức*<sup>(106)</sup>. Cái hơi thở này đã sanh, thì cố giữ trông lặng, luyện tinh hóa khí, thông thấu tam quan, rưới thấm ba cung. Đó gọi là *chơn thác dược*, *chơn lư đánh*, *chơn hỏa hậu*<sup>(107)</sup>.

Thiên Túy Hư nói rằng:

*Tích ngộ chơn sư truyền khẩu khuyết,  
Chỉ yếu ngưng thần nhập Khí Huyệt.*

<sup>(106)</sup> Thai tức là hơi thở khi còn ở trong thai bào.

<sup>(107)</sup> Thác dược là ống bể thợ rèn, lư đánh là lò chảo, hỏa hậu là giờ khắc dùng lửa (dùng lửa phải biết cách thức, cho có chừng đỗi).

Nghĩa là:

Xưa gặp chơn sư truyền khẩu khuyết,  
Chỉ phải định thần vào Khí Huyết.

Ấy là lúc ban sơ chúng ta mới vừa thọ khí tượng thai, phần thọ tinh huyết của cha mẹ mà thành là ngôi Thái cực mà chúng ta ai ai cũng đều có hết.

Chơn nhơn thần nương theo hơi thở thâm nhập vào trong Khí Huyết của ta, *mãi mãi như còn*<sup>(108)</sup> chẳng chút gián đoạn. Cho nên chuyên khí trí nhu (làm cho khí yếu dần dần) cho đúng phép (đắc huyền diệu) thì được thấy quẻ Phục của mình (coi bài chữ *Mạch* có giải quẻ Phục).

Thái Thượng nói rằng: “*Thiên địa chi gian, kỳ du thác dục hồ?*”, nghĩa là: Cái khoảng giữa trời đất có phải như ống bễ lò rèn chẳng? Con người nhờ đặng khí của trời đất mà sống. Hô hấp là cái máy động của ống bễ. Chơn tức là cái khí hô hấp. Nhưng cái chơn tức này là gốc thọ khí, là nguồn sanh khí. Hô hấp lên xuống, xô đẩy chuyển nhau, ứng với âm dương, đồng như khắc lậu (đồng hồ nước). Cho nên nói rằng:

*Châu thiên tức số, vi vi số.  
Ngọc lậu hàn tinh, trích trích phù.*

<sup>(108)</sup> *Miên miên nhực tồn*, nghĩa là: Mãi mãi như còn. Ý nói không dứt, còn mà chẳng thấy nghe được, phương phát mà thôi.

Nghĩa là:

*Cái số hơi thở châu thiên là số tinh vi*<sup>(109)</sup>, (Ý nói chẳng khá trước tướng)

*Nó tương phù với từ tiếng nhỏ giọt của đồng hồ nước*<sup>(110)</sup> (Tỉ dụ hơi thở ra vào).

- Có kẻ hỏi: Có cái thuyết nào lấy chơn tức làm hỏa không?

- Trả lời: Chẳng phải lấy chơn tức là hỏa. Hỏa (lửa) là thần của người. Tức (hơi thở) là cái ống bễ của hỏa. Hơi ống bễ yếu dài mà chẳng dứt (*miên miên bất tuyệt*), tức là “*chơn nhơn chi tức dĩ chủng*” đó. Cho nên nói:

*Mạn thủ dục lưu, khan hỏa hậu,  
Đãn an thần tức, nhậm thiên nhiên.*

Nghĩa là:

Chớ giữ thuốc lò, chằm hỏa hậu,  
Chỉ yên thần khí, thuận thiên nhiên<sup>(111)</sup>.

Phàm trong cả thân con người, chỉ có một khí châu lưu, khí thông thì vui khoái, khí nghẹt thì khổ đau. Cho nên tay múa căng đạp (luyện tập thể thao) là để dưỡng

<sup>(109)</sup> *Vi vi số giả, tinh diệu bất trước vu tướng, phi cương chế dã* (coi cuốn Thiên Tiên Chánh Lý).

<sup>(110)</sup> *Ngọc lậu giả, xuất nhập chi tức dã. Trích trích phù giả, châu thiên chi số vô sai* (Thiên Tiên Chánh Lý).

<sup>(111)</sup> Hai câu này tuy nói về hữu vi (tiểu châu thiên) nhưng cũng phải hiệp thiên nhiên tự tại làm quý. Bằng chẳng vậy thì không phải chơn hỏa, chơn hậu của Tiên gia.

khí huyết của mình. Phép này chẳng luận giờ khắc nào, được tự tiện mà thi hành. Cần phải chuyên tâm bé tức (tập cho hơi thở nhẹ nhàng cho đến hết ra vào, chớ dùng cưỡng bẻ), ắt thần sung khí mãn thì khí dễ lưu thông. Nhưng phải trọn mắt cắn răng (như giận) cho được nghiêm mật võ nghị thì tà niệm tự nhiên không có. Làm được vậy ít lần rồi sau ngồi tịnh, rất dễ trừ vọng niệm và tiêu tật bệnh.

Đoạn công phu này có nhiều chỗ hữu ích lắm, chớ khá xem thường mà bỏ qua rất uổng.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Tiên gia giữ kín mà chẳng truyền, chỉ có cái công phu luyện mạng mà thôi.*”

- Mạng là cái gì?

- Khí đó.

Bài này đã chỉ ra: **Chẳng ra chẳng vào, gọi là chơn tức**, lại nói rõ: **Phàm tức đã đình, thì chơn tức tự nó phát động**. Phàm tức là lúc con người mới xỏ lòng oa oa một tiếng, khí thông miệng mũi gọi là khí Hậu thiên.

Khí Hậu thiên đã thông thì phải có sữa, có cơm nuôi. Hễ bé nó đi một chút thì thấy chết. Còn khí Tiên thiên chẳng phải vậy. Mặc tình ở trong bụng mẹ mười tháng, bị bào y vấn bao, rớt cuộc cũng không chết.

Tại có nào vậy? Tức là chỗ bài này gọi **triền chuyển trong bụng, chẳng ra chẳng vào** đó. Người tu luyện dẫn tình đem về tánh, lâu ngày công phu già dặn, phán bốn hườn nguyên (về cội gốc, y ban sơ), cũng như con nít ở trong bụng mẹ chẳng khác.

*Người thế chết đó, chẳng qua là ở trong miệng mũi hết khí mà thôi. Nay đương lúc còn sống mà miệng mũi đã hết khí, thì còn chết nỗi gì? Đòi mà không tin đạo Tiên, là bởi chưa rõ cái lý này, chưa thấy người này mà thôi”.*

### 33. TINH

Chơn nhờn luyện tinh ra khí, phàm nhờn hóa khí làm tinh. Người xưa tỉ nó như diên (chì) là bởi nó có tánh trầm trọng hay lọt mất, ví nó như cộp là bởi nó rất hung hăng khó phục hàng.

Người học Đạo cố thủ mà chẳng để cho nó mất, gọi là **trúc cơ** (đắp nền).

Thần, khí, tinh thường muốn tán. Người ta chỉ lưu trụ nó lại được, đừng cho tán mất thì mới có thể trường sanh.

Ngụy Bá Dương nói rằng: *Phàm nói suu diên thêm hống<sup>(112)</sup>, thiệt là huồn tinh bổ não.*

- Có kẻ hỏi: Có nhiều người học Đạo, hay bị chứng *mộng di, luyện thóa<sup>(113)</sup>* chắc khó rồi, uống thuốc lại không hiệu, thì phải làm thế nào cho hết bệnh ấy?

- Trả lời: Dắt bạch ngưu (trâu cò) lộn về, thì chẳng

---

<sup>(112)</sup> Suu diên thêm hống là rút hắc diên (chì đen) mà trợ thủy ngân. Thủy ngân gặp lửa thì bay, nay nhờ có hắc diên, nên thủy ngân bị chế, bền kết thành khối mà chẳng bay được nữa. Đây là lý lấy dương chế âm.

Lòng người (nhơn tâm) dễ động, ra vào không chừng, thấy cảnh thì sanh tình, cũng như thủy ngân gặp lửa thì bay vậy. Còn lòng Đạo (Đạo tâm) thường trụ, tùy thời giác sát thì lòng người không rảnh mà sanh, cũng như thủy ngân nhờ có hắc diên mà được ngưng kết vậy.

<sup>(113)</sup> Luyện thóa nghĩa là: Luyện thần trong khi ngủ cho được thanh tịnh, cho hết mộng tưởng diên đảo.

còn di tẩu nữa.

- Lại hỏi: Có người nói: Huyền Tẩn lập thì chơn tinh bền. Làm sao mà lập được Huyền Tẩn?

- Trả lời: Cốc Thần chẳng chết là lập rồi đó.

- Hỏi: Cốc Thần làm sao chẳng chết?

- Trả lời: Không lòng dục, cho thiệt tịnh thì nó chẳng chết.

Thường vào miếu Huyền Đế thấy con rắn và con qui quấn nhau. Và chẳng Huyền Đế là thiên thần có ngôi Bắc Thần. Thiên Thần có ngôi, còn nhờn thần há lại không chỗ ở sao?

Trời chỉ về chỗ Tử Vi, ở tại đó mà chẳng động, thì cái ngôi tốt cùng của Trời (ngôi Đại Trung) đã lập, Tạo Hóa do đó mà sản sanh.

Người chỉ về chỗ Huỳnh Đình, đứng tại đó mà không dời thì cái ngôi tốt cùng của người đã lập, tánh mạng do đó mà an vững.

Cho nên kẻ biết tu dưỡng thì đem thân hỏa và tinh thủy ngưng tại một chỗ, như con rắn với con qui quấn nhau vậy, hiệp thành một khối, chẳng để lìa ra, lâu rồi hết sức tịnh mới sanh động, chơn hỏa đốt chung, kim tinh phát hiện, soi quan thấu đánh, thám dưới rưới trên. Đây là Đạo thâm căn cố đế, cứu thị trường sanh.

Bạch Tẩn Lão Nhơn nói rằng: “*Không lòng dục, hết sức tịnh, thì Cốc Thần chẳng chết, ắt Huyền Tẩn lập.*”

*Huyền Tân lập ắt chơn tinh bên. Chơn tinh bên thì không còn lo di thất nữa. Đủ thấy cái bệnh mộng di là do nơi sắc tâm chưa thối mà dấy lên. Người khám phá được sắc ma, một lòng thanh tịnh thì **cọp** chẳng khó hàng phục, **chì** chẳng dễ vụng tâu.*

*Nếu có người công phu chưa tới bực đó, bỗng có cái bệnh di thất thì hãy dùng phép **dắt bạch ngư lôi về**. Theo phép này thì lấy bát câu bố hay là vải gì cũng được mà may một cái bao nhỏ, bao ngoài thận lại, rồi đem nó cột ở phía sau dây lưng thì chứng bệnh này sẽ khỏi.*

*Đạo gia cũng gọi là: Trương Quả Lão đảo ký lục, nghĩa là: Ông Trương Quả Lão cỡi lừa ngược”.*

## 34. GIÁO

Cái Đạo là Thánh nhơn chẳng thốt ra lời, còn Thánh nhơn là cái Đạo có thốt ra lời. Tuy nói có thốt ra lời, chẳng qua là lấy cái đạo của người mà trở lại trị cái thân của người, chớ chẳng phải miễn cưỡng theo việc khó biết, khó làm đâu. Đời xưa dạy người lấy cái Đạo của Thánh nhơn mà dạy.

Kinh Dịch nói rằng: “*Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã*”, nghĩa là: Dạy kẻ mông muội (trẻ con) thì phải nuôi tâm trí cho minh chánh, ấy là cái công trình của bực Thánh nhơn đó<sup>(114)</sup>. Lúc dạy kẻ mông muội, phải dạy cho biết xu hướng về sự học thánh thì kẻ học có lẽ nào không cố gắng mà học thánh sao?

Từ đạo của Khổng Tử luờ thì đạo Lão, đạo Phật, hưng thịnh. Từ đạo Lão, đạo Phật ít truyền thì luồng

---

<sup>(114)</sup> Vật gì mới sanh ra, còn trẻ con chưa thông đạt, gọi là *mông muội*. Mông muội tự khó mà được hanh thông, nhưng mà nó sẵn có cái đạo hanh thông. Mông muội chẳng phải mông muội hoài, mà thế nào cũng có lúc khai thông lãnh ngộ. Mông muội mà được hanh thông là nhờ biết dạy, nên việc dạy cũng có đạo

Khi dạy, chẳng phải ta đến cầu dạy, phải để cho đồng mông đến cầu ta thì Đạo chẳng uổng mà giáo tự tôn, sự tương tín cũng sâu, hễ học thì liền nhập vào trí não. Nghĩa là phải chờ có lòng thành mới dạy.

Nhưng mà dạy đồng mông tức là dưỡng đồng mông thì phải tìm mở cái căn lành của nó vốn có nơi trong, mà trừ diệt các việc tà nó dụ dỗ ở ngoài, khiến cho nghe những lời chánh đáng, thấy những việc chánh đáng, thì mới là được hanh thông. (Trích dịch lời Thoán Từ)

gió tà thuyết nổi lên. Lão Tử nói rằng: “*Tu kỹ chi thân, kỳ đức nãi chơn. Xả thân nhi ngôn tu giả, giả dã*”, nghĩa là: Trau lấy thân mình thì đức mình mới được chơn thiệt. Bỏ thân ra mà nói tu, là giả dối vậy.

Đời nay có kẻ cầu đạo Tiên Phật mà thường lánh người trốn thế để cầu. Kẻ ấy gọi rằng: Có nhà cửa, có vợ con, có việc đời, ba mỗi ấy đều có thể làm lụy người, cho nên không thành Tiên thành Phật được. Thế nào cũng phải lánh người trốn thế, mới mong làm Phật Tiên. Sao chẳng biết cái đạo của Tiên Phật chẳng rời thân tâm vậy? Quả thiệt chánh tâm tu thân, có nhà cửa cứ việc ở, có vợ con cứ việc vui vẻ cùng nhau, có việc đời thì mượn nó để giời mài tâm tánh. Cho nên tại nhà cũng có thể thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, cần gì phải bỏ chỗ rất tiện cho mình mà làm cái việc bất tiện kia vậy?

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Nói xuất gia có thể thành Tiên Phật, người ta còn tin. Nói tại gia có thể thành Tiên Phật, không ai tin cả.*”

*Tại có sao vậy? Vì chưa thiệt rõ biết cái Đạo, chưa thiệt khảo cứu cái lý mà thôi. Họ không tưởng đến rằng: nếu Tiên Phật cần phải xuất gia mới thành, vậy có thể nói Thánh nhơn cũng cần phải xuất gia mới thành sao? Người thế trước tưởng chi lắm vậy!*”

## 35. HỌC

Học là con đường đi tới cái Đạo. Thánh kinh, Hiền truyện có phải là người dẫn đường cho ta không?

Đời sau, tà thuyết dấy lên cùng khắp, lời dạy cùng việc làm quả có hiệp với kinh truyện của Thánh Hiền chăng? Nếu không, tức là ma thuyết. Kẻ học Đạo chỉ phải thâm tâm về mà kèm giữ cho vững vàng, bỏ thân tâm ra mà dụng công ở chỗ khác, tức là không phải chánh đạo.

Học Đạo chẳng phải nói qua là xong, cũng chẳng phải hiểu biết là rồi, tất phải thành thiệt ngó vào trong tâm của mình, quét sạch hết thấy những điều vật dục cho ráo rẻ, thì tự nhiên hiệp với Đạo.

Chí của người học Đạo gặp cảnh nghèo càng phải thêm cứng cáp, gặp cảnh già càng phải thêm mạnh mẽ. Nếu bị *khách khí*<sup>(115)</sup> sử khiến, *ngoại vật*<sup>(116)</sup> thâm đoạt, thì lỗi ấy chẳng đổ cho khí hay là cho vật được. Bệnh này do nơi chí chưa lập mà ra thì chỉ nên trách nơi chí mình mà thôi. Hãy xét tới nghĩ lui, sẽ thấy được chỗ đau nhứt, rồi mạnh bạo đoạn dứt liền. Thí như nạo xương, đôi tủy, súc ruột, rửa bao tử, dùng cách đặc biệt mà đổi cho một người, làm bất kể sống chết như thế một phen thì có việc nào mà không thành.

<sup>(115)</sup> Khách khí nghĩa là: Hành động theo khí huyết, trái đạo lý.

<sup>(116)</sup> Ngoại vật nghĩa là: vật ở ngoài thân ta.

Cái tâm của Thánh nhơn chẳng khác với tâm ta, mà sao chỉ có cái tâm của Thánh nhơn thường được thanh tịnh vậy? Không có gì lạ, chỉ nhờ thấy được lý chơn, dưỡng được ý định. Duy có thấy lý chơn rồi thì cả thấy huyền cảnh mới không thể mê loạn ta được. Duy có dưỡng ý định rồi thì cả thấy hảo vật mới không thể điêu đoạt ta được.

Tai nghe, mắt thấy, ví như ăn uống, ngày ngày phải dùng, mà ngày ngày lại phải tiêu hóa để tống ra ngoài. Nếu tống không hết còn đình trệ trong bụng, sau lâu rồi thành bệnh.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Kẻ thế gian học Đạo nườm nượp, đại để chẳng phải vì danh thì cũng vì lợi. Ngoài hai chữ danh lợi ra mà siêng học, dụng công như vậy thì có mấy người đâu? Cho nên Lữ Tổ nói rằng:*

*Thiên nhai văn thuyết nhơn tâm ngã,  
Tẩu biến thiên nhai bất kiến nhơn.*

*Nghĩa là:*

*Ven trời nghe nói kẻ tìm Ta,  
Chạy khắp ven trời chẳng thấy ai.*

*Lời này quả thiệt không sai”.*

### 36. TRI (biết)

Học có chi cần hơn là *trí tri*, nghĩa là mở rộng đường tri thức (sự hay biết)<sup>(117)</sup>. Trí tri tại cách vật, nghĩa là: Mở rộng đường tri thức cốt ở xét tột lý sự vật.

Vậy học rồi thì phải suy, suy rồi lại phải học, cho đến lúc trí được mở rộng hoát ra mà suốt thông mọi lẽ thì là biết tới nơi đó. Hễ biết tới nơi rồi thì lần lần theo thứ tự sẽ được ý thành, tâm chánh...

Thức kiến của kẻ học là hữu hạn, còn nghĩa lý trong thiên hạ là vô cùng. Cho nên có điều mình biết rồi mà thế nào cũng có điều mình chưa biết tới. Kịp đến khi biết cái điều mình chưa biết tới đây, lại còn có điều mình chưa biết khác nữa. Bởi đó mà những bực thi nhơn hay tỉ dụ sự học như cắt như cưa, như giồi như mài.

Con người ta chẳng phải là không biết gì, nhưng khó biết cho thiệt đúng, gọi là chơn tri.

Người nào ngó thấy châu ngọc cũng đều muốn thò tay mà lấy nó để ôm áp vào lòng, là tại sao vậy? Là bởi biết thiệt nó là vật báu. Kẻ học Đạo mà biết thiệt như vậy đó thì có lo gì không đủ sức mà làm việc chi.

---

<sup>(117)</sup> Theo thuyết Vương Dương Minh, trí tri là trí lương tri, nghĩa là làm cho cái bản tánh tự nhiên sáng suốt tột lành của Trời phú được hiện bày rõ rệt.

Người nào thấy grom thạch tín cũng đều chẳng dám lấy lưỡi mà rơ, đem thân mà chống lại nó, là tại sao vậy? Là bởi biết thiệt nó hay hại người. Người muốn bỏ điều ác, nếu biết thiệt đúng như thế đó thì có lo gì điều ác chẳng ráo rỏ sạch không.

Cái tâm của người vốn sáng suốt, vì bị vật dục che đưng, mới ra đen tối. Nếu biết vật dục che đưng thì sôt sáng lấy hết sức chủ định tại chỗ sáng suốt đó.

Ngày nay trừ bỏ cái tâm khi sanh khi diệt, người biết điều đó chẳng? Biết mà thường soi thường tưởng vào đó, thì có ngày hết sanh hết diệt. Đến chừng hết sanh hết diệt, tâm mới định thì tánh ta đã tận.

Ngày nay cái khí của người hơi ra hơi vào, người biết điều đó chẳng? Biết mà thường nương theo nó (tâm tức tương y) thì sẽ có ngày chẳng ra chẳng vào nữa. Đến chừng khí chẳng ra chẳng vào, là nó đủ rồi thì mạng ta đã lập.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Ngày nay luận về biết và làm, có nhiều kẻ nói biết thì dễ, chớ làm thì khó. Sao mà chẳng xét chỗ biết của mình đó là cái nhánh lá, cái vỏ da của Đạo học Thánh Hiền mà thôi. Chớ còn cái chơn tinh túy, cái chơn mạng mạch, có phải dễ dầu mà biết nó đâu! Nếu người thiệt biết (chơn tri) thì sao cũng khứng làm thiệt. Còn kẻ nào chẳng khứng làm thiệt thì cũng là hạng giả biết (giả tri) đó thôi*”.

### 37. HÀNH (làm)

**Biết** và **làm** là hai đoạn công phu vẫn cứ hiệp nhưt chẳng rời nhau. Thường giữ được cái biết ở với ta thì tự nhiên làm được. Nếu một khắc mà không làm, tức là một khắc hôn mê. Người quân tử lấy thân mà vừa theo Đạo. Hễ thân ở chỗ nào thì Đạo ở chỗ đó. Cho nên đi thì có công phu đi, đứng thì có công phu đứng, ngồi thì có công phu ngồi, ngủ thì có công phu ngủ. Lúc nào không niệm lự, là lúc công phu cả.

Phàm có làm mà không tấn được, ấy là cái biết chưa thiệt đúng. Nếu biết cái lý cho thiệt đúng rồi thì tự nhiên vui thích mà làm theo lý. Cho nên nói: “*Học bất yếm, tri dã*”, nghĩa là: Học chẳng nhàm là biết vậy.

Nếu thấy lý chưa thiệt đúng mà miễn cưỡng làm buống thì ý khí có bao nhiêu đau! Đến chừng ý hết khí lui rồi, tự nhiên không làm tới nữa được.

Lúc chiều tối là lúc người quân tử yên nghỉ thì phải liệu thâm xếp thân thất, bảo nhưt chớ rời; cho nên không có thể tình ràng buộc, mà cũng không có đạo lý diêu huyền, bỗng như người chết, thì mới gọi là đại hưu-hiết (yên nghỉ hoàn toàn). Chừng nào ngủ mà không mộng tưởng điên đảo thì mới thấy cái công hiệu của phép chủ kính<sup>(118)</sup>.

<sup>(118)</sup> Sau sẽ có bài giải cái nghĩa chữ Kinh trang 137.

Tới sáng mai, đây là lúc người quân tử mỗi ngày làm thêm mới mẻ. Phải liệu dậy sớm, trong ngày lo làm những việc chưa thành. Có người lập chí làm một lần mà nên, ta làm lấy một trăm lần. Có người làm mười lần mà nên, ta làm lấy một ngàn lần. Nhiều ngày thành tháng, nhiều tháng ra năm, chẳng luận năm ba năm gì, nếu học như thế mà không tới bực thánh thì chẳng bao giờ có vậy.

Nháy mắt cũng tồn, hơi thở cũng dưỡng<sup>(119)</sup>, công phu không gián đoạn trong giây phút nào. Ngày này cũng tấn, tháng kia cũng thêm, học hỏi có tập hi<sup>(120)</sup> mới tốt sáng suốt.

- Có kẻ hỏi: Thiên lý làm sao cho tròn?
- Trả lời: Phải cần giờ giờ tồn dưỡng.
- Lại hỏi: Nhơn dục làm sao cho sạch?
- Trả lời: Chỉ có bữa bữa giảm tiêu.

Con người ai cũng có lương tri lương năng, song lương tri lương năng quý là nhờ ở khách sung. Khách sung cốt ở nơi cần học ham hỏi đó thôi.

Cái chơn tánh của con người đã linh thiêng mà lại thần diệu. Niệm vừa động thì nó bay đi, mà chẳng thấy

---

<sup>(119)</sup> Tồn là gìn giữ, dưỡng là nuôi nấng. Phải gìn giữ cái tâm thì mới nuôi nấng cái tánh được. Sau sẽ có bài giải rõ phép tồn dưỡng.

<sup>(120)</sup> Tập là tâm thuần, không gián đoạn, hi là tâm tỏ chẳng bị che.

hình. Nếu muốn lưu nó lại thì phải xét đến cội gốc của nó. Cái cơ (máy động) của nó thường ở tại con mắt, mà cái nhà của nó lại ở nơi tâm. Tâm thường thanh tịnh thì thần khí qui về cội gốc, lâu lâu rồi sanh ra món chí bửu, lần lần sung dinh, châu lưu trên dưới thì cả thân thể đều hiện sắc xuân. Trau mình thuần thực, đối cảnh quên tình, hái lấy linh dược, dùng dương mà chế âm, dưỡng thành thánh thai, hiệu là chơn nhơn.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Thường thường giữ được cái biết ở với ta thì **biết** tức là **làm** đó. Một lời này chẳng phải người thấu đáo chỗ bí yếu thì chẳng nói ra được. Còn luận về yên nghỉ mỗi ngày mới mẻ, một nháy mắt cũng tồn, một hơi thở cũng dưỡng, ngày này cũng tấn, tháng kia cũng thêm, thiên lý phải giờ giờ tồn dưỡng, nhơn dục phải bữa bữa giảm tiêu thì lại là lời giải trong **12 giờ**<sup>(121)</sup> chẳng lúc nào là quên đi được”.*

---

<sup>(121)</sup> 12 giờ là giờ Tý, giờ Sửu,... Nói theo bây giờ là 24 giờ, nghĩa là một ngày trọn.

### 38. NGÔN (lời nói)

Lời của Thánh Hiền nói ra đều là sự thiệt. Y theo đó mà làm, có thể trau thân, có thể trị người.

Phàm đọc sách cần phải đọc cho thiệt hiểu, rồi nhìn cho ra cái nghĩa hiểu đó ở trong thân mình, mới là có chỗ đắc lực<sup>(122)</sup>.

Theo sách Đại Học, công phu *hạ thủ*<sup>(123)</sup> toàn ở tại *Cách vật trí tri*. Đọc một tạng kinh Phật, không bằng xem kỹ một quyển Tâm Kinh; xem kỹ một quyển Tâm Kinh, không bằng hiểu ba chữ *Quán tự tại*<sup>(124)</sup>. Cuốn Đạo Đức Kinh có năm ngàn chữ, mà cốt yếu chỉ ở trong bốn chữ *Hư tâm thật phúc*<sup>(125)</sup>.

Cái bệnh của kẻ phàm phu là hay bàn nói chuyện thị phi của người, cái bệnh của người học Đạo là hay chấp lấy lẽ phải của mình. Ta thường tự răn mình mà rằng: Mấy năm về trước, học hỏi biết được nhiều, hay được nhiều; còn việc làm gần đây, hoặc vịnh thi hoặc đặt bài, kiểm điểm lại coi, đều có tâm bệnh. Nay cần phải gấp trừ, lắng lặng mà suy tầm...

Thiên hạ trị loạn, giả điếc không nghe. Nhơn gian

---

<sup>(122)</sup> Đắc lực nghĩa là lấy sức mà làm một việc gì, được kết quả mỹ mãn, không đến phải luống công.

<sup>(123)</sup> Hạ thủ nghĩa là khởi công, mới phát làm một việc chi.

<sup>(124)</sup> Coi lời giải trong bài chữ Quán trang 144.

<sup>(125)</sup> Coi lời giải trong bài chữ Thái cực trang 170.

thị phi, làm lơ chẳng luận. Hình ngáo ngáo ngơ ngơ, chí trơ trơ vọi vọi. Xét muôn loài chẳng có, coi ba cõi đều không. Trần duyên đoạn hết, thần khí về nguồn thì Đại Đạo đã xong, còn phải tìm ai nữa? Mỗi lời thiệt hành, mỗi câu chiếu đối, vì ngày giờ có hạn, chớ theo lối cũ hoài.

Ai giữ lời nói và việc làm được phù với nhau, Thánh nhơn khen người ấy là người quân tử. Ta nói được mà làm không tới chỗ nói đó, Thánh nhơn chê ta là gỗ mục (hủ mộc), là đất phẩn (phẩn thổ).

- Có kẻ hỏi: Ông là người nhà Nho, sao lại mỗi việc chi cũng đều dẫn lời của Phật?

- Trả lời: Người nhà Nho đời nay thấy danh lợi thì động lòng, chỉ vụ học hư văn (học nhớ chữ chớ không lo thiệt hành), để cầu đặng ngôi lộc. Cũng có người chán thế bỏ trần, ra khỏi được cảnh này, nhưng lại chẳng tưởng đến *minh đức, tân dân*<sup>(126)</sup> là vật gì, *tri chí, năng đắc*<sup>(127)</sup> là sự gì? Họ thường hay trái với đạo Nho mà mong cầu Tiên, cầu Phật, chẳng biết chỗ nhà Nho

---

<sup>(126)</sup> Sách Đại Học nói rằng: “*Đại Học chi đạo tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí chí thiện*”, nghĩa là: Cái đạo đại học, là phải làm cho sáng cái minh đức (cái tánh Trời phú, khác với tánh khí chất), làm cho mới dân, là phải hướng về cõi chí thiện.

<sup>(127)</sup> Cũng sách ấy nói rằng: “*Tri chí nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh, tịnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lực, lực nhi hậu năng đắc*”, nghĩa là: Biết hướng, biết chỗ phải đi tới (mục đích) thì mới quyết định, quyết định thì mới lắng lẽ (không tưởng qua nhiều việc khác), lắng lẽ thì mới yên ổn, yên ổn thì mới dễ bề suy nghĩ (xử việc tinh tường), suy nghĩ rồi mới có thể đặng (là đặng đạt tới cõi chí thiện)

gọi *Thánh* tức là Đạo với Thích gọi *Tiên, Phật* đó.

Nếu ta cho lời Phật, Lão là kỳ quái mà không nói đến thì họ cũng sẽ cho ta chưa biết cái bí diệu của họ. Ta với họ tranh phe lập đảng, mỗi bên dựng cờ đánh trống, lố nhố lãng nhăng, biết chừng nào rồi.

Bạch Tản Lão Nhon nói rằng: “*Mỗi khi người đời xem sách, Ta thấy họ đọc như ruồi ngựa chợ đông. Cái phân thô kịch họ còn chưa thấy rõ ràng thì sao dám bàn bạc tới chỗ nhỏ nhem? Sao dám mong hiểu thấu chỗ diệu huyền cho nổi?*”

*Người xưa nói: Thơ đọc thiên biến, kỳ ý phương kiến. Nghĩa là: Sách đọc qua một ngàn lần, mới là hiểu rõ ý sách. Ôi! Nếu cứ vội gáp như vậy mãi, dầu có đọc hết năm xe, cũng là không ích”.*

### 39. TỈNH SÁT (xem xét)

Tỉnh sát là xem xét cái tâm của mình coi trong một ngày là 12 giờ, nó ở trong mấy giờ, nó ra ngoài mấy giờ. Người làm như vậy tự nhiên có chỗ đắc lực.

Xưa có ông Trần Liệt tự xét cái tâm của mình, rồi dùng đậu đen, đậu trắng để ghi cho nhớ: Hễ khởi một ý lành thì lấy một hạt đậu trắng bỏ vô trong mâm, hễ khởi một ý dữ thì bỏ vô trong mâm một hạt đậu đen.

Mới ban đầu thì đen nhiều, kể thì trắng đen bằng nhau, lâu thì đậu trắng nhiều hơn đậu đen. Lâu nữa thì còn rỗng là đậu trắng, không có một hạt đậu đen. Lại lâu thêm nữa, cho tới đậu trắng cũng không. Cái phép này tuy vụng về mà cũng có thể dùng được.

Tỉnh sát tức là xem xét, khắc trị tức là trừ lỗi, tồn dưỡng tức là chủ kính (dè dặt).

Đại Đạo tuy không tu không chứng, mà trần tình phải càng giảm càng tiêu. Con người chỉ có một cái tâm, giữ nó ở trong là cái tâm gì? Vụt chút nó chạy ra ngoài, lại là cái tâm gì? Xét được nó cho rành rẽ, rồi sau mới có thể tu tới nữa.

Tỉnh sát phải chăm chỉ, khắc trị phải quả quyết, tồn dưỡng phải thơ thới.

Đó là ba thứ công phu thường bữa phải dùng đến luôn, cho tới chừng nào hết công phu gì phải dùng nữa

mới là thành công.

Có người nói chẳng cần nhọc công cũng vượt ngay qua biển ngàn. Đó là trong hàng thượng trí, không chùng được vậy, chớ đâu dám nói người nào cũng đều làm được như thế cả.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Ba thứ công phu đó là cái bí quyết phải giữ hằng ngày trong cửa Thánh. Người có chí làm Thánh, làm Hiền, chớ nên xem thường mà bỏ qua*”.

## 40. KÍNH (dè dặt)

Cái bản tánh linh quang của người không có sanh hay diệt, mà cũng không có tăng hay giảm. Tuy nó bị che tối lâu ngày, mà hễ vừa phát chiếu ra thì có thể tiêu diệt muôn ngàn điều ác, mà sanh ra muôn ngàn điều thiện. Chỉ bảo thủ linh quang cho được thường tại (còn chiếu hoài) thì ta với Thánh nhơn có khác gì?

- Có kẻ hỏi: Làm sao mà bảo thủ linh quang cho được thường tại, phải là kính không?

- Duy có kính mới là bảo thủ linh quang thường tại. *Giới thận* (răn dè), *khủng cụ* (e sợ)<sup>(128)</sup> là kính, *căng căng nghiệp nghiệp* (nớp nếp trong lòng)<sup>(129)</sup> cũng là kính. Kính thì không sanh lòng tưởng quấy, không tin việc ám mờ. Có phải là chỗ cốt yếu để tồn tâm, cái phép tắc dùng tu kỷ đó chăng? Từ xưa, Thánh nhơn lấy đó mà truyền tâm cho nhau.

Nay con người sửa áo khăn, định tư lự, tự nhiên sanh lòng kính. Kính là chỉ phải chủ nhứt. Chủ nhứt thì

---

<sup>(128)</sup> Sách Trung Dung nói: “*Đạo giả dã bất khả tu du lệ dã, khả lệ phi Đạo dã. Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn*”, nghĩa là: Đạo chẳng khác bỏ lia ra giầy lát, nếu lia ra thì chẳng phải Đạo. Cho nên người quân tử răn dè chỗ mình không thấy, e sợ chỗ mình không nghe (tuy không thấy, không nghe, chớ cũng chẳng dám khinh dè).

<sup>(129)</sup> Kinh Thi nói: “*Căng căng nghiệp nghiệp, như đình như lô*”, nghĩa là nếp nếp lo sợ cũng như nghe sấm nghe sét.

tự nhiên tà, giả không xen. Tâm làm chủ cái thân, kính làm chủ cái tâm.

Người bước vô chùa miếu bèn sanh lòng kính là vì thấy ở trên có cốt thần. Còn ở tại thân mình, cũng có một vị thần rất chơn, rất thiết ở nơi mặt trong, mà chẳng tưởng đến, để duôi chẳng biết kính là có sao?

Trình Minh Đạo nói rằng: Lúc viết chữ, tôi rất kính; chẳng phải muốn gò chữ cho tốt, chỉ học cái kính mà thôi.

Trình Y Xuyên nói rằng: Châu Tiên Sanh dạy: Nhứt nghĩa là không lòng dục. Kẻ tầm thường làm sao mà giữ được không lòng dục? Chỉ có một chữ kính đó, bất kỳ đi đâu cũng quảy nó theo, nắm nó chặt. Cứ như vậy mà làm, lúc nào cũng tỉnh minh đừng để muội mê thì một hai ngày sẽ thấy hiệu quả.

*Qui củ*<sup>(130)</sup> là vuông tròn tốt bực, *chuẩn thẳng*<sup>(131)</sup> là bằng thẳng tốt bực. Người nào bên hữu có qui củ, bên tả có chuẩn thẳng thì người đó là người tốt bực (hoàn toàn).

Qui củ, chuẩn thẳng là gì? Là lễ đó. Lễ lấy sự kính làm gốc. Trong nước không có lễ, đạo tặc dấy lên thì nước mất. Trong thân không có lễ, tình dục mạnh hơn thì thân mất.

<sup>(130)</sup> Qui là cơ-xoa (compas) để vẽ vòng tròn. Củ là thước nách (ê-ke) để lấy góc vuông.

<sup>(131)</sup> Chuẩn là ống nước (*niveau d'eau*) để cân cho bằng. Thẳng là dây mực để vạch đường thẳng.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Châu Tử giải chữ kính là chủ nhứt, nghĩa là chủ ý tưởng vào một việc mà thôi, chớ không tưởng sang qua nhiều việc khác. Ai chủ nhứt được thì tâm chuyên thần định, tư tưởng quàng xiên chẳng thể dấy lên được.*”

*Phép này, Đạo Gia gọi là bảo nguyên thủ nhứt, Thiên Gia kêu là bất nhị pháp môn”.*

## 41. KHẮC TRỊ (trừ lỗi)

Thánh Nhơn có nói rằng: “*Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn* <sup>(132)</sup>”, nghĩa là: Sự học càng ngày càng thêm, việc Đạo càng ngày càng bớt. Bớt đây là bớt chỗ thái quá để đạt tới ngôi Trung, là bớt ngọn để trở về gốc, là bớt nhờn đục để trở về thiên lý.

Phàm trăm điều tà đục, trước cần phải *khắc kỷ* <sup>(133)</sup>. Khắc kỷ cũng như đối với kẻ thù nghịch, trước phải biết chỗ trú của chúng nó, rồi sau mới đem binh công phạt, phá hang, đốt ổ của chúng nó, làm cho tuyệt giống, tuyệt nòi, mới là đặng thái bình.

Tự trị phải cho nghiêm, như kẻ nông phu giẫy cỏ, trước phải đào lấy hết rễ thì sau mới khỏi lo nó mọc lại.

Tinh sát cũng như trói kẻ giặc, một khắc cũng không để cho nó thông thả. Khắc trị cũng như giết kẻ giặc thì phải một đao chặt lia hai đoạn (chặt một đao cho ngon, ý nói đừng dung dị). Những kẻ muốn trừ nhờn đục thì phải làm như thế đó, rồi sau mới được thành công.

Khắc trị là trừ bỏ cái điều mình vốn không có. Phải biết rằng trước kia tự nhiên không có, chớ chẳng phải khắc trị rồi sau mới không.

Tồn dưỡng là giữ, nuôi cái điều mình vốn có. Phải biết rằng trước kia sẵn có, chớ chẳng phải vì tồn dưỡng rồi sau mới có.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Kẻ mới tân Đạo phải khắc trị như vậy, ráng làm như vậy, mới phải là người chơn học Đạo; sau này mới có thể hy vọng thành công. Bằng không vậy, cứ mơ mơ màng màng, mai thấy sót sáng, chiêu lại sụt sè, tuy đến tuổi già, cũng còn mắc trong vòng sinh-nảy (không thoát được chỗ dơ bản)*”.

---

<sup>(132)</sup> Cõi cuốn Đạo Đức Kinh, chương thứ 48.

<sup>(133)</sup> Khắc kỷ là khắc trị tư đục.

## 42. CHỈ

Kinh Dịch nói rằng: “*Cán kỳ bối bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhơn*”, nghĩa là: Đễ ở (vì đây lấy nghĩa chữ cán như chữ chỉ) phía sau lưng mình thì chẳng dặng (chẳng có) ta; đi nơi trước sân mình thì chẳng thấy người (ý nói động tịnh đều chẳng sanh lòng nhơn ngã).

Nhơn tâm không dặng tịnh là bởi thị dục khuấy rối. Trong thân người chỗ nào cũng động cả, duy có phía sau lưng thì không động mà thôi. Trong cả thân mình đều có dục cả, duy phía sau lưng không có dục mà thôi. Cho nên Văn Vương dạy người phải chỉ tâm (đem tâm đễ ở) nơi phía sau lưng.

*Bất hoạch kỳ thân*, nghĩa là vong ngã (quên ta). Vong ngã thì cội rễ sanh lòng dục phải tuyệt. Đây là tịnh mà chỉ.

*Bất kiến kỳ nhơn*, nghĩa là vong nhơn (quên người). Vong nhơn thì các việc khêu lòng dục đều tan. Đây là động mà chỉ.

Ta thử nghĩ: Dân đến ở bang-kỳ (kinh đô), chim đến ở khuru-ngung (góc núi). Phạm mỗi vật đều lựa chỗ phải mà ở, hà huống là tâm của con người!

Trình Tử nói rằng: Tâm của người phải có chỗ ở, không chỗ ở nó nghe theo vật ngoài thì đến đâu lại không sanh quấy.

Chữ **chỉ** có hai nghĩa. Một là **ở yên** một chỗ mà chẳng đổi dời. Hai là **đoạn dứt** một việc mà chẳng làm lại nữa. Hai nghĩa này giúp lẫn nhau, mà làm phương châm vào Đạo.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Bất hoạch kỳ thân là vô ngã, bất kiến kỳ nhơn là vô nhơn. Theo đây thì đủ thấy Văn Vương xưa kia đã dạy vô ngã, vô nhơn rồi, nào phải đợi có Phật nhập Trung Quốc rồi mới có luận qua vô ngã, vô nhơn đâu!*”

### 43. QUÁN

Con người từ khi thức dậy, lo lắng cả ngày, thiết có biết cái tâm đi hướng nào đâu. Hay là có kẻ biết cầm nó lại mà hay dùng cách cưỡng chế, cưỡng chế thì trở lại có hại cho tâm mình.

Âm Phù Kinh nói rằng: “*Hỏa sanh tại mộc, họa phát tất khắc*”, nghĩa là: Cây sanh ra lửa, mà lửa cháy lên thì họa đến cây, cây phải bị thiêu, là nói về cái tâm đó. (Cũng như nói: Tâm sanh ra tà, mà tà cháy lên thì họa đến tâm, rồi tánh phải loạn). Cái tâm rất hoạt bát mà thần diệu, phải bình cái tánh của nó, thuận theo cái cơ của nó để dưỡng nó, chẳng cho một mảy phóng dật, một mảy miễn cưỡng, một mảy gián đoạn thì mới có thể gọi là phép dưỡng tâm.

Đức Khổng Tử nói rằng: *Chỉ vu chí thiện*<sup>(134)</sup>. Đức Lão Tử nói rằng: *Tự hoặc tồn*<sup>(135)</sup>. Đức Phật nói rằng: *Quán tự tại*<sup>(136)</sup>. Số là cái thân của con người ở trong

<sup>(134)</sup> Chỉ vu chí thiện (hay là chỉ ư chí thiện), nghĩa là: Chăm chỉ về chỗ tốt lành, lấy đó làm căn đề cho mỗi việc làm.

<sup>(135)</sup> Kinh Đạo Đức, chương thứ tư nói: *Trạm hề, tự hoặc tồn* (hay là tự nhược tồn), nghĩa là: Cái đạo thanh tịnh vô vi không thấy hình dạng, mà dường như là có, chớ không phải thiệt không.

<sup>(136)</sup> Quán tự tại nghĩa là xem ngược vào chỗ tự tại, tức là chỗ vô thi, vô chung, bất sanh, bất diệt. Theo Nho và Đạo, chỗ tự tại này không phát ra là Vô cực, mà phát ra là Thái cực.

Quán tự tại có nhiều nghĩa khác nữa, nhưng không phải cái nghĩa dùng trong bài này, xin miễn lục.

tâm, mà cái cơ của tâm ở ngoài mắt. Hễ mắt dùng vào trong thì tâm cũng theo nó vào trong, cho nên nói: Quán tự tại.

Quán tức là phản quán (xem ngược lại). Mắt ở tại đó thì tâm cũng tự nhiên ở tại đó. Nếu con người xem ngược vào đó, lâu rồi chẳng những tâm ở tại đó, mà rốt cuộc cũng sẽ định nữa. Thần khí hễ được định thì hoảng hốt (dáng mập mờ) như mới tỉnh giấc, kỳ thiệt như trời đất giao thời, khó mà tả chỗ huyền diệu cho cùng tận.

Liễu Tâm Kinh nói rằng: Ta tu không biết mấy ngàn kiếp đến giờ, quán tâm mà đắc đạo.

Khi mặt trời chen lặn thì ở trong nhà, cái tối này ở đâu lại cũng không biết. Đến lúc đột đèn lên thì cái tối kia đi xứ mô cũng không rõ. Không lý ánh đèn đuổi bóng tối, bóng tối có tình gì mà sợ đèn. Phải hiểu rằng: Hễ đèn này có thì đèn kia mất không phải hao một tí sức lực gì cả.

Có thể lấy ánh đèn mà tỉ dụ sự giác chiếu, lấy bóng tối mà tỉ dụ tánh vô minh. Phải xét tường rằng các pháp quá khứ mập mờ như trong giấc mộng, các pháp hiện tại mau lẹ như thấy điện chớp, các pháp vị lai đen tối như thoa sơn đen. Lại xét tường qua hết thấy các pháp hữu vi trong thế gian vụt chút biến hoại, muôn kiếp đến giờ ta vì nó mà chịu không biết bao nhiêu khổ não thì khá sớm lánh cho xa. Đi đứng nằm ngồi đều phải làm luôn hai phép là vừa chỉ, vừa quán. Chỉ là tịch tịnh

(lẳng lẳng), quán là tinh tinh (kinh giác), nghĩa là lẳng lẳng mà chẳng mê muội.

- Có kẻ hỏi: Sao gọi là minh tâm (sáng cái tâm)?
- Hư tâm (trông cái tâm) tức là minh tâm. Bốn tướng tuyệt như không, muôn pháp đều chẳng động.
- Sao gọi là kiến tánh (thấy cái tánh)?
- Suất tánh (noi theo cái tánh) tức là kiến tánh, chẳng biết chẳng hay là phép của Thuận Đế<sup>(137)</sup>.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Mạnh Tử nói: Đạo học vẫn không có cái gì khác hơn là cầu kỳ phóng tâm (tìm cái tâm phóng ra ngoài mà đem ngược trở về).*”

*Kinh Dịch nói rằng: Thành tánh tồn tồn, đạo nghĩa chi môn. Nghĩa là: Giữ tánh thành khư khư, đó là cửa đạo nghĩa.*

*Vậy thì đủ biết cái tâm của con người dễ phóng mà khó thu. Cốt yếu của học vẫn ở tại đó, mà công phu hạ thủ cũng ở tại đó. Nếu bằng mỗi khắc mỗi hồi quang, mỗi giờ mỗi phần chiếu, công phu ít thì sẽ thấy tánh sáng tâm, còn công phu nhiều ắt sẽ thành Tiên làm Tổ. Câu quán tâm mà đắc đạo, trong Liễu Tâm Kinh, có phải là lời dối gạt ai đâu!”*

---

<sup>(137)</sup> Mỗi việc cứ noi theo tánh Trời phú mà hành động, một cách tự nhiên. Không chút miễn cưỡng.

Chẳng biết chẳng hay nghĩa là có biết có hay mà chẳng tự dụng chỗ biết chỗ hay của mình.

## 44. TỒN DƯỠNG

Tồn dưỡng hai chữ vốn chẳng lìa nhau. Nếu chẳng tồn (cầm lại) được thì dưỡng (nuôi nấng) cái gì? Tồn cái tâm của mình tức dưỡng cái tánh của mình. Chưa phát ra thì phải tồn dưỡng, đã phát ra rồi thì phải tỉnh sát, thấy ý riêng (chẳng phải công lý) thì phải khắc trị, khắc trị xong lại phải tồn dưỡng. Ba phép này làm công dụng lẫn cho nhau, một khắc cũng chẳng nên cho gián đoạn.

Tồn tâm chẳng phải lấy sức mà trì kéo nó lại. Chỉ phải gìn lòng trong sạch, ít tham dục mà thôi. Phải biết rằng hễ mình sáng suốt (giác) thì cái tâm này nó lại, mình chẳng sáng suốt thì nó đi.

Vậy phải làm làm sao rồi tâm mới thường sáng suốt, thường chẳng đi ra ngoài? Chỉ nhờ tập cho nó quen tánh mà thôi. Thường thấy người ta nuôi loài chim rừng, tuy nó chẳng phải là loài thú nhà, mà vì nuôi lâu nó quen, thả ra nó cũng không chịu đi. Huống chi cái tâm là món vật ở trong thân ta, dưỡng cho nó quen rồi thì có lẽ nào nó còn muốn đi đâu nữa.

Châu Tử nói rằng: Cái công hàm dưỡng bản nguyên<sup>(138)</sup> rất dễ gián đoạn. Nhưng mà vừa biết gián đoạn tức là trong đó có chấp nói rồi. Chỉ cần thường tự đánh thức, góp nhóp từ phân tử tắc, thì chỗ đứt lâu lâu tự nhiên liền lại, làm một phiến mà thôi.

Hễ tinh khí thần dưỡng theo phép mà tăng tiến thì sống,

---

<sup>(138)</sup> Hàm dưỡng bản nguyên, nghĩa là: Hàm súc tồn dưỡng cái thiên tánh của mình.

còn thất chỗ dưỡng mà tiêu hao thì chết. Thử xem trong một ngày, nhờ dưỡng theo phép mà tăng tiến là bao nhiêu, vì thất chỗ dưỡng mà tiêu hao là bao nhiêu, thì sống chết có thể tự mình biết được, không cần phải dùng phương pháp gì ở ngoài mà xét đoán.

Cái công phu của người học Đạo thì phải một ngày một thêm cần mật, một giờ một thêm cần mật, lâu được thuộc quen thì chừng đó mới là cùng Đạo hiệp làm một vậy.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Con người hay phản quán thì thần khí trọn về phía trong. Thần khí đã về phía trong thì có lẽ nào không được khước bịnh diên niên (hết bịnh thêm tuổi) hay sao?*”

Trong cuốn *Ngữ Lục* của ông Khuru Tổ, Ngài chẳng chẳng lầy đó mà dẫn người ta vào Đạo. Nhưng có người chẳng tuân, không chịu tin theo, là tại sao? Ấy là vì công phu tôn dưỡng khó mà quen được. Hễ quen thì nhồi thành một phần, theo Nho thì gọi là: **Tức tâm tức lý**, theo Thích thì gọi là: **Tức tâm tức Phật**, theo Tiên thì gọi là: **Dữ Đạo hiệp chơn** (cùng Đạo hiệp một lý chơn).

Người thế đi nửa đường rồi bỏ ngang, đều là bởi tâm sanh; hễ tâm sanh thì công phu gián đoạn. Trong cuốn *Tây Du Ký*, tới hồi thứ 97, 98, tác giả mới dám nói **vượn thuộc ngựa quen**<sup>(139)</sup>. Ôi! Cái tánh quen thuộc này có phải dễ mà nói ra đâu!?”

<sup>(139)</sup> Trong bộ *Tây Du*, có nêu hai câu này lên đầu chương thứ 91: *Viên thực mã thuận phương thoát xác, / Công thành hạnh mãn kiến chơn như*, nghĩa là: Vượn thuộc ngựa quen mới thoát xác, / Công đầy hạnh đủ thấy chơn như. Vượn thuộc ngựa quen đây chẳng phải nói tâm ý, mà thiết chỉ chỗ viên dung của Đạo thể, sự tất hóa (trọn cái về lành) của công lực.

## 45. GIỚI (răn cấm)

Con người từ lúc sanh ra cho đến nay, làm mỗi việc đều theo tình dục. Sự tập nhiễm đã in sâu rồi, một mai muốn cầu đặng thanh tịnh, chẳng phải là chuyện dễ. Cho nên trước phải trì giới (giữ y các điều răn cấm). Trì giới là phải tịnh ba nghiệp. Ba nghiệp là gì? Là thân, khẩu, ý (mình, miệng, lòng).

1. Chẳng hại giết, chẳng trộm cướp, chẳng dâm bôn, là tịnh tu thân nghiệp.

2. Không nói láo xược, không nói đùa bỡn, không đâm thọc hai đầu, không chửi rủa, là tịnh tu khẩu nghiệp.

3. Trừ tham, trừ sân, trừ tà niệm, là tịnh tu ý nghiệp.

Ngó, nghe, nói, làm, theo *tứ vật* của Nhan Tử<sup>(140)</sup> là phép trì giới cao thượng. Khắc, phạt, oán, dục, như *bất hành* của Nguyên Hiến<sup>(141)</sup> là phép trì giới thô sơ.

<sup>(140)</sup> Nhan Tử tức là thầy Nhan Uyên. Sách *Luận Ngữ*, chương thứ 12, nói rằng: Thầy Nhan Uyên hỏi làm nhân là làm thế nào? Đức Khổng Tử đáp rằng: Bỏ tư dục của mình, đem lễ là lẽ phải tự nhiên trở lại, ấy là làm nhân... Thầy Nhan Uyên lại hỏi điều mục (cái nghĩa rõ ràng). Đức Khổng Tử nói: “*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động*”, nghĩa là: Điều chẳng phải lễ mắt đừng ngó tới, điều chẳng lễ, lỗ tai đừng nghe tới, điều chẳng phải lễ miệng đừng nói tới, điều chẳng phải lễ tay chơn đừng làm tới.

<sup>(141)</sup> Nguyên Hiến tên chữ là Tử Tư, nên cũng có chỗ xưng là Nguyên Tư, cũng là học trò của Đức Khổng Tử, như thầy Nhan Uyên

Đức Không Tử nói rằng: “*Người quân tử có ba điều răn<sup>(142)</sup>, là bởi người quân tử thường gìn cái tâm giới thận (răn dè), một đời chẳng để khí huyết nó sử mình*”. Lại nói rằng: “*Người quân tử có chín điều nghĩ<sup>(143)</sup>, là bởi người quân tử tâm thường tinh tinh (kỉnh giác), chẳng cần phải giữ răn cấm mà tự nhiên chẳng có gì là không y răn cấm*”.

Lăng Nghiêm Kinh nói rằng: “*Nhiếp tâm vi giới, nhân giới sanh định, nhân định sanh huệ*”, nghĩa là: Kềm tâm mình là giới, nhờ giới mà sanh định, nhờ định mà sanh huệ.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Tịnh tu ba nghiệp là điều răn của Thiên môn, tứ vật cửu tư (bốn cái đừng, chín điều nghĩ) là điều răn của Nho môn. Kẻ mới vào học, chẳng khá không mỗi khắc tuân hành, người tới nhà rồi (trọn thành công) chẳng khá không mỗi điều quét sạch*”.

vậy.

Sách Luận Ngữ, chương thứ 14, nói rằng: *Khắc, phạt, oán, dục bất hành diên, khả dĩ vi nhân hĩ?*, nghĩa là: Ngăn cấm chẳng cho phát ra ngoài những tư tình ở trong tâm (bất hành) như khắc là háo thắng, phạt là khoe mình, oán là hờn giận, dục là tham lam, có thể đạt tới bậc nhân chăng? Đức Không Tử đáp rằng: *Khó mà ngăn cấm. Theo Ta, thì chưa phải là nhân*. Tại sao chưa phải là nhân? Vì nhân là rỗng thiên lý, không có bốn bệnh nói trên. Ngăn cấm chỉ là cưỡng chế, rốt rồi góc bệnh cũng còn, cho nên chưa đạt tới bậc nhân được.

<sup>(142)</sup> Ba điều răn là: Hồi nhỏ răn sắc dục, lớn lên răn tranh đấu, lúc già răn lòng tham.

<sup>(143)</sup> Chín điều nghĩ có giải trong bài chữ Tư. (Xin xem lại chữ Tư trang 57).

## 46. ĐỊNH (yên nơi)

Sách Định Tánh nói rằng: Định lấy nghĩa *động cũng định, mà tịnh cũng định*, hay là nói *định ở trong mới phải, ở ngoài chẳng phải*, không bằng trong ngoài đều quên. Quên cả hai thì trong tâm mới thiệt lỏng trong vô sự. Vô sự mới định thì khi ứng tiếp có chi mà làm lụy cái tâm được.

Tâm vốn muốn định, nhưng nếu chẳng định được, thiệt do niệm làm lụy. Nếu bằng dứt niệm gìn tâm, không có gì làm loạn cái tâm này nữa thì tâm tự nó định.

Vân Môn nói rằng: “*Sơ thiên niệm trú, nhị thiên tức trú, tam thiên mạch trú, tứ thiên diệt tận nhập bồ đại định*”, nghĩa là: Bực thiên định thứ nhất là hết niệm, bực thứ nhì là hết thở, bực thứ ba là hết mạch, bực thứ tư là diệt hết, nhập vào cảnh đại định.

Phải biết rằng phép định có ba loại:

1. Thiên sanh định, là nói bỗng tánh tịch nhiên (vắng lặng), vốn tự mình chẳng động;
2. Tu thành định, là nói hàm dưỡng đến thuần túy, tự tánh lỏng trong;
3. Vũ thái định, là nói: Hư tâm thuận lý (trống lòng theo lý), làm theo lối vô sự.

Trang Tử nói rằng: *Vũ thái định phát sanh thiên*

*quang*<sup>(144)</sup>. Người xưa đắc đạo là nhờ dùng sự điềm đạm mà dưỡng trí. Trí sanh mà không biết dùng vào đâu, gần ngủ chớ chưa ngủ, thế sự không biết đến, thân tâm êm chẳng động, ấy là tới lúc phát tam muội (*samadhi*). Luận về nguyên nhân thì gọi là chỉ quán, luận về kết quả thì kêu là định huệ.

Bạch Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Quên cả hai tức là cách tọa vong (ngồi mà quên) của Nhan Tử. Tới mức quên cả hai thì có lo gì không định*”.

---

<sup>(144)</sup> Vũ thái định nghĩa là: Khí vũ (rộng rãi), nhân thái (thành thoi) thì được tịnh định.

Thiên quang nghĩa là ánh sáng tự nhiên, do thiên tánh phát sanh, chớ không phải tự ý thức của người làm ra được. (Coi sách Trang Tử, chương Canh Tang Sở).

## 47. HUỆ (trí sáng)

Ngạn ngữ nói rằng: Lòng người như nước, để nó lóng trong thì mới có thể soi mặt mày. Nếu khuấy đục lên thì ngôi trời đất xáo lộn. Phải biết rằng huệ có ba đường:

1. Nhơn không huệ, là nói rõ thấu phép vô sanh, nên vô ngã vô nhơn;

2. Pháp không huệ, là nói biết năm ấm và các pháp làm duyên (sanh ra muôn vật) là giả chớ chẳng phải thiệt;

3. Không không huệ, là nói hiểu cảnh và trí đều không và cái không này cũng là không nữa.

Kẻ mới tập tu định thành linh phát thần thông, hoặc biết việc quá khứ đời trước, hoặc biết việc vị lai ngày sau, hoặc đặng trí tha tâm, nói năng thông suốt. Đó là không chi khác. Chỗ nhà Nho ta nói: “*Chí thành chí đạo, khả dĩ tiên tri*”<sup>(145)</sup>, nghĩa là: Người đặng đạo chí thành, có thể tự mình biết trước sự sẽ đến, là như vậy đó.

Kẻ học Đạo tới bực đó hay say đắm về đường danh lợi, về sự cung kính của thế gian. Làm như vậy là thuộc về *hữu lậu*<sup>(146)</sup>, thần khí vì đó mà chẳng bền.

---

<sup>(145)</sup> Coi sách Trung Dung, chương thứ 24.

<sup>(146)</sup> Hữu lậu, nghĩa là: Còn gây nghiệp phải đầu thai (hữu) lưu trú

vững, nên hay thành *thi giải*<sup>(147)</sup>. Phải mau bỏ cái phép hữu lậu ấy đi, vì nó là phép hư vọng.

Đạo Đức Kinh nói rằng: “*Tục nhơn chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn. Tục nhơn sát sát, ngã độc muôn muôn*<sup>(148)</sup>, nghĩa là: Kẻ tục sáng rõ, chỉ ta mập mờ. Kẻ tục biện xét, chỉ ta thờ ơ.

Bach Tân Lão Nhơn nói rằng: “*Nước trong có thể soi thấy mặt mày, tâm trong có thể rõ biết sanh tử. Trong cho đến mức vô ngã, vô nhơn, ấy mới là chỗ sanh tử bất tương quan (chỗ sanh tử không còn dính dấp với ta nữa) là cơ qui thân không xét thấu. Cho nên gọi là **Cực Lạc thể giải**”.*

---

trong vòng tam giải (lậu).

<sup>(147)</sup> Thi giải là những người tu tiên chưa trọn thành công, mà xác hoại phải bỏ xác (chết). Hạng này có thể đoạt xác, nghĩa là giựt xác của con nít mới đẻ hay là xác của người lớn vừa chết, như ông Lý Thiết Quả mượn xác của tên ăn mày què chum mà tu thêm cho đến liễu đạo vậy.

<sup>(148)</sup> Cõi Đạo Đức Kinh, chương thứ 20.

## 48. THÀNH (chơn thiệt)

Một bộ Trung Dung chỉ nói về chữ thành. Chơn điều lành mà gắng giữ là việc làm để đạt tới lòng thành<sup>(149)</sup>. *Tham tán vị dục*<sup>(150)</sup>, nghĩa là xen vào hàng Trời Đất mà trợ Trời Đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống, là công trình của bực chí thành.

Chí thành (đặng trọn chơn thiệt) gọi là Thánh, tức là Thiên đạo<sup>(151)</sup>. Tồn thành (gắng giữ chơn thiệt) gọi là Hiền, tức là Nhơn đạo<sup>(152)</sup>.

Làm theo Trời mới được nên người. Trọn đạo người

---

<sup>(149)</sup> Sách Trung Dung, chương thứ 20, nói rằng: “*Thành giả, bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc, thung dung trúng đạo, Thánh nhơn dã. Thành chi giả trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã*”, nghĩa là: Người đặng trọn chơn thiệt chẳng phải ra sức gắng công, mà làm đúng theo Đạo, cũng chẳng cần phải lo nghĩ mà làm theo đó được ngay, thành thoi mà nhằm Đạo là bực Thánh nhơn. Kẻ muốn đặng chỗ chơn thiệt (mà mình chẳng có hay là đã mất rồi) thì chơn điều lành mà gắng giữ (đây là chỉ kẻ học giả).

<sup>(150)</sup> Sách Trung Dung có nói trong chương 22 rằng: “*Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ*”, nghĩa là: Có thể giúp việc biến hóa sanh dục của Trời Đất thì mới có thể xen vào hàng Trời Đất (đồng ngôi tam tài).

Trong chương thứ nhứt, lại nói: “*Trí trung hòa, thiên địa vị diên, vạn vật dục diên*”, nghĩa là: Suy tốt trung hòa thì Trời Đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống. Đây là chỉ bực Thánh nhơn.

<sup>(151)</sup> Thiên đạo và Nhơn đạo khác nhau là ở chỗ cố gắng cùng không có cố gắng giải trên.

<sup>(152)</sup> Thiên đạo và Nhơn đạo khác nhau là ở chỗ cố gắng cùng không có cố gắng giải trên.

mới có thể hiệp cùng Trời. Cho nên nói: Đến khi thành công rồi, chỉ có một mà thôi.

Đạo của Trời Đất chỉ nhờ có lòng thành mà sanh dục được muôn vật, đạo của đế vương chỉ nhờ có lòng thành mà cảm hóa được muôn dân, đạo của Thánh Hiền chỉ nhờ có lòng thành mà trợ giúp được muôn vật.

Dè dặt một mình (thận độc)<sup>(153)</sup> khoách sung mỗi lành (trí khúc)<sup>(154)</sup>, là cái công phu rất trọng yếu để cầu thành mỗi ngày. Chí thành có thể cảm động Trời Đất, quỷ thần. Trong khắp khoảng trời đất không đâu là chẳng có quỷ thần. Người tuy chẳng thấy quỷ thần, chớ sao lại chẳng thấy trời đất. Quỷ thần là cái linh diệu của trời đất, còn trời đất là cái dấu tích của quỷ thần. Người quân tử sợ mạng Trời là cốt ý sợ quỷ thần đó.

Người thể dám làm điều chẳng lành, chỉ sợ người biết mà chẳng sợ Trời biết. Kẻ sợ người biết là dối giả, ấy là kẻ tiểu nhon. Người sợ Trời biết là chơn thiệt, ấy là người quân tử.

---

<sup>(153)</sup> Thận độc là dè dặt chỗ một mình mình biết và nghe (coi bài chữ Qui có giải nghĩa rõ).

<sup>(154)</sup> Trí là suy trí, khoách sung. Khúc là một mỗi, một đoạn. Trí khúc là khoách sung mỗi lành.

Sách Trung Dung, chương 23, nói rằng: *Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành...*, nghĩa là: Kẻ đó là khoách sung mỗi lành, mỗi lành mới đặng chơn thiệt được. Ý nói: Trên là bực Thánh, kẻ đó là nói từ bực đại hiền sắp xuống, tuy có lòng thành mà chưa được trọn. Vậy phải làm cho cái lành đó mới lộ ra có một mỗi, một đoạn, được khoách sung đến hoàn toàn.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Nhà Nho trừ hết dối trá thì gọi là chí thành. Chí thành đó là Thánh nhon. Phải Đạo luyện hết âm tà thì gọi là thuần dương. Thuần dương đó là Chơn nhon. Sao chẳng biết thành tức là chơn, chơn tức là thành vậy?*”

*Người xưa nói rằng: Thiên hạ vô nhị Đạo, chí nhon vô lưỡng tâm, nghĩa là: Dưới trời không hai Đạo, người thánh chẳng hai lòng. Lời này thiệt là đúng lắm!”*

## 49. HIẾU (thảo)

Hiếu là cội gốc trăm hạnh, là nguồn đầu muôn lành. *Lập thân hành đạo*<sup>(155)</sup> là cái hiếu trọn đời. Hầu hạ dưỡng nuôi là cái hiếu muôn thuở.

Lời xưa nói rằng: Cha mẹ sanh ra toàn vẹn thì tới chết con cũng phải giữ vẹn toàn. Mỗi lần giở chơn, mỗi lần mở miệng, mỗi lần động niệm, chẳng dám quên cha mẹ. Đừng làm lỗi gì phải nhục thân mình, táng lương tâm, xấu cha mẹ mới được gọi là **hiếu**.

Ta lại thường nói, Trời Đất sanh ra toàn vẹn thì tới chết người cũng giữ vẹn toàn. Mỗi lần giở chơn, mỗi lần mở miệng, mỗi lần động niệm, chẳng dám trái Trời Đất. Đừng làm lỗi gì phải nhục thân mình, táng lương tâm, nghịch chơn lý, mới được gọi là **nhân**.

Cha mẹ là Trời Đất trong một nhà. Con hiếu thờ cha mẹ như thờ Trời Đất. Cha mẹ thương thì vui mừng mà chẳng quên, cha mẹ ghét thì dầu nhọc cũng chẳng oán.

Trời Đất là cha mẹ của muôn vật. Con người thờ Trời Đất cũng như thờ cha mẹ. Ở địa vị giàu sang phát

đạt mà chẳng vượt vòng phép tắc (ỷ thế hiếp cô, ...). Đương mạng vận nghèo hèn hoạn nạn mà không sai mất trung chánh (xảo trá, hà lạm ...).

- Có kẻ hỏi: Cha mẹ đã mất, làm sao mà giữ hiếu?

- Trả lời: Cái thân của con là cái thể của cha mẹ roi để lại, ráng giữ đừng để cho nó hoại, ấy là thờ cha mẹ đó.

Cái tánh của người ta là cái điểm sáng suốt của Trời Đất ban cho, khéo nuôi đừng để nó táng, ấy là thờ Trời Đất đó.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Người được thành Thánh thì kẻ khác kêu cha mẹ mình bằng Thánh phụ, Thánh mẫu. Người được thành Tiên thì kẻ khác kêu cha mẹ mình bằng Tiên phụ, Tiên mẫu. Người được thành Phật thì kẻ khác kêu cha mẹ mình bằng Phật công, Phật mẫu. Còn người cả đời dung-lục (phàm ngu thô tục), Ta chẳng biết kẻ khác kêu cha mẹ nó bằng cái gì há?”*

---

<sup>(155)</sup> Cuốn Hiếu Kinh, chương thứ nhứt, nói rằng: *Thân thể phát phụ, thọ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thi dã. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu hiếu chi chung dã*, nghĩa là: Mình vóc tóc da, chịu lấy của cha mẹ, chẳng dám làm hư hoại, là đầu việc thảo vậy. Làm nên thân phận, làm điều đạo nghĩa, để tiếng tới đời sau, rõ ràng cho cha mẹ, là cuối việc thảo vậy.

## 50. ĐỨC

Người đời nay ít ai đặt Đạo. Chẳng phải là Đạo khó đặt, tại biết chưa thiệt, giữ không bền.

Muốn hành công phu nhập đức (vào cõi đức hạnh), trước phải biết **cơ vi**<sup>(156)</sup>. Muốn hành công phu sùng đức (quí trọng đức hạnh), trước phải giữ thành ý. Muốn hành công phu tu đức (trau sửa đức hạnh), trước phải cải về lành.

Thánh nhơn nói: “*Xá đức chi nguyên tử u xích tử*”, nghĩa là: Cái gốc chứa đức tử như con đở. Con người, khi ban sơ, ai lại không phải là con đở? Chỉ trừ cho sạch hết tập nhiễm, trở lại con đở khi ban sơ, làm được bấy nhiêu là trọn đức của Thánh nhơn rồi.

Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu, là năm cái đạt đạo<sup>(157)</sup> của thiên hạ. Bỏ năm bực này ra mà nói đạo, tức là ngoại đạo (ra ngoài đạo).

Trí, nhân, dũng là ba cái đạt đức<sup>(154)</sup> của thiên hạ. Bỏ ba thứ này ra mà nói đức, tức là bội đức (trái với đức).

---

<sup>(156)</sup> Mỗi sự biến hóa đều từ ẩn vi mà phát ra hiển hiện, từ giản dị mà phát ra phiền tạp, vì vậy cho nên đạo Nho cốt nhứt là phải biết cơ, thấy cơ, phải phòng vi đồ tiệm. Cơ vi là cái tiên triệu mới phát rất nhỏ nhem. Đây nói cơ vi ở trong tâm người.

<sup>(157)</sup> Đạt đạo là con đường xưa nay ai ai cũng đều phải noi theo đó. Đạt đức là cái lý xưa nay thiên hạ đồng đặt như nhau. (Coi sách Trung Dung, chương thứ 20).

Người đời xưa, mỗi lần giận, làm cho thiên hạ yên. Ta nay cũng lấy cái giận ấy mà làm cho tâm mình yên, mới gọi là đại dũng. Dũng phải có trí trợ sức, có nhân làm cho đến thành công. Trí nghĩa là giác mà không mê. Nhân nghĩa là thuận mà chẳng tạp. Ba thứ này phải cho đủ mới gọi là chí đức. Chí đức được lập thành thì Đại Đạo mới ngưng kết (tụ mà không rời rạc, ý nói kết quả tốt).

Đức Khổng Tử nói: *Cứ u đức*. Cứ nghĩa là cố chấp (nắm chặt), đừng run chí ngã lòng. Có cái tánh này thì một lần đặt việc chi là đặt luôn luôn, chẳng khi nào sợ mất. Cố chấp lâu rồi quen, quen thì tự đổi ra nhân.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Châu Tử nói: Đức là đức (đặt). Đức là hành đạo có sở đức trong tâm.*”

*Chúng ta bình thường nên ráng xét nét lấy mình, coi quả có chơn tri không? Quả có chơn đức không? Hết thấy chỗ nghe, chỗ thấy có được chính chắn không? Nếu có thì phải gắng sức làm thêm, bằng không thì tự hỏi mình có yên được chăng?”*

## 51. NHÂN

*Nhân giả nhơn dã*, nghĩa là: Nhân tức là người vậy<sup>(158)</sup>. Kẻ bất nhân mà muốn thành Chơn nhơn thì chẳng hề có vậy bao giờ.

Theo Ta hiểu, nhà Nho gọi nhân, tức là chỗ Phật gọi xá lợi, Tiên gọi kim đơn.

Tâm là cái nhà của nhân, nhân là người chủ trong tâm. Chỉ đem cái tâm này mà quét cho ráo rẻ sạch không thì liền nghe nguon khí phục hồi, tay chơn thân thể đều khoẻ khoắn, ngoảnh lại xem muôn vật cũng đồng có một vẻ đẹp vui. Cho nên nói: “*Nhứt nhứt khắc kỷ phục lễ, thiên hạ qui nhân*”, nghĩa là: Một ngày sửa mình theo lễ (chế trừ phân tư dục mà trở lại lễ phải tự nhiên) thì muôn việc trong thiên hạ đều theo về nhân cả.

Cái lý sanh sanh của Trời Đất gồm ở trong tâm, người ta gọi là nhân<sup>(159)</sup>, ấy là lấy cố năng sanh mà nói.

---

<sup>(158)</sup> Coi bài phụ giải về chữ Nhân ở sau rốt bộ Dưỡng Chơn Tập (trang 187).

<sup>(159)</sup> Coi sách Luận Ngữ, chương thứ 12 (Nhan Uyên).

Chữ thiên hạ ở đây có nhiều nghĩa. Theo thầy Châu Tử thì thiên hạ là thiên hạ chi nhơn, nghĩa là hết thảy những người trong thiên hạ đều khen cho là nhân.

Thiên hạ cũng có nghĩa là mọi vật, mọi việc trong thiên hạ. Thầy Trình Tử nói rằng: “*Khắc kỷ phục lễ tắc sự sự giai nhân, cố viết: Thiên hạ qui nhân*”, nghĩa là: Sửa mình theo lễ thì mọi việc đều là nhân, cho nên nói: Thiên hạ đều theo về nhân cả. Cái nghĩa sau này

Hột ở trong trái, người ta cũng gọi nó là nhân, đây cũng là lấy cố năng sanh. Sao người ta chẳng đem cái lý sanh sanh này mà tồn dưỡng nơi tâm?

Ngô Lâm Xuyên nói: “*Nhân giả thọ*”, nghĩa là: Người có nhân được sống lâu. Ta thường vịn theo đó mà xét coi người thiên hạ. Phàm kẻ nào có khí ôn hòa thì sống lâu, chất hiền lương thì sống lâu, lượng khoan hồng thì sống lâu, tướng trầm trọng thì sống lâu, lời chất phác thì sống lâu. Nhưng ôn hòa, hiền lương, khoan hồng, trầm trọng, chất phác, đều là một mối của chữ nhân cả, cho nên họ được sống lâu là phải. Lâm Xuyên chỉ luận một mối mà còn được sống lâu thay. Huống gồm đủ cả năm đức tánh nói trên thì lại càng sống lâu hơn nữa, tưởng không cần hỏi ai cũng đủ biết.

Sách Luận Ngữ nói: “*Nhân giả nhạo sơn*”, nghĩa là người có nhân ưa núi. Vả chẳng núi là một vật từ xưa đến nay chẳng hề dời đổi. Trong các vật sống lâu, không có chi bằng núi. Núi mới thường tịnh. Người có nhân thường tịnh thì thần ngưng, khí kiệt, tinh mãn, hình cố (thần động, khí tụ, tinh đủ, hình bền), há lại không có người sống lâu sao?

---

rộng hơn.

Theo sách Tánh Mạng Khuê Chi, thiên hạ lại có một cái nghĩa khác cũng nên biết. Trong bản đồ trung tâm có câu giải rằng: Kinh Dịch nói: *Thiên hạ hà tư hà lự?* Sách Luận Ngữ nói: *Thiên hạ qui nhân*. Chữ **hạ** này với chữ **gian** trong *thiên địa chi gian*, chữ **tâm** trong *thiên địa chi tâm*, đều là chỉ ngôi trung này mà nói, tức là chỗ vui của Đức Khổng, thầy Nhan vậy.

Bạch Tần Lão Nhơn nói rằng: “*Thầy Nhan hỏi về chữ nhân. Đức Khổng Tử dạy phải khắc kỷ phục lễ, là làm Kiền Đạo, khiến phải một đao chặt lìa hai đoạn, tức là chỗ nhà Thiên gọi **đốn giáo**. Trọng Cung cũng hỏi về chữ nhân. Đức Khổng Tử dạy phải giữ lòng thành kính, làm đạo thứ<sup>(160)</sup>, là làm Khôn Đạo, khiến phải theo thứ tự mà đi lần tới, tức là chỗ nhà Thiên gọi **tiệm giáo**. Tại làng Khuyết Lý trước đã có dạy người cái nghĩa đó, chớ nào phải chờ có nam Năng bắt Tú<sup>(161)</sup> rồi mới phân đốn, tiệm khác nhau đâu!”*”

---

<sup>(160)</sup> Thứ nghĩa là suy lòng ta ra lòng người.

<sup>(161)</sup> Huệ Năng truyền đạo ở phương nam, Thần Tú ở phương bắc. (Coi sự tích trong cuốn Pháp Bửu Đàn Kinh).

## 52. TỊNH

Ngạn ngữ nói rằng: “*Thánh nhơn chủ tịnh lập nhơn cư*”, nghĩa là: Thánh nhơn chủ về phép tịnh là cốt để đạt tới ngôi tuyệt đích của con người. Ngôi này là ngôi gì? Là ngôi Đại Trung.

Những bậc Thánh nhơn chủ về phép tịnh, chẳng phải cho phép tịnh là hay, mà để ý về đó. Thiệt là muôn vật không đủ gì làm náo loạn cái tâm mình, chẳng cầu tịnh mà tự nhiên được tịnh.

Nay có kẻ cầu tịnh chưa đặt chơn truyền, đều nói: Xiềng chặt con vượn tâm, cột cứng con ngựa ý. Đến khi xiềng cột không được, bèn cho cái tâm này, dầu làm thế nào, cũng không tịnh được.

Sao mà chẳng nghĩ lại, lỗi ấy tại chẳng trí tri. Trí tri thì sáng, sáng thì thấy được cái lý trong thiên hạ đều là đình đình đáng đáng<sup>(162)</sup>, một mảy ý riêng không dính dấp với nó được. Đây là chỗ gọi: *Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh, tịnh nhi hậu năng an*<sup>(163)</sup>.

Ngoài quên danh lợi thì thân yên, trong quên tư lự thì tâm yên. Người đều nói: Thân yên tức là phước. Có kẻ lại nói: Tâm yên tức là Đạo.

---

<sup>(162)</sup> Cõi lời giải trong bài chữ Vật trang 84.

<sup>(163)</sup> Cõi nghĩa trong bài chữ Tánh Mạng trang 46 và chữ Ngôn trang 132. Tri chỉ là biết chỗ xu hướng, tức là cõi chí thiện, tức là ngôi đại trung

- Huệ Khả yết kiến Đức Đạt Ma mà bạch rằng: Cái tâm của tôi chưa được yên, nhờ thầy dạy phép cho nó yên.

- Đạt Ma nói: Đem cái tâm lại đây rồi Ta cho ngươi được yên.

- Khả trả lời: Kiểm tâm quyết không thể nào được.

- Đạt Ma nói: Vậy Ta cho ngươi yên đó.

Tâm sau êm đềm, Khả bèn nói rằng:

*Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu,  
Thốn tâm mích vọng, vọng nguyên vô.  
Vọng nguyên vô xứ tức bồ đề,  
Thị tắc danh vi chơn đắc Đạo.*

Nghĩa là:

Ba cõi kiểm tâm, tâm chẳng có,  
Trong lòng hỏi vọng, vọng xưa không.  
Chỗ xưa không vọng ấy bồ đề,  
Vậy mới gọi là thiết đắc Đạo.

Cáo Tử không động tâm là vì: *Bất đắc vật cầu*, nghĩa là: Chẳng được thì đừng cầu, bỏ lơ mà không động<sup>(164)</sup>. Đòi sau, có những kẻ tu khô khan (ù lý) như

thế đều là bọn Cáo Tử cả. Chẳng phải người hiểu Đạo thì ai biết là họ làm.

Bạch Tản Lão Nhon nói rằng: “*Người nào ở trong quên được tư lự, ở ngoài quên được danh lợi thì cái công phu chủ tịnh kia chẳng cần đợi nói nữa. Nếu tư lự chưa trừ, danh lợi chưa dứt, dầu có tịnh cũng trong chút lát mà thôi, chớ đâu được lâu dài. Kềm thúc hay là tự nhiên, xét thấu hay là chưa xét thấu, sai đi một hào, thì thấy khác xa như một trời, một vực*”.

---

<sup>(164)</sup> Sách Mạnh Tử, thiên Công Tôn Sửu thượng nói rằng: “*Viết: Cảm vấn Phu Tử chi bất động tâm, dữ Cáo Tử chi bất động tâm, khả đắc văn dư? Cáo Tử viết: “Bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí. Bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí, khả; bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất khả”*”, nghĩa là: Sửu nói: Dám hỏi nhà thầy không động tâm với Cáo Tử không động tâm, cái mẹo có thể nghe được

---

chăng? Thầy nói: Cáo Tử nói rằng: “*Lời nói mà chẳng được thông thì chớ suy nghĩ ở trong tâm (sợ sanh ra ngờ vực, náo loạn); trong tâm mà chẳng được yên, thì chớ động chi đến khí*”. Nói rằng tâm chẳng được yên, thì chớ động chi đến khí, còn hơi phải. Nói rằng lời nói chẳng được thông, chớ suy nghĩ ở trong tâm thì không phải.

### 53. LẠC

Vui có chi vui bằng đắc Đạo, dân chúng đắc Đạo vui hơn bực vương hầu. Khổ có chi khổ bằng thất Đạo, vương hầu thất Đạo khổ hơn người xách bị.

Một ngày học Đạo, một ngày sung sướng; ngày ngày học Đạo, ngày ngày sung sướng; chung thân học Đạo, chung thân sung sướng. Học Đạo là cái pháp môn an lạc, cho nên Thánh nhơn học mà không nhàm.

Châu Mậu Thúc dạy hai họ Trình tìm chỗ vui của Đức Khổng, của thầy Nhan. Cái vui này ở trong thân người, cầu ngược vào trong thì tự nhiên có đủ.

Mạnh Tử nói rằng: Người quân tử có ba điều vui:

① Vui về thiên luân (cha mẹ song toàn, anh em vô sự). ② Vui về tánh phận (ngược lên chẳng hổ cùng Trời, cúi xuống không thẹn với người). ③ Vui về danh giáo (tự hiệp bực anh tài, chỉ dạy cho biết Đạo). Cái vui ở đâu trên trời hay là ở tại người khác, ta không thể chắc cầu được. Còn cái vui ở nơi ta, sao mà chẳng lấy hết sức mình để cầu cho được nó vậy?

Nay người có ai bị kẻ khác sai khiến chẳng? Có ai bị muôn vật sai khiến chẳng? Có ai bị hình thể sai khiến chẳng? Người nào trừ được ba thứ sai khiến này thì mới có thể nói chuyện đến sự vui với họ.

Thường thấy kẻ đa mang công việc, hết sức hết gân,

chỉ trông buông ra mà nghỉ thì nghe khoái sướng trong mình lắm. Người học Đạo, nếu buông nghỉ được, lại vui gấp mấy muôn lần hơn kẻ thế.

Lối mấy năm trước, ta đi đường xa mà lại gặp nắng gắt, thấy một ông già ngồi trong nhà mát, ta cho ông ấy là cực kỳ vui sướng. Nay ta nhàn rồi, ngồi dưới gốc cây, tàn che mát mẻ, mà chẳng thấy gì là vui sướng hết. Sao vậy? Năm trước, ta đương cực nhọc mà thấy người thông thả, mới có cái tư tưởng vui ấy. Ý giả, có phải nghèo thấy giàu, hèn thấy sang, mà đều như thế hết chẳng?

Làm người, ai ở địa vị nào thì cứ làm theo địa vị nấy, thế thì không vào cảnh nào mà chẳng tự đắc (toại chí). Phạm để tâm ước mơ ra ngoài, không có chi ích cả. Hết thấy các phan duyên<sup>(165)</sup>, nghiệp trái, phải quấy, tội phước đều do nơi một niệm ước mơ ra ngoài đó mà phát khởi, vậy chẳng nên dè dặt sao?

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Học Đạo là pháp môn an lạc, người hay cho nó là khổ, còn danh lợi là việc cực nhọc, mà trái lại người cho nó là vui. Huệ nhĩn với nhục nhĩn tự nhiên phải có chỗ khác nhau là thế!*”

---

<sup>(165)</sup> Coi lời giải trong bài chữ Thúc, trang 101.

## 54. THÁI CỰC

Thái cực là Tổ sanh Lưỡng Nghi (âm dương). Lưỡng Nghi là Tổ sanh Trời Đất. Trời Đất là Tổ sanh muôn vật. Tu thân bằng Tổ khí thì thân được vững bền. Vẽ bùa với Tổ khí thì bùa sẽ linh nghiệm.

Ở trong mình người, Thái cực gọi là Huyền Tần. Ấy là hai thứ chơn tinh diệu hiệp, tự nhiên mà tạo thành. Nó là gốc của thần khí, cũng là khiêu của tánh mạng.

Đại khái, xem xét cái cơ Đạo của Trời, noi theo cách vận hành của Đất, làm hai việc đó thì trọn rồi.

Một âm, một dương, hai cái phối hiệp cùng nhau, là cái cơ Đạo của Trời Đất. Nhựt nguyệt vân xây, ngày đêm hiệp sáng với nhau, là cách vận hành của trời đất. Cho nên nói: Trời đất sắp theo ngôi thứ thì có Dịch vận hành nơi giữa.

Nói Dịch là chỉ Khảm Ly. Thánh nhơn biết như thế nên mới lấy Kiền Khôn làm *đánh khí*, lấy ô thổ làm *dược vật*<sup>(166)</sup>. Ở trong đó, khi phát, khi tàng, khi đầy, khi vơi, có số, cũng phải lấy hỏa hậu mà toán định.

<sup>(166)</sup> Đạo Quang nói rằng: Kinh nói: Nhựt nguyệt vốn là tinh ba của Kiền Khôn. Thánh nhơn ví Kiền Khôn như đánh khí, tí nhựt nguyệt như đơn dược. Kiền Khôn tức là chơn long, chơn hổ. Nhựt nguyệt là huyền khí của long hổ. Thánh nhơn mượn vật hữu hình mà ví dụ, kỳ thiết chỉ đem tinh *chơn nhứt* về Huỳnh Đạo. Huỳnh Đạo là trung cung, chỗ kim đơn ngưng kết.

Âm Phù Kinh nói rằng: *Nhựt nguyệt hữu số, đại tiểu hữu định; thánh công sanh diên, thần minh xuất diên*, nghĩa là: Nhựt nguyệt có độ số (châu thiên), lớn nhỏ (âm dương), có nhứt định (vãng lai), Thánh nhơn theo đó mà hành công phu, tự nhiên có thần minh (thiên cơ tạo hóa) phát lộ. Tóm lại, trộm được cái máy nghịch dụng (vận dụng đi trở ngược lại) là đủ rồi.

Trời đất phân rẽ, nhựt nguyệt vân xây, chiếu diệu hiệp sáng, thì Tạo Hóa sanh vậy. Nhựt nguyệt là tinh thần của trời đất, của âm dương. Nói theo bát quái, tức là Khảm Ly. Ô tinh là khí âm ở trong quẻ Ly, thổ tủy là khí dương ở trong quẻ Khảm .

Theo phép luyện đơn thì lấy ô thổ để làm dược vật (vị thuốc), chẳng qua là biết cái tinh ba của ngũ tạng, rồi trộm cái cơ mâu nghịch dụng mà thôi. Dược vật sanh sản có thời tiết, hái lấy có cân lường, vận chuyển có pháp độ. Chỗ cốt yếu là tại mặt trăng mọc lúc canh sơ (trăng lười liềm mùng ba - mới phát sanh kim khí), diên khí sanh hồi quý hậu (khí có Quý Thủy rồi), nhựt nguyệt hiệp sáng, âm dương hòa khí, tự nhiên mà đơn thành. Cho nên hình chữ đơn 丹 do hai chữ nhựt 日 nguyệt 月 hiệp lại.

- Có kẻ hỏi: Sao mà gọi là **kim dịch huồn đơn**?

- Trả lời: Vật mất rồi mà tìm lại được gọi là huồn. Thâu lấy khí kim ở trong thủy, hiệp với khí hồng của ta, mà được thành công, gọi là kim dịch.

Bạch Tần Lão Nhơn nói rằng: “*Thái cực là lý, là tánh. Lương nghi là khí, là mạng. Kỳ thiết, ngoài lý không có khí, ngoài khí không có lý, đủ thấy tánh mạng chẳng phải chia ở hai chỗ riêng. Tu tánh tức là phượng dưỡng mạng, cũng như đầy bụng (thật phúc) tức là phép trống lòng (hư tâm) vậy*”<sup>167</sup>).

---

<sup>167</sup> Đạo Đức Kinh nói rằng: “*Thị dĩ Thánh nhơn chi trị (dân), hư kỳ tâm, thật kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt, thường sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã, vi vô vi tắc vô bất trị*”, nghĩa là: Cho nên, những bậc vua thánh trị dân, làm cho chúng nó trống lòng mà đầy bụng, yếu chí mà mạnh xương, thường khiến dân không hay biết, không lòng tham (thanh tịnh), khiến kẻ trí chẳng dám dùng trí mình (muru loạn), làm theo phép vô vi mà không chỗ nào chẳng được trị an

*Trống lòng đầy bụng*, nghĩa bóng là trống lòng dục, đầy lòng Đạo, chớ chẳng phải nói cho dân ăn no mà để cho nó dốt.

## 55. TRUNG

Những bậc Thánh xưa truyền lại cho nhau, chỉ có một chữ trung chẳng chĩnh lịch, chẳng dựa nương, là cái thể của chữ trung. Chẳng quá chừng, chẳng không kịp, là cái dụng của chữ trung.

Vua Nghiêu nói rằng: **Doãn chấp khuyết trung**, nghĩa là: Tin chắc nắm giữ chữ trung của mình. Chấp trung đây là nói gồm luôn về động, về tịnh. Tịnh thì giữ chữ trung ấy để tồn tâm (dưỡng tinh thần), động thì giữ chữ trung ấy để ứng sự (đối người vật).

Doãn nghĩa là tin chắc. Có cái ý do thời kỳ, tùy sự vật, tự nhiên mà nắm giữ chữ trung, chớ không có một mảy miễn cưỡng, gián đoạn nào cả.

Vua Thuần nói rằng: **Duy tinh duy nhứt**. Rõ thấy chỗ huyền vi, gọi là tinh. Trước sau giữ một dạ, gọi là nhứt. Ý nói làm người phải nghe thấy cho *duy tinh*, giữ chí được *duy nhứt*, rồi sau mới có thể nắm giữ chữ trung. Trong chữ doãn đã có cái ý này, nhưng sợ người không hiểu thấu, cho nên vua Thuần mới nói rõ thêm rằng: “*Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi*”, nghĩa là: Lòng người rất rắc rối (khó yên), lòng Đạo rất nhỏ nhẹ (khó biết). Có niệm tưởng là lòng người, không niệm tưởng là lòng Đạo. Ý nói lòng người dễ lừng (bốc lên mà dốt), còn lòng Đạo dễ chìm (rất nhỏ khó thấy). Đây nói cái cơ vừa rắc rối, vừa nhỏ nhẹ, làm cho

người đề ý đến, ngõ hầu cẩn thận về phép chấp trung.

Lý Diên Bình<sup>(168)</sup> nguy tọa (cũng như đoan tọa, là ngồi ngay thẳng) cả ngày để nghiệm thử coi cái khí tượng của hỉ, nộ, ai, lạc, lúc chưa phát về trước, ra sao, đặng kiếm chỗ *trung* nói đó. Ông làm như vậy lâu rồi, mới biết gốc lớn của thiên hạ quả là ở tại đó. Cho nên nói: Học vẫn chẳng phải nhiều lời, chỉ ngồi lắng lắng, lóng sạch lòng, để nghiệm thử thiên lý. Nếu thấy được thiên lý rồi thì nhơn dục phải tiêu thối cả.

Lý Thanh Am nói rằng: Chỗ trung này chẳng phải là ngôi giữa chừng hai bên trong ngoài, chẳng phải ngôi giữa của bốn phương, cũng chẳng phải là ngôi giữa trung tâm. Ấy là chỗ ý niệm chưa phát. Cho nên nói rằng: Thánh nhơn do nơi đó mà tẩy tâm thối tàng ư mật (rửa lòng, thối ẩn nơi kín).

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Chỗ ý niệm chưa phát gọi là trung. Thanh Am nói ra lời này, có thể gọi là một tay đã vẽ rồng mà còn điếm nhơn luôn.*”

*Diên Bình tiên sanh cả ngày nguy tọa, để nghiệm thử coi cái khí tượng của hỉ, nộ, ai, lạc, lúc chưa phát về trước, chánh là doãn chấp khuyết trung. Nhờ lâu ngày dày công, nhơn dục biến ra thiên lý, yêu tình trọn hóa Như Lai, công phu toàn do nơi tẩy tâm thối tàng”.*

---

<sup>(168)</sup> Lý Đông tự là Nguyên Trung theo học cùng La Tùng Ngạn, nghiên cứu lý học rất tinh tường. Châu Tử thờ ông làm thầy. Người thế gọi ông là Diên Bình tiên sanh, nghĩa là tiên sanh ở đất Diên Bình.

## 56. HỌC THÁNH

Người xưa có nói rằng: “*Nhơn giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn, Nghiêu Thuấn thị thiên sanh để Thánh nhơn, Thang Võ thị học thành để Thánh nhơn*”, nghĩa là: Người người đều có thể làm vua Nghiêu vua Thuấn. Vua Nghiêu, vua Thuấn là Thánh nhơn tự Trời sanh ra, còn vua Thang vua Võ là Thánh nhơn nhờ học mà nên.

Lão Quân nói rằng: “*Ngã phi Thánh nhơn, học nhi năng chi*”, nghĩa là: Ta chẳng phải Thánh nhơn, nhờ học mà được vậy.

- Có kẻ hỏi: Châu Mậu Thúc<sup>(169)</sup> nói có thể học làm thánh, phải thiết vậy chăng?

- Trả lời: Phải.

- Có chi làm cốt yếu không?

- Có.

- Xin hỏi.

- Lấy chữ nhứt làm cốt. Nhứt nghĩa là không lòng dục. Không lòng dục ắt tịnh hư, động trực (Tịnh thì trong tâm trống không, động thì nói, làm ngay thẳng). Tịnh hư thì sáng láng, sáng láng ắt suốt thông, động

---

<sup>(169)</sup> Châu Đôn Di là một vị danh Nho, tự là Mậu Thúc (1017-1073), trước ra làm quan, sau vì có bệnh xin từ chức, về ở dưới núi Liên Hoa, thuộc Lư Sơn. Ở đó có một cái khe, ông bèn đặt tên là Liêm Khê và tự lấy làm tên hiệu. Hậu Nho gọi phái học của ông là Liêm phái.

trực ắt chung cùng, chung cùng thì bủa khắp. Sáng láng, suốt thông, chung cùng, bủa khắp, thì đã gần bực thánh rồi.

Học Đạo tức là học Thánh nhơn. Đạo là vật ta sẵn có, chẳng phải ở đâu ngoài lại. Thánh chẳng phải đức tuyệt vời, hễ học thì đạt tới nơi.

Cái tánh của ta với Thánh nhơn đồng như nhau. Ai thiết hiện được tánh mình, tức là Thánh nhơn vậy. Người học khoa cử thì sẽ đậu khoa cử, thiên hạ đều biết hết. Người học Thánh nhơn thì sẽ tới bực Thánh nhơn, sao lại chẳng rõ kìa?

Phu Tử của ta tin chắc rằng mình có thể làm Thánh nhơn, cho nên học mãi mà không nhàm. Ngài cũng thấy người đời đều có thể làm Thánh nhơn, cho nên dạy hoài mà chẳng mỏi. Ngài châu lưu các nước là muốn lấy đạo của Thánh nhơn mà dạy trong thiên hạ. Ngài chỉnh đốn sáu kinh là muốn lấy đạo của Thánh nhơn mà truyền tới đời sau.

Chỗ nhà Nho gọi Thánh, tức là Thích gọi Phật, Đạo gọi Tiên.

Phật là gì? Phật là giác (sáng suốt, xét thấu mọi lẽ). Tiên là gì? Tiên là núi (bất động). Đó là nghĩa xưa nay của hai chữ này.

Ta lại đem chữ Phật, chữ Tiên mà nói rõ thêm một chút nữa.

Chữ **Phật** 佛, một bên chữ *nhơn* 亻 (người), một bên chữ *phát* 弗 (chẳng). Phát có cái nghĩa chẳng làm theo nhơn dục. Người làm được những việc người ta chẳng làm, thì có thể thành Phật.

Chữ **Tiên** 仙, một bên chữ *nhơn* 亻 (người), một bên chữ *son* 山 (núi). Sơn có cái nghĩa thường định thường tịnh. Người hay tịnh được như núi thì có thể thành Tiên.

*Bỏ dục liền là Phật,  
Tĩnh mê mới thành Tiên.  
Làm sao mà chứng Thánh?  
Duy một chẳng hai ba.*

Xem qua thì Nho, Thích, Đạo đều nhờ không lòng dục mà thành. Kẻ nào học Thánh mà còn lòng tham lam thì một trăm người không được thành lấy một.

- Có kẻ hỏi: Muốn học Thánh nhơn, mà như khó trừ tập khí thì mới làm sao?

- Trả lời: Tại chẳng khứng trừ cho nên nói khó. Nếu thiết muốn trừ, một khắc đã thấy xong. Sao vậy? Vì hết thấy tập khí đều là hư vọng, tâm mê thì có nó, tâm ngộ thì không ngay. Chẳng phải ngộ rồi mới không có, vốn trước kia nó không có rồi.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “Đạo là vật ta sẵn có, chẳng phải ở đâu ngoài lại. Thánh chẳng phải đức

tuyệt vời, hệ học thì đạt tới nơi. Bốn câu này đủ khai chỗ đường-áo của Thánh nhơn, thêm tinh thần cho kẻ học.

*Mạnh Tử sanh sau Khổng Tử một trăm năm, mà dốc lòng học theo Khổng Tử, cho nên tới ngày nay, người đều xưng luôn Khổng, Mạnh”.*

## 57. KHẨM LY

- Có kẻ hỏi: Dịch có tám quẻ, mà kẻ cầu Đạo thường nói quẻ Khảm, quẻ Ly mà thôi, là tại sao vậy?

- Trả lời: Quẻ Kiên ☶ thuộc dương, quẻ Khôn ☷ thuộc âm. Kiên ở phương Nam, Khôn ở phương Bắc, hai ngôi đối chiếu với nhau. Đây là cái thể của Tiên thiên. Kiên dương khi động tức sanh ngọn gió bất chánh, cho nên hào giữa ở quẻ Kiên sa vào giữa quẻ Khôn, làm cho quẻ Kiên thành ra quẻ Ly ☲, quẻ Khôn thành ra quẻ Khảm ☵.

Nam Bắc là hai cái then chốt của trời đất. Ấy là, theo bát quái Tiên thiên, chỗ Kiên Khôn ở trước khi. Nay Kiên Khôn lui về địa vị vô dụng, rồi lại đem Ly Khảm mà thế vào chỗ ấy, thì cái công dụng của Hậu thiên mới phát hành. Chơn khí ở cung Khảm biến làm *diên*, tức là *Thiên nhứt sở sanh chi Thủy* (là nước của Trời sanh ra lần thứ nhứt). Chơn tinh ở cung Ly biến làm *hống*, tức là *Địa nhị sở sanh chi Hỏa* (là lửa của Đất sanh ra lần thứ nhì). Bởi có nam<sup>(170)</sup> đặng cái tinh này, mà dùng tinh hay biến đổi, cho nên đi thuận thì thành người. Nữ<sup>(171)</sup> đặng cái khí kia, nhưng dùng khí

---

<sup>(170)</sup> Nam đây là chỉ quẻ Khảm. Nữ đây là chỉ quẻ Ly. Sách Đạo gia thường dùng hai chữ nam nữ mà chỉ Khảm Ly, âm dương, chớ lấy nghĩa trai gái mà lầm.

được vững bền, cho nên đi nghịch thì thành tiên.

Lấy chơn diên là Tiên thiên chưa bị vọc khuấy (chưa nhiễm trần) chế chơn hồng là Hậu thiên chứa đã lâu rồi, thì hai loại mên nhau, trứ nhau như vợ chồng, như con mẹ, chẳng đành rời nhau. Đó là tự nhiên như nhiên, không biết duyên cớ sao mà ra làm vậy.

Ly là mặt nhựt, mặt nhựt chủ về dương tinh, mà hào giữa quẻ Ly thuộc âm, ấy là âm ngụ nơi nhà dương. Ở trong mình người, Thiếu Âm số 8, nam tử đặng số đó, cho nên hai tám (16 tuổi) thì chơn tinh thông (lậu tinh); Thiếu Dương số 7, nữ tử đặng số đó, cho nên hai bảy (14 tuổi) thì thiên quý chí (có kỳ). Có phải nhờ dương đặng số âm, âm đặng số dương, mà được thấy nghĩa hộ tàng (cái này ngụ trong cái kia, cái kia ngụ trong cái này) đó chăng?

Cho nên người muốn cầu Đạo thì phải đem cái hào dương trong quẻ Khảm tái nhập cho được trong giữa quẻ Ly thì mới phục lại thể Kiên mà hườn y Đại Đạo. Và lại, dương ở trong âm lấy động làm chủ, cho nên lúc rút quẻ Khảm chỉ phải coi chừng nó động. Còn âm ở trong dương lấy tĩnh làm chủ, cho nên khi đắp quẻ Ly rồi, phải tịnh để dưỡng nó.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Dùng tinh hay biến đổi, người đời đều biết; dùng khí được vững bền, người đời không rõ. Lấy chơn diên Tiên thiên chưa bị vọc khuấy mà chế chơn hồng Hậu thiên chứa đã lâu rồi. Hai câu này tiết lậu cái bí chỉ của trọn bộ Ngộ Chơn*

*Thiên, kẻ đắc quyết<sup>(172)</sup> tự mình hiểu lấy.*

*Lúc rút quẻ Khảm, chỉ coi chừng nó động; khi đắp quẻ Ly rồi, phải tịnh để dưỡng nó, lại là một câu khẩu quyết còn trọng yếu hơn nữa!”*

---

<sup>(172)</sup> Đắc quyết nghĩa là được thầy truyền bí quyết rồi.

## 58. KHAI QUAN (mở cửa ải)

Trong mình người có mạch Nhâm và mạch Đốc. Dương hồi còn trong thai bào, hai mạch này thường vận chuyển không bao giờ gián đoạn, nên thần khí hỗn hiệp, thông với Tiên thiên. Đến khi xé bọc ra, cắt rún rồi thì mạch này bèn chia làm hai: Mạch Nhâm chủ về phần âm, khởi tại khiếu Thừa Tương (môi dưới) mà dứt ở khiếu Hội Âm (gần lỗ đại, phía trước); mạch Đốc chủ về phần dương, khởi tại khiếu Trường Cường (gần lỗ đại, phía sau) mà dứt ở Nhon Trung (môi trên)<sup>(173)</sup> thì âm dương hết giao, trước sau gián đoạn. Nê Hườn chẳng cùng Đon Điền giao thông, khí Đon Điền chẳng cùng Vĩ Lư thấu suốt, quan khiếu chẳng thông, hóa cơ không chủ. Do cái khí bẩm nhiều ít mà thành ra thọ mạng vẫn dài. Cho nên ngày chết đã định rồi từ khi con người mới sanh ra.

Xưa có người hiểu lý này trước hết, được chứng quả trường sanh, là nhờ có phép châu thiên thăng giáng, hà xa vận chuyển khiến cho hai mạch liền nhau, tuần hườn không dứt, ba quan khai thông, châu lưu chẳng nghỉ. Theo phép này, trước giờ Tý, sau giờ Ngọ, ngồi xếp bằng ngay thẳng, bốn cửa bế ở ngoài, hai mắt xem vào trong, trong trẻo như nước đứng, vắng lặng tợ nhà không, sẽ đến không lo, qua rồi chẳng tưởng, tâm chẳng sanh diệt, khí không ra vào. Hãy điều hơi thở

<sup>(173)</sup> Coi bản đồ trong bài chữ Mạch.

cho lâu, chú tưởng tại Đon Điền, giữ đưng cho khí tán, thì mới nghe trong Đon Điền có khí phát động. Tức thì đem hơi thở lỗ mũi cần bế nơi dạ dưới, lấy ý mà phụ hơi một chút, cho khí thông Vĩ Lư. Vĩ Lư thông thì phải nhịu hơi Cốc Đạo (lỗ đại), lưỡi chống ổ gà, dùng ý dẫn từ từ lên tới Nê Hườn. Đem khí lên tới Nê Hườn gọi là hườn tinh bổ não. Một chập, khí ấy hóa ra cam lộ, do Thước Kiều<sup>(174)</sup> mà đi xuống, thì bỏ cái lưỡi xuống, tự nhiên hội yết khai thông, dùng ý nhẹ nhẹ đưa về Ngươn Hải. Đó là một hiệp. Đủ 360 hiệp như vậy gọi là một châu thiên.

Làm vậy cho lâu, tự nhiên khí cơ lưu chuyển, cốt tiết xoi thông, ba quan lần mở, hai mạch tìm lại con đường Tào Khê, có cảm sẽ thông, vào cửa chúng diệu (huyền khiếu), ngươn tinh hết chạy ra nữa.

Trên là một tiết công phu, có thể làm cho người sống lâu. Tới việc bảo ngươn khế hư (giữ gìn huyền khiếu, hiệp với hư không), thoát thai thần hóa (thần ra khỏi thai, vô cùng biến hóa), lại có một từng công phu vi diệu khác nữa, nhưng kỳ thiết cũng tự bước đầu này mà tiến lên.

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: “*Giữ đều hơi thở, có ngày phục trú cái khí Hậu thiên; chứa khí khai quan, tự nhiên trở lại con đường Tiên thiên, tức là chỗ gọi: Tìm được con đường trước đi lại*”.

<sup>(174)</sup> Thước Kiều là cầu của chim ô thước bắc qua sông Ngân Hà cho Chức Nữ sang gặp Ngưu Lang đêm mùng bảy tháng bảy. Đây có nghĩa là chỗ nguy hiểm khó qua (ngõ thông ra lỗ mũi).

## 59. TỰ CHÁNH<sup>(175)</sup>

Đức Khổng Thánh nói rằng: “*Quân tử thực vô cầu bảo, cư vô cầu an, mãn ư sự nhi thận ư ngôn, tị hữu đạo nhi chánh diên*”, nghĩa là: Người quân tử (chuyên tâm dốc chí về sự học) ăn không kịp no, ở không kịp yên, nhậm lẹ về việc làm, dặt dè trong lời nói (nhưng còn chưa dám cho mình làm phải), lại hay gần gũi với người có Đạo để chất chánh những điều trái phải.

Ngài chuyên tâm gắng sức, có thể nói là học đúng theo tông chỉ. Vậy mà còn phải gần gũi người có Đạo để mình biện chánh tà. Chẳng phải Ngài có ý quá khiêm, kỳ thiết là muốn học thêm mà thôi. Ngài thiết thấy rõ đạo lý trong thiên hạ là vô cùng, còn học vấn của một người thì hữu hạn. Cho nên Đại Thuần là bực Thánh nhơn, còn ham hỏi và ưa xét nhưng lời thiên cận, quên mình mà theo người, vui xem gương người để làm lành. Nhan Tử là bậc đại hiền, mình có tài năng mà hỏi người không tài năng, mình nhiều học thức mà hỏi kẻ không học thức, có như không có, đầy tự trọng.

Từ xưa đến nay, Thánh không tự xưng mình là Thánh, cho nên nhờ đó mà làm Thánh; Hiền không tự

xưng mình là Hiền, cho nên nhờ đó mà làm Hiền. Người nay chẳng phải vậy. Họ tự khoe mình đã gặp thầy, mà chẳng xét coi thầy đó chơn hay giả; tự khoe mình đã cầu Đạo, mà chẳng xét coi Đạo đó cạn hay sâu. Họ làm theo bàng môn, luyện đui tu mù, rốt cuộc không nên trò gì cả. Họ nhìn giả làm chơn, chấp mê không tỉnh ngộ. Có kẻ thương họ lắm lạc, lấy Đạo chánh mà chỉ dạy, họ cũng không tin nữa!

Kinh Dịch nói rằng: *Một âm một dương gọi là Đạo*. Kẻ nhân thấy Đạo gọi Đạo là nhân, kẻ trí thấy Đạo gọi Đạo là trí. Đời nay, những nhà luận Đạo đều là người thấy nhân thấy trí, cầu luôn về gốc ngọn, gồm hết cả dưới trên, giữ trọn tánh mạng song tu, Đạo đã minh, đức đã lập, tất nhiên phải chờ người dốc lòng ham học, thường có lòng tị chánh, mới là nói Đạo cùng họ.

Kẻ sĩ có Đạo mới có thể làm nên thân mình, giúp người tròn phận, mới có thể xét rộng, rồi tùy thời mà thi thố. Tỉ như cái chuông lớn, đánh mạnh thì nó kêu lớn, đánh nhẹ thì nó kêu nhỏ, chẳng đánh thì nó không kêu. Chẳng đánh mà kêu thì người ta cho là cái chuông kỳ quái, còn đánh mà không kêu thì người ta cho là cái chuông đồ bỏ. Cho nên người có Đạo tùy người mà giúp ích, chẳng phải để mất người, nghĩa là: Gặp người nên giúp mà bỏ qua; lại cũng chẳng để mất lời nói, nghĩa là: Nói Đạo với người không biết gì.

- Có kẻ hỏi: Như ở đời này, có kẻ sĩ mộ Đạo, mà khó gặp người có Đạo, là tại sao vậy?

---

<sup>(175)</sup> Tự là đến gần, chánh là chất chánh (hỏi cho chính đính về chỗ còn nghi ngờ). Tự chánh nghĩa là gần người có Đạo để chất chánh trái phải.

- Trả lời: Kinh sách ở trong đời này tự người có Đạo truyền lại. Mình xem kinh sách mà tự chánh, chỉ giữ đừng phạm câu kinh sách dặn thì lời dạy ta chẳng phải là nhiều sao?

Bạch Tản Lão Nhơn nói rằng: *“Muốn gần người có Đạo để chất chánh phải quấy, nếu ta chẳng có Đạo thì làm sao biết được người có Đạo? Huống Đạo có lớn có nhỏ chẳng đồng, có tà có chánh khác xa. Mình đặng chánh rồi mới biết chỗ chánh của người, mình không tà rồi mới biết chỗ tà của người. Nếu chẳng phân biệt trắng đen, gặp người thì cầu giáo, làm như thế mà không theo bằng môn ngoại đạo, thiệt là ít có lăm!”*.

## CHUNG

## 60. PHỤ GIẢI VỀ CHỮ NHÂN

*(của dịch giả)*

Câu *“Nhân giả nhơn dã”* là lời của thầy Mạnh Tử (coi sách Mạnh Tử, chương Tận Tâm). Chữ nhân đây chỉ cái lý do mà con người được nên người, cái đức tánh hoàn toàn mà người muốn làm người phải giữ lấy đó làm căn đề.

Thầy Mạnh Tử cũng có nói (coi chương Cáo Tử): *“Nhân, nhơn tâm dã”*, nghĩa là: Nhân là lòng người vậy. Hay là nói một cách khác: Nhân là bản đức của cái tâm. Tức là chỗ thầy Trình Tử gọi: *“Tâm như cốc chủng”*, nghĩa là: Tâm in như hạt lúa giống. Đây nói nhân là cái tánh hay sanh sanh hóa hóa của cái tâm.

Đức Lữ Tổ cũng nói: *“Thiên địa chi đại đức viết sanh, sở dĩ sanh sanh giả viết huyền. Tại thiên vị chi huyền, tại nhơn vị chi nhân”*, nghĩa là: Cái đức lớn của Trời Đất gọi là sanh, cái lý bởi đó mà sanh hóa gọi là huyền. Ở trên trời thì gọi là huyền, ở trong mình người thì gọi là nhân.

Ông bác sĩ Nhựt Bồn, Phục Bộ Vũ Chi Cát, là một nhà nghiên cứu về triết học Trung Quốc rất sâu sắc, không những nổi tiếng ở Nhựt Bồn, mà còn nổi tiếng cả Trung Quốc và Âu Mỹ nữa. Ông diễn thuyết về vấn đề *“Cái tư tưởng căn bản của Khổng, Mạnh”*, có nói rằng:

“Ngài (Đức Khổng Tử) đối với môn nhơn là Tăng Tử và Tử Cống nói câu “Nhất dĩ quán chi”, ấy là Ngài nói về cái nguyên lý căn bản của Ngài đó.

Nhưng cái nguyên lý căn bản của học thuyết Đức Khổng Tử là gì? Cái nguyên lý căn bản của Đức Khổng Tử, cứ như lời Tăng Tử nói khi đáp lại các môn nhơn, thời không ngoài một chữ nhân. Thế mà các nhà Nho từ xưa đến nay nói rõ về chữ nhân là nguyên lý căn bản của Khổng Tử thời ở Trung Quốc chỉ có Lưu Xương và ở Nhật Bản có Y Đằng, Nhân Trai và Vật Tô Lai ba người.

Nay chữ nhân phải giải thích ra thế nào? Cứ theo ý riêng của tôi, Khổng Tử nói nhân một mặt là chỉ đức Trời, một mặt là chỉ cái bản tánh của loài người ta sẵn có. Khổng Tử đã lấy nhân làm cái thiên tánh của loài người ta vốn có, bèn đem nhân mà thiết hiện ra mỗi việc, khiến cho ta vừa trọn được cái đạo của ta, vừa trọn được cái đạo thờ Trời”.

Xem trên đó thì đủ biết nghĩa chữ nhân rộng là thế nào. Cho nên nói nhân hay háo sanh, ái nhơn thì được; mà nói háo sanh, ái nhơn là nhân thì không đủ, vì đó chỉ là một phần việc của nhân mà thôi.



## CÁO BẠCH

Hiện thời, trong xứ ta, tông giáo trở ra nhiều chi nhánh, rất có vẻ thanh hành. Nhưng tiếc thay! Ta không đủ kinh sách quốc văn để nghiên cứu đạo đức cho rành rẽ. Vậy những người hành đạo không biết chữ nước ngoài – đó lại là phần đông – mới làm thế nào mà học đạo lý? Vậy trách sao ít có người khỏi làm đường lạc nẻo?

Bởi cố, tôi định đuổi theo hai mục đích sau này:

1. Chọn những kinh sách hữu ích, hoặc Hán hoặc Tây, hoặc xưa hoặc nay, mà dịch ra quốc văn, để làm tài liệu cho sự nghiên cứu, gọi là *Kinh phiên dịch* hay là *Sách phiên dịch*.

2. Viết sách để rút những phần cốt tủy trong các kinh sách ấy, dung hòa những thuyết nên dung hòa, phụ nghĩa những điều nên phụ nghĩa, sắp đặt thành thống hệ cho dễ hiểu mau nghe, gọi là *Sách trừ tác*.

Đạo là việc rất lớn, minh mông như biển rộng, cần phải nhiều người học thức tán thành, họa may có nên dựng một nền Đạo vẻ vang cho xứ ta chăng?

Có người đã xuất bản kinh sách rồi. Tôi tuy bất tài, song cũng mạn phép chen chúc với bạn đồng chí, tùy sức mà giúp công cho Đạo. Chớ còn xưng lên chỉ giáo cho ai, thì tôi đâu dám!

Vậy có mấy lời cáo bạch, xin chur quý vị độc giả lượng cho.

NGUYỄN MINH THIÊN

## CHÚ THÍCH TRANH BÌA

Sư Huệ Viễn 慧遠 (334-416) trụ trì chùa Đông Lâm. Dưới chùa có khe nước gọi là khe Cọp (Hổ Khê). Mỗi khi tiễn khách, Sư chỉ đi đến bên khe thì dừng lại, rồi quay về chùa.

Một hôm, đạo sĩ Lục Tu Tĩnh 陸修靜 (406-477) và nhà thơ Đào Tiềm 陶潛 (365-427) cùng vào núi thăm Sư. Khi tiễn khách quý ra về, Sư mãi trò chuyện, thích thú quên cả ngoại cảnh, nên vô tình đi qua khỏi Hổ Khê. Chùng sục tỉnh, thấy đã phá lệ xưa nay, cả ba cùng nhìn nhau cười to.

Câu chuyện này trở thành đề tài cho nhiều họa sĩ vẽ tích *Hổ Khê Tam Tiếu* 虎溪三笑 (ba tiếng cười bên khe Cọp), phản ảnh tinh thần Tam Giáo một nhà. Tranh bìa (họa sĩ khuyết danh) là một trong nhiều bức *Hổ Khê Tam Tiếu* lưu truyền xưa nay.